

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG LC

# HỒ SƠ

THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ  
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN  
NGÀNH XÂY DỰNG

Lai Châu, năm 2026

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG LC



# HỒ SƠ

THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ  
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN  
NGÀNH XÂY DỰNG

*Lai Châu, năm 2026*

Số: 01/2026/CV-LC  
Vv: Đăng tải thông tin năng lực hoạt động  
thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Lai châu, ngày 30 tháng 03 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ  
NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Kính gửi:

- Sở Xây dựng tỉnh Lai Châu.
- Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

Căn cứ Nghị định số 62/20216/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 206/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Công ty TNHH MTV xây dựng thương mại LC kính đề nghị Sở Xây dựng tỉnh Lai Châu xem xét, thực hiện đăng tải thông tin năng lực hoạt động thí nghiệm của Công ty lên Trang thông tin điện tử của Quý Sở theo quy định.

**1. Thông tin về tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng**

- Tên tổ chức: Công ty TNHH MTV xây dựng thương mại LC
- Người đại diện Ông: Hà Thị Hiền Chức vụ: Giám Đốc
- Địa chỉ: Tổ 25 Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu.
- Điện thoại: 0981398619 Email:
- Mã số thuế: 6200090523 Website: <https://xaydunglc.com>
- Đăng ký kinh doanh số: 6200090523, đăng ký lần đầu ngày 24/11/2016 và đăng ký lần thay đổi thứ 3 ngày 14/9/2024 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lai Châu cấp

**2. Thông tin Phòng thí nghiệm vật liệu và kiểm định chất lượng công trình:**

- Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu và kiểm định chất lượng công trình.
- Địa chỉ: Tổ 5 Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu.
- Điện thoại: 0981398619.
- Trưởng phòng: Nguyễn Anh Tuấn

### 3. Danh mục về chỉ tiêu thí nghiệm; tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Thiết bị	Thí nghiệm viên
<b>I</b>	<b>CƠ LÝ XI MĂNG</b>			
1	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:03	Sàng độ mịn xi măng 0,09mm D200. Bình tỷ trọng xi măng	Nguyễn Anh Tuấn Lò Thị Ngọc Phạm Hữu Tuấn Trần Văn Công Lê Văn Dương Trần Thị Tuyết Mai
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:11	Khuôn uốn xi măng 40x40x160 kép 3 -TQ; Máy trộn vữa xi măng Dung tích: 5 lít; Máy nén	
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015 - TCVN 8875:2012	Dụng cụ VICA - .TECH Bao gồm: Thân chính gắn thước, thanh dẫn chuẩn, 3 kim chuẩn, khâu chuẩn, tấm kính	
4	Xác định độ giãn nở Autoclave và Lechatelier	TCVN 8877:2021; TCVN 6017:2015	Khuôn xi măng Le Chaterlier - TQ và bình dưỡng mẫu	
5	Độ tách nước và độ tách vữa của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:1993	Ổng đong nước dung tích từ 50 - 200 ml; Pipet dung tích 5 ml	
<b>II</b>	<b>HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG</b>			
6	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:22	Bộ côn thử độ sụt	Nguyễn Anh Tuấn Lò Thị Ngọc Phạm Hữu Tuấn Trần Văn Công Lê Văn Dương Trần Thị Tuyết Mai
7	Thử độ cứng vebe	TCVN 3107:22	Bộ côn thử độ sụt, đầm rung, đồng hồ, nhót kế	
8	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:22	Thước, cân, tủ sấy	
9	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:22	Bộ côn thử độ sụt, đầm rung, đồng hồ, cân, sàng, khay sắt thước	
10	Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:22	Bộ côn thử độ sụt, đầm rung, đồng hồ, cân, sàng, khay sắt thước	
11	Xác định hàm lượng bọt khí	TCVN 3111:22	Bình thử bọt khí đầm dung, khuôn mẫu . máy nén khí	
12	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:22	Cân, tủ sấy, bình thủy tinh	
13	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:22	Cân, tủ sấy, bình thủy tinh, bàn chải, đá mài, thùng ngâm	
14	Xác định độ mài mòn	TCVN 3113:22	Máy mài , cân, thước kẹp	
15	Xác định khối lượng thể tích bê tông	TCVN 3115:22	Thước, cân, tủ sấy	
16	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:22	Máy thử độ chống thấm, khuôn D15x15, bàn chải	
17	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:22	Máy nén bê tông, thước đo	
18	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:22	Máy nén bê tông, thước đo	
19	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120:22	Máy nén bê tông, thước đo	
20	Xác định cường độ lãng trụ và modun đàn hồi khi nén	TCVN 5762:22	Máy nén bê tông, thước đo	
21	Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:12	Bình thủy tinh, nhiệt kế, đồng hồ bấm giây	
22	Xác định hàm lượng hạt và có kích thước nhỏ hơn 75 $\mu$ m (cát nghiền)	TCVN 9205:2012	Cân; tủ sấy; sàng	



23	Xác định hàm lượng sét (cát nghiền)	TCVN 344:1985	Cân kỹ thuật; bộ sàng; ống đong
24	Thủ độ co	TCVN 3117:2022	Khuôn đo; thước đo; đồng hồ chia vạch; cân; tủ bảo dưỡng
25	Xác định cường độ kéo khi ép chèn của vật liệu liên kết chất kết dính	TCVN 8862:2011	Máy nén bê tông; thước đo
26	Xác định độ chảy của vữa bơm	ASTM C939	Phễu; khay chứa; đồng hồ bấm giây
27	Xác định độ trương nở và tách nước của vữa bơm	ASTM C940	Bình thủy tinh; nhiệt kế; đồng hồ bấm giây
<b>III</b>	<b>THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG</b>		
28	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:03	Bộ sàng tiêu chuẩn có kích thước lỗ sàng 10mm; 5mm; 2,5mm; 1,25mm; 0,63mm; 0,315mm, 0,14mm (TCVN 342 : 1986) và sàng có kích thước lỗ 0,08mm; Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1 gam; Tủ sấy điện có bộ phận điều chỉnh và ổn định nhiệt độ ở 1050C + 50C và 600C .
29	Xác định độ lưu động của vữa tươi (phương pháp bàn dẫn)	TCVN 3121-3:03	Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1 gam;- bàn dẫn vữa, thước kẹp
30	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:03	Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 1 gam. Bình đong bằng kim loại không gỉ, có thể tích 1 lít, đường kính trong bằng 113 mm.
31	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:03	Máy hút chân không, đồng hồ đo áp lực chân không, bình chứa 1 lít -Phễu có đường kính trong 154 mm – 156 mm, chiều cao 20mm - Đồng hồ bấm giây.-Giấy lọc loại chảy trung bình, 20 g/m2, có đường kính bằng đường kính trong của phễu. -Thiết bị thử độ lưu động theo TCVN 3121-3: 2003.
32	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:03	Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1 gam;- Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh và ổn định nhiệt độ;- Thước kẹp có độ chính xác 0,1 mm;- Cân thủy tĩnh.
33	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:03	Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1 gam;- Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh và ổn định nhiệt độ;- Thước kẹp có độ chính xác 0,1 mm;- Cân thủy tĩnh.
34	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:03	Khuôn bằng kim loại, có hình lăng trụ. Chày đâm mẫu, được làm từ vật liệu không, Thùng bảo dưỡng mẫu- Mảnh vải cotton, - Tấm kính- Máy thử uốn, có khả năng chịu tải đến 5 KN- Máy thử nén máy nén có khả năng tạo lực nén đến 100 KN Tấm nén phải đảm bảo phẳng, khe hở bề mặt giữa 2 tấm nén không lớn hơn 0,01mm;
35	Xác định cường độ bám dính của vữa đã đông rắn trên nền	TCVN 3121-12:03	Thiết bị bám dính vữa- Keo dán, giấy nhám
36	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:03	Cân kỹ thuật (1g), - Thùng ngâm mẫu, - Tủ sấy 2000C, - Khăn lau mẫu- Thước lá

Nguyễn Anh Tuấn  
Lò Thị Ngọc  
Phạm Hữu Tuấn  
Trần Văn Công  
Lê Văn Dương  
Trần Thị Tuyết Mai

<b>IV</b>	<b>VẬT LIỆU CÁT, ĐÁ DẪM (SỎI), CẤP PHỐI</b>			
37	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:06	Cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn	Nguyễn Anh Tuấn Lò Thị Ngọc Phạm Hữu Tuấn Trần Văn Công Lê Văn Dương Trần Thị Tuyết Mai
38	Xác định thành phần thanh lọc	TCVN 7572-3:06	Cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn	
39	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:06	Cân kỹ thuật, độ chính xác 0,1%; - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ sấy ổn định từ 105oC đến 110oC; Bình dung tích, bằng thủy tinh, có miệng rộng, nhẵn, phẳng dung tích từ 1,05 lít đến 1,5 lít và có tấm nắp đậy bằng thủy tinh, đảm bảo kín khí;	
40	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06	Cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn, thùng ngâm mẫu, bình thủy tinh, tủ sấy, công thử độ sụt bình giữ ẩm, sàng, que chọc, thước kẹp, bàn chải, thùng đóng, phễu chứa, thước lá, dụng cụ đảo mẫu, thùng rửa, đồng hồ bấm giây, tấm kính	
41	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6; TCVN 10322:14		
42	Xác định độ ẩm, độ hút nước	TCVN 7572-7:06; TCVN 10321:14		
43	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572:-8:06		
44	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06	Cân kỹ thuật, bộ sàng, ống đồng thang màu, Dung dịch NaOH 3%	
45	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06	Máy nén, máy khoan, cắt, mài, thước, thùng ngâm mẫu	
46	Xác định độ nén đập trong và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06	Máy nén, sàng, tủ sấy, thùng ngâm, cân, bộ xi lanh	
47	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles)	TCVN 7572-12:06	Bộ máy mài mòn, cân, sàng, tủ sấy.	
48	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06	Thước kẹp, cân, sàng, tủ sấy	
49	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:06	cân, tủ sấy, sàng, búa, kính lúp, thước	
50	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:06	cân, tủ sấy, sàng, búa, kính lúp, thước	
51	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:06	cân, tủ sấy, sàng, giấy nhám, đĩa thủy tinh	
52	Xác định hệ số đương lượng cát (ES)	ASTM D2419-91	Cân kỹ thuật, bộ sàng, ống đồng	
53	Phương pháp xác định góc dốc tự nhiên của cát	ASTM D1883-99	Thiết bị thí nghiệm góc nghỉ tự nhiên	
<b>V</b>	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG</b>			
54	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:12	Cân, tủ sấy, bình thủy tinh,	Nguyễn Anh Tuấn Lò Thị Ngọc Phạm Hữu Tuấn Trần Văn Công Lê Văn Dương Trần Thị Tuyết Mai
55	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:12	Cân, tủ sấy, bình dưỡng mẫu, khay	
56	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:12	Cân, tủ sấy, bình dưỡng mẫu, khay, bộ thí nghiệm chảy và dẻo	
57	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:14	Cân, tủ sấy, sàng	
58	Xác định độ chặt đầm nén tiêu chuẩn	TCVN 4201:12;	Cân, tủ sấy, khuôn đầm, chày đầm,	
59	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:12	Cân, tủ sấy, khuôn đầm, chày đầm,	



60	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) - Trong phòng thí nghiệm	TCVN 8821:11	Cân, tủ sấy, bộ khuôn đầm CBR chày đầm, đồng hồ	
61	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 8726:2012	Cân; tủ sấy; bình thủy tinh; búa cao su; sàng; ống hút ống chia độ; giấy lọc; natri cacbonat	
<b>VI</b>	<b>KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG</b>			
62	Thử kéo	TCVN 197:2014	Máy kéo nén vạn năng, bộ uốn mẫu, kích thủy lực, bộ đai ốc bu lông. Thước kẹp . bộ kẹp mẫu	Nguyễn Anh Tuấn Lò Thị Ngọc Phạm Hữu Tuấn Trần Văn Công Lê Văn Dương Trần Thị Tuyết Mai
63	Thử uốn	TCVN 1651:08; TCVN 198:08		
64	Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử uốn	TCVN 5401:10		
65	Kiểm tra chất lượng hàn ống - Thử nén dẹt	TCVN 5402:10		
66	Thử nghiệm phá hủy mối hàn kim loại - Thử kéo ngang	TCVN 8310:10		
67	Thử nghiệm phá hủy mối hàn kim loại - Thử kéo dọc	TCVN 8311:10		
68	Thử kéo bu lông - đai ốc	TCVN 1916:95; TCVN 256:85; ASTM A370:02		
69	Thép B40 - Phương pháp thử nghiệm Kéo, nén, giãn dài, khối lượng tăng phủ	TCVN 1824:1993; TCVN 4392:1986		
<b>VII</b>	<b>BÊ TÔNG NHỰA</b>			
70	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:11	Máy marshall và bộ đo đồng hồ, cung lực 30kN	Nguyễn Anh Tuấn Lò Thị Ngọc Phạm Hữu Tuấn Trần Văn Công Lê Văn Dương Trần Thị Tuyết Mai
71	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy ly tâm	TCVN 8860-2:11	Máy chiết nhựa, giấy lọc, cân, tủ sấy, lò nung	
72	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:11	cân, tủ sấy, bộ sàng theo tcvn 13567	
73	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:11	cân, tủ sấy, khuôn đúc mẫu, bộ đầm mẫu, máy hút chân không, Bình đựng	
74	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:11		
75	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:11	Cân, tủ sấy, rọ đựng mẫu, đĩa kim loại, chảo bay	
76	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:11	ống đong, phễu, tấm kính, dao gạt, cân, tủ sấy	
77	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:11	Cân, tủ sấy, rọ đựng mẫu, đĩa kim loại, chảo bay, khuôn đúc	
78	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:11	PP tính toán	
79	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:11	PP tính toán	
80	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:11	PP tính toán	
81	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:11	PP tính toán	

82	Bộ khoáng cho bê tông nhựa: Xác định thành phần hạt, lượng mất khi nung, hàm lượng nước, khối lượng riêng, khối lượng thể tích, khối lượng thể tích và độ rỗng dư, hệ số hao nước, hàm lượng chất hòa tan trong nước, độ trương nở thể tích, chỉ số hàm lượng nhựa.	22TCN 58:1984	Lò nung, khay, cân , tủ sấy, bông sàng, khay, bình dưỡng mẫu chén sứ, nhiệt kế, bộ sàng , Hóa chất , kính lúp, dầu hỏa, khuôn mẫu, máy hút chân không, bộ vica xi măng	
83	Kiểm tra hình dáng bên ngoài;	22TCN 58:1984	Thước đo độ chính xác 0.1mm	
<b>VIII</b>	<b>NHỰA BI TUM, NHỰA ĐƯỜNG LÔNG, NHỰA TƯƠNG AXÍT</b>			
84	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:05	Bộ đo độ kim lún, tủ sấy, cân , bình ổn nhiệt, nhiệt kế, đồng hồ bấm giây	
85	Xác định độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:05	Bộ máy thí nghiệm kéo dài, tủ sấy, bình ổn nhiệt, nhiệt kế	
86	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:05	Bộ thí nghiệm vòng bi, tủ sấy, bình ổn nhiệt, nhiệt kế	
87	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:05; TCVN 8818- 1:11	Bộ thí nghiệm bắt lửa, tủ sấy, que diêm	
88	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163°C trong 5 giờ	TCVN 7499:05	Cân , tủ sấy, cốc đựng mẫu	
89	Xác định tỷ lệ độ kim lún nhựa đường sau khi đun nóng ở 163°C trong 5 giờ so với độ kim lún ở 25°C	22TCN 279:01	Bộ đo độ kim lún, tủ sấy, cân , bình ổn nhiệt, nhiệt kế, đồng hồ bấm giây	
90	Xác định độ hòa tan của nhựa trong tricloretylen	TCVN 7500:05	Cốc thử kèm lưới lọc thủy tinh, Bình tam giác 250ml có vòi nút cao su, ống cao su	
91	Xác định khối lượng riêng ở 25°C	TCVN 7501:05	Bình thủy tinh, bình ổn nhiệt, nhiệt kế , cân , tủ sấy	
92	Xác định độ nhớt động, nhớt tuyệt đối	TCVN 7502:05; TCVN 8818- 5:11	Bộ thí nghiệm nhớt kế, nhiệt kế, đồng hồ	
93	Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:05	Dây buộc, bình thủy tinh, bếp đun, nhiệt kế	
94	Xác định hàm lượng nước	TCVN 8818- 4:2011	Bình chưng cất thủy tinh; ống dẫn; bếp đun; hộp kim loại; nhiệt kế	
<b>IX</b>	<b>THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG</b>			
95	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	22TCN 02-71; TCVN 8729:12	Cân, cón, bộ dao đai, khay	
96	Độ ẩm; khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:06; TCVN 8729:12	Phễu rót cát, cón , cân, búa đục, khay	
97	Xác định modul đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:11	Cần đo và tấm ép tròn, đồng hồ	
98	Xác định modul đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:11	Cần Benkenman. Đồng hồ	
99	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:11	Bộ thí nghiệm rắc cát	
100	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:11	Thước 3 M và con nêm	
101	Đo điện trở nối đất	TCVN 9385:12	Máy đo Điện Trở	

Nguyễn Anh Tuấn  
Lò Thị Ngọc  
Phạm Hữu Tuấn  
Trần Văn Công  
Lê Văn Dương  
Trần Thị Tuyết Mai

Nguyễn Anh Tuấn  
Lò Thị Ngọc  
Phạm Hữu Tuấn  
Trần Văn Công  
Lê Văn Dương  
Trần Thị Tuyết Mai

102	Xác định cường độ nén của bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:12	Súng bật nảy	
103	Phương pháp không phá hủy kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:12	Máy Siêu âm	
104	Thí nghiệm Bentonite: Xác định khối lượng riêng, độ nhớt, hàm lượng cát, độ PH, tỷ lệ chất keo, lực cắt tĩnh, độ dày áo sét, tính ổn định, Lượng mất nước	TCVN 9395:12	Bộ thí nghiệm Bentonite và Bình chung cát thủy tinh; ống dẫn; bếp ga hoặc bếp từ; hộp kim loại; nhiệt kế	
105	Sức kháng trượt xác định bằng con lắc Anh	TCVN 10271	Bộ thí nghiệm con lắc anh	
106	Kiểm tra hàm lượng tươi /m <sup>2</sup>	TCVN 8863-2011	Khay, cân kỹ thuật	
X	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH</b>			
107	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:09	Dùng thước lá Thước kẹp, căn chuẩn, thước vuông góc.	
108	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:09	Máy nén thủy lực, thước lá	
109	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:09	Máy thử uốn hoặc nén, thước đo có độ chính xác tới 1mm, các miếng kính để là phẳng vữa trát mẫu bay chảo ....	
110	Xác định độ hút nước, thấm nước	TCVN 6355-4:09	Tủ sấy tới 200 <sup>o</sup> C có điều chỉnh nhiệt độ, Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1g, thùng để ngâm mẫu	Nguyễn Anh Tuấn Lò Thị Ngọc Phạm Hữu Tuấn Trần Văn Công Lê Văn Dương Trần Thị Tuyết Mai
111	Xác định khối lượng thể tích	TCVN6355-5:09	Tủ sấy tới 200 <sup>o</sup> C có điều chỉnh nhiệt độ, Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1g, thùng để ngâm mẫu	
112	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:09	Tủ sấy tới 200 <sup>o</sup> C có điều chỉnh nhiệt độ, Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1g, thùng để ngâm mẫu	
113	Thử nghiệm cơ gạch Terrazzo	TCVN 7744:2013	Máy nén; thước đo; gô; gối uốn; khay mẫu; tủ sấy; cân; bình bảo ôn	
XII	<b>PHÂN TÍCH HÓA LÝ NƯỚC</b>			
114	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4506:12	Phễu và giấy lọc băng xanh ;Bình trụ dung tích 1000 ml; Tủ sấy .300ocCân kỹ thuật chính xác tới 0,001g; Cốc thủy tinh	
115	Lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 4565:88	Bát sứ dung tích 500 mlBếp điện ; Tủ sấy .300ocCân kỹ thuật chính xác tới 0,001g; Đũa thủy tinhPet, nước cất ; Dung dịch natri cacbonat 1%	Nguyễn Anh Tuấn Lò Thị Ngọc Phạm Hữu Tuấn Trần Văn Công Lê Văn Dương Trần Thị Tuyết Mai
116	Độ PH	TCVN 6492:11	Giấy quỳ đo độ PH vạn năng (pp thông thường) Cốc thủy tinh	
117	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:88	Bình định mức có dung tích 1 lít; Bình hình nón có dung tích 250 ml; Hoá chất bạc nitrat dung tích 0.05NKali cromat dung tích 5 %	
118	Hàm lượng ion sunfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )	TCVN 6200:96	Ống hút 50 mlỐng đo màu sắcỐng chuẩn độ vi lượng .HCl nồng độ 5%Mê tin da cam 0.1%BaCl 10%H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> 0.1N	

119	Hàm lượng ion clorua	TCVN 6194:96	Ống hút 50 ml Ống đọ màu sắc Ống chuẩn độ vi lượng .HCl nồng độ 5% Cân kỹ thuật chính xác tới 0,001g Đũa thủy tinh, Pi pet Nước cất
120	Hàm lượng natri và Kali	TCVN 61933-3:00	Cân kỹ thuật chính xác tới 0,001g Đũa thủy tinh Pi pet, nước cất Bình định mức có dung tích 1 lít Bình hình nón có dung tích 250 ml
121	Kiểm tra váng dầu mỡ và màu sắc	TCVN 4506:212	Kiểm tra bằng mắt

Công ty TNHH MTV thương mại xây dựng LC chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và nội dung kê khai trong đơn; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung đã công bố và tuân thủ theo quy định của pháp luật có liên quan./.

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI  
XÂY DỰNG LC  
Giám Đốc**

  
  
**Hà Thị Hiền**



SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
TỈNH LAI CHÂU  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 6200090523

Đăng ký lần đầu: ngày 24 tháng 11 năm 2016

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 07 tháng 04 năm 2021

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI XÂY  
DỰNG LC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

Tổ 25, Phường Đông Phong, Thành phố Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

Điện thoại: 0944974608

Fax:

Email:

Website:

**3. Vốn điều lệ**

4.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Bốn tỷ đồng

**4. Thông tin về chủ sở hữu**

Họ và tên: LÒ THỊ NGỌC

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 26/02/1987

Dân tộc: Thái

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040292907

Ngày cấp: 22/10/2009

Nơi cấp: Công an tỉnh Điện Biên

Địa chỉ thường trú: Tổ 9, Thị Trấn Mường Ảng, Huyện Mường ảng, Tỉnh Điện Biên,  
Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 10, Phường Đoàn Kết, Thành phố Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt  
Nam

**5. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: LÒ THỊ NGỌC

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 26/02/1987

Dân tộc: Thái

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040292907

Ngày cấp: 22/10/2009

Nơi cấp: Công an tỉnh Điện Biên

Địa chỉ thường trú: Tổ 9, Thị Trấn Mường Ảng, Huyện Mường ảng, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 10, Phường Đoàn Kết, Thành phố Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG  
"HỒ TRƯỞNG PHÒNG



Trần Văn Dũng

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
TỈNH LAI CHÂU  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

**Mã số doanh nghiệp: 6200090523**

*Đăng ký lần đầu: ngày 24 tháng 11 năm 2016*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 14 tháng 09 năm 2024*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI XÂY  
DỰNG LC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Tổ 25, Phường Đông Phong, Thành phố Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam*

Điện thoại: 0944974608

Fax:

Email:

Website:

**3. Vốn điều lệ : 10.000.000.000 đồng.**

*Bằng chữ: Mười tỷ đồng*

**4. Thông tin về chủ sở hữu**

Họ và tên: HÀ THỊ HIẾN

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 30/07/1986

Dân tộc: Mường

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 017186002476

Ngày cấp: 17/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Tổ 7, Phường Tân Phong, Thành phố Lai Châu, Tỉnh Lai Châu,  
Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 7, Phường Tân Phong, Thành phố Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt  
Nam

**5. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: **HÀ THỊ HIÊN**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: **Giám đốc**

Sinh ngày: *30/07/1986* Dân tộc: *Mường* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *017186002476*

Ngày cấp: *17/04/2021* Nơi cấp: *Cục cảnh sát QLHC về TTXH*

Địa chỉ thường trú: *Tổ 7, Phường Tân Phong, Thành phố Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Tổ 7, Phường Tân Phong, Thành phố Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam*

**TRƯỞNG PHÒNG**  
K.T. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



*Phạm Hồng Khản*

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
TỈNH LAI CHÂU  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
Lai Châu, ngày 14 tháng 09 năm 2024

Số:



### GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Phòng Đăng ký kinh doanh: *Tỉnh Lai Châu*  
Địa chỉ trụ sở: *P Tân Phong, Thành phố Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam*  
Điện thoại: *0213 3876 438* Fax:  
Email: *dkkdlaichau@gmail.com* Website:

**Xác nhận:**

Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG LC**  
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: **6200090523**

**Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.**

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Phá dỡ	4311
2	Chuẩn bị mặt bằng	4312
3	Lắp đặt hệ thống điện	4321
4	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
5	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
6	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, cấp nước sinh hoạt, hạ tầng kỹ thuật, đường dây và trạm biến áp đến 110KV.	4390
7	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
8	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến - Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi - Bán buôn kính xây dựng - Bán buôn sơn, vécni - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh - Bán buôn đồ ngũ kim - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.	4663
9	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810



STT	Tên ngành	Mã ngành
10	<p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tư vấn khảo sát địa chất, địa hình, thiết kế, thăm tra, thăm định, giám sát thi công các công trình: Dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi, thủy điện, cấp nước sinh hoạt và đường dây và trạm biến áp đến 110KV;</li> <li>- Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu; tư vấn lập đồ án quy hoạch xây dựng.</li> </ul>	7110
11	<p>Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh</li> <li>- Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh</li> <li>- Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh</li> <li>- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh</li> <li>- Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh</li> <li>- Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh</li> </ul>	4752
12	<p>Kiểm tra và phân tích kỹ thuật</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, thủy lợi, giao thông, thủy điện, cấp nước sinh hoạt</li> <li>- Thí nghiệm các chỉ tiêu nền móng, kết cấu các công trình xây dựng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, thủy lợi, giao thông, thủy điện, cấp nước sinh hoạt</li> <li>- Kiểm định chất lượng các công trình xây dựng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, thủy lợi, giao thông, thủy điện, cấp nước sinh hoạt</li> <li>- Thí nghiệm và kiểm định vật liệu xây dựng</li> <li>- Chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn các công trình xây dựng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, thủy lợi, giao thông, thủy điện, cấp nước sinh hoạt và chứng nhận về sự phù hợp các công trình xây dựng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, thủy lợi, giao thông, thủy điện, cấp nước sinh hoạt</li> </ul>	7120
13	<p>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác</li> <li>- Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế</li> <li>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh</li> <li>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh</li> <li>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện</li> <li>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự</li> <li>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm</li> <li>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao</li> </ul>	4649

STT	Tên ngành	Mã ngành
14	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác ; Bán buôn hoa và cây ; Bán buôn động vật sống; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa)	4620
15	Xây dựng nhà để ở	4101
16	Xây dựng nhà không để ở	4102(Chính)
17	Xây dựng công trình điện	4221
18	Bán buôn thực phẩm	4632
19	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
20	Bán buôn đồ uống	4633
21	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
22	Xây dựng công trình đường bộ	4212
23	Xây dựng công trình công ích khác	4229
24	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
25	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
26	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

**Nơi nhận:**

-CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI  
XÂY DỰNG LC. Địa chỉ:Tổ 25, Phường  
Đông Phong, Thành phố Lai Châu, Tỉnh  
Lai Châu, Việt Nam

-.....;  
- Lưu: Phạm Thị Hương.....

**TRẦN THỊ HỒNG**  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



*Phạm Hồng Khanh*

Công ty TNHH một thành viên  
Thương mại Xây dựng LC  
Số: 01/QĐ-CTL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lai Châu, ngày 20 tháng 02 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

V/v: Thành lập phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thuộc Công ty  
TNHH một thành viên Thương mại Xây dựng LC.

### GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG LC

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/2014 của Quốc hội;

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 8 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026;

Căn cứ Điều lệ Công ty TNHH một thành viên Thương mại Xây dựng LC;

Căn cứ yêu cầu tổ chức của Công ty TNHH một thành viên Thương mại Xây dựng LC;

Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thành lập Phòng Thí nghiệm thuộc Công ty TNHH một thành viên Thương mại Xây dựng LC, tên giao dịch: Phòng thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình.

**Điều 2.** Cán bộ, nhân viên và Trưởng phòng thí nghiệm do Giám đốc Công ty phân công, điều hành.

**Điều 3.** Phòng thí nghiệm có trách nhiệm thực hiện toàn bộ các phép thử được Sở Xây dựng công nhận và Công ty TNHH một thành viên Thương mại Xây dựng LC công bố đảm bảo tính khách quan, trung thực.

**Điều 4.** Các ông Trưởng phòng các bộ phận chuyên môn Công ty TNHH một thành viên Thương mại Xây dựng LC, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu: VT.

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG  
MẠI XÂY DỰNG LC



Hà Thị Hiền

Lai Châu, ngày 20 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

V/v: **Bổ nhiệm trưởng phòng thí nghiệm**

**GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG LC**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/2014 của Quốc hội;

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 8 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026;

Căn cứ Điều lệ Công ty TNHH một thành viên Thương mại Xây dựng LC;

Căn cứ yêu cầu tổ chức của Công ty TNHH một thành viên Thương mại Xây dựng LC;

Xét trình độ chuyên môn và năng lực của cán bộ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Bổ nhiệm Ông Nguyễn Anh Tuấn Trình độ chuyên môn Đại học xây dựng giữ chức vụ trưởng phòng Thí nghiệm thuộc Công ty TNHH một thành viên Thương mại Xây dựng LC.

**Điều 2:** Ông Nguyễn Anh Tuấn có trách nhiệm báo cáo đầy đủ và chịu trách nhiệm cá nhân trước Giám đốc công ty về các hoạt động của phòng thí nghiệm theo quy định của công ty.

**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, Cá nhân có tên tại Điều 1, các bộ phận có liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Sở xây dựng tỉnh Lai Châu;
- Lưu: VT.

**Giám đốc**



**Hà Thị Hiền**

**Danh sách nhân viên thí nghiệm:**

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Chứng chỉ thí nghiệm viên (số, ngày cấp, nơi cấp)
1	Nguyễn Anh Tuấn	02/03/1982	KS Đại học thủy Lợi	Trưởng phòng thí nghiệm	Số C0389297 cấp ngày 22/06/1006 trường Đại Học thủy lợi – Số 27.03.24/VKHCN-QLPTN Cấp ngày 12/03/2024 viện KH và CNGTVT Số 54.01.24/VKHCN-TNV Cấp ngày 18/1/24 viện KH và CNGTVT
2	Phạm Hữu Tuấn	07/02/1986	Đại Học	Cán bộ thí nghiệm	Số 2913/VKHCN cấp ngày 30/1/2015 do viện KHCNVĐTXD – Tổng hội XD Việt Nam
3	Trần Văn Công	17/12/1993	Đại Học	Cán bộ thí nghiệm	Số 20151120/VKHCN cấp ngày 18/12/2018 do viện KHCNVĐTXD – Tổng hội XD Việt Nam
4	Lò Thị Ngọc	26/2/1988	Cao đẳng	Cán bộ thí nghiệm	Số 2025/GT1/VKHCN cấp ngày 22/01/2025 do viện KHCNVĐTXD – Tổng hội XD Việt Nam
5	Lường Thi Tuyết Mai	10/4/1974	Đào tạo nghề	Cán bộ thí nghiệm	Số 32.01.24/VKHCN-TNV Cấp ngày 18/1/24 viện KH và CNGTVT Số 36.28.24/VKHCN-TNV Cấp ngày 23/01/2024 viện KH và CNGTVT
6	Lê Văn Dương	11/03/1983	Đào tạo nghề	Cán bộ thí nghiệm	Số 03.97.23/VKHCN-TNV Cấp ngày 22/11/2023 viện KH và CNGTVT Số 09.92.23/VKHCN-TNV Cấp ngày 15/06/2023 viện KH và CNGTVT



Lai Châu, ngày 03 tháng 02 năm 2026

**Vv. Phân công công việc cho các cá nhân trong phòng thí nghiệm.**

Căn cứ Điều lệ Công ty TNHH một thành viên Thương mại Xây dựng LC

Căn cứ yêu cầu tổ chức của công ty và trình độ chuyên môn và năng lực  
cán bộ của Phòng thí nghiệm. /

**Bảng phân công nhiệm vụ, công việc của cán bộ phòng thí nghiệm;**

Lĩnh vực phụ trách	Họ và tên	Chức vụ	Chức năng - Nhiệm vụ	Ghi chú
Quản lý phòng thí nghiệm	Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng phòng	<ul style="list-style-type: none"><li>- Trưởng phòng thí nghiệm phụ trách chung điều hành công việc mọi hoạt động liên quan của các phòng thí nghiệm</li><li>- Chịu trách nhiệm về công tác quản lý chất lượng, công tác thí nghiệm, tính trung thực, khách quan của các kết quả thí nghiệm của Phòng thí nghiệm xuất ra khỏi phòng trước khách hàng, trước ban lãnh đạo công ty và trước pháp luật.</li><li>- Tham mưu cho Ban lãnh đạo công ty xây dựng chính sách chất lượng, định hướng phát triển của phòng thí nghiệm, xây dựng mối quan hệ với khách hàng</li><li>- Tổ chức sắp xếp, tham mưu cho Ban lãnh đạo công ty tổ chức sắp xếp cán bộ nhân sự cho phòng thí nghiệm theo nhu cầu công việc để đạt được hiệu quả cao nhất</li><li>- Trực tiếp điều động nhân sự trong phòng thí nghiệm phục vụ công tác thí nghiệm đáp ứng nhu cầu của khách hàng và tiến độ của công việc</li><li>- Điều hành hoạt động của các Trạm thí nghiệm tại hiện trường khi có công trình yêu cầu đặt phòng thí nghiệm.</li><li>- Quản lý trang thiết bị thí nghiệm, có kế hoạch trong phòng thí nghiệm đảm bảo công tác quản lý tài sản của Công ty.</li><li>- Tham gia xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng cho phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn và quy chế quản lý phòng thí nghiệm hiện hành theo quy định.</li><li>- Trực tiếp tham gia thí nghiệm và chịu trách nhiệm về các kết quả thí nghiệm</li></ul>	

			<p>của mình khi yêu cầu công việc cần sự đáp ứng về tiến độ, trình độ năng lực</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề xuất với Ban lãnh đạo công ty về các chương trình đào tạo nâng cao tay nghề cho các thí nghiệm viên.</li> <li>- Quản lý trực tiếp quản lý hồ sơ, kết quả thí nghiệm, tiến độ các công trình mà công ty tham gia thí nghiệm.</li> </ul>
<p>Tiếp nhận mẫu, theo dõi và lưu mẫu, trả hồ sơ</p>	<p>Lò Thị Ngọc Lường Thị Tuyết Mai Nguyễn Anh Tuấn</p>	<p>Trưởng phòng thí nghiệm hiện trường</p>	<p>Phụ trách chung điều hành công việc mọi hoạt động liên quan của các phòng thí nghiệm hiện trường</p> <p>Tiếp nhận tất cả các yêu cầu, thông tin phản ánh đến của khách hàng kể cả các thông tin khiếu nại của khách hàng để báo cáo Ban lãnh đạo Công ty,</p> <p>Tiếp nhận mẫu, Mã hóa mẫu thí nghiệm, chuyển đến cho cán bộ thí nghiệm, vào sổ lưu mẫu, theo dõi quá trình lưu mẫu, làm biên bản hủy mẫu theo quy định</p> <p>Trả Hồ sơ, kết quả thí nghiệm cho khách hàng và theo dõi Hồ sơ kết quả thí nghiệm</p> <p>Theo dõi, Quản lý các mẫu lưu theo định của công ty và của yêu cầu khách hàng.</p> <p>Theo dõi công nợ khách hàng, làm các Hồ sơ thanh toán các hợp đồng thí nghiệm</p>
<p>1, Thử nghiệm cơ lý xi măng 2, Thí nghiệm Bê tông và Bê tông nặng 3, Thí nghiệm cốt liệu cát, đá, sỏi, bột khoáng (Cốt liệu). Cấp phối 4, Thử nghiệm vữa xây 5, Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của nhựa và bê tông nhựa</p>	<p>Lò Thị Ngọc Lường Thị Tuyết Mai Trần Văn Công Phạm Hữu Tuấn Trần Văn Công Lê Văn Dương</p>	<p>Nhân Viên thí nghiệm</p>	<p>- Chức năng: Phụ trách công tác thí nghiệm, thử nghiệm cho các lĩnh vực: 1, Thử nghiệm cơ lý xi măng 2, Thí nghiệm Bê tông và Bê tông nặng 3, Thí nghiệm (Cấp phối) cốt liệu cát, đá, sỏi, bột khoáng Cốt liệu... 4, Thử nghiệm vữa xây dựng 5, Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của nhựa và bê tông nhựa</p> <p>- Nhiệm vụ: + Chịu trách nhiệm lập các quy trình, chuẩn bị các dụng cụ, máy móc phục vụ công tác thí nghiệm, thực hiện thí nghiệm, phân tích đánh giá kết quả, xuất kết quả theo biểu mẫu quy định tại tiêu chuẩn, trình lãnh đạo phê duyệt kết quả, trả kết quả cho người tiếp nhận để trả kết quả cho khách hàng</p>

			<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tư vấn, đề xuất với trưởng phòng về các điều kiện để thực hiện thí nghiệm một cách khách quan, trung thực</li> <li>+ Hỗ trợ các bộ phận khác khi có yêu cầu của trưởng phòng</li> <li>+ Tham mưu, tư vấn cho lãnh đạo các trong việc xây dựng các hướng dẫn thí nghiệm trong lĩnh vực phụ trách</li> <li>+ Hỗ trợ các công việc khác của phòng thí nghiệm khi có yêu cầu của cấp trên.</li> </ul>
<p>1, Thí nghiệm tại hiện trường 2. thí nghiệm bentonine,</p>	<p>Lò Thị Ngọc Lường Thị Tuyết Mai Trần Văn Công Phạm Hữu Tuấn Trần Văn Công Lê Văn Dương</p>	<p>Nhân viên thí nghiệm</p>	<p>- Chức năng: Phụ trách công tác thí nghiệm, thử nghiệm cho các lĩnh vực: 1, Thí nghiệm tại hiện trường + Chịu trách nhiệm lập các quy trình thí nghiệm, chuẩn bị các dụng cụ, máy móc phục vụ công tác thí nghiệm, thực hiện thí nghiệm, phân tích đánh giá kết quả, xuất kết quả theo biểu mẫu quy định tại tiêu chuẩn, trình lãnh đạo phê duyệt kết quả, trả kết quả cho người tiếp nhận mẫu hoặc trong một số trường hợp thì phải trả kết quả cho khách hàng, quản lý, lưu trữ hồ sơ, kết quả thí nghiệm, lưu trữ mẫu thí nghiệm cần lưu (khi có yêu cầu của Lãnh đạo phòng) + Tư vấn, đề xuất với trưởng phòng về các điều kiện để thực hiện thí nghiệm một cách khách quan, trung thực + Hỗ trợ các bộ phận khác khi có yêu cầu của trưởng phòng + Tham mưu, tư vấn cho lãnh đạo các trong việc xây dựng các hướng dẫn thí nghiệm trong lĩnh vực phụ trách + Thực hiện các công việc khác của phòng thí nghiệm khi có yêu cầu của trưởng phòng thí nghiệm</p>
<p>1, Thí nghiệm Thép – Kim loại và mối hàn</p>	<p>Lò Thị Ngọc Lường Thị Tuyết Mai Trần Văn Công Phạm Hữu Tuấn Trần Văn Công Lê Văn Dương</p>	<p>Nhân viên thí nghiệm</p>	<p>- Chức năng: Phụ trách công tác thí nghiệm, thử nghiệm cho các lĩnh vực: 1, Thí nghiệm Thép – Kim loại và mối hàn + Chịu trách nhiệm lập các quy trình thí nghiệm, chuẩn bị các dụng cụ, máy móc phục vụ công tác thí nghiệm, thực hiện thí nghiệm, phân tích đánh giá kết quả, xuất kết quả theo biểu mẫu quy định tại</p>

			<p>tiêu chuẩn, trình lãnh đạo phê duyệt kết quả, trả kết quả cho người tiếp nhận mẫu hoặc trong một số trường hợp thì phải trả kết quả cho khách hàng, quản lý, lưu trữ hồ sơ, kết quả thí nghiệm, lưu trữ mẫu thí nghiệm cần lưu (khi có yêu cầu của Lãnh đạo phòng)</p> <p>+ Tư vấn, đề xuất với trường phòng về các điều kiện để thực hiện thí nghiệm một cách khách quan, trung thực</p> <p>+ Hỗ trợ các bộ phận khác khi có yêu cầu của trường phòng</p> <p>+ Tham mưu, tư vấn cho lãnh đạo các trong việc xây dựng các hướng dẫn thí nghiệm trong lĩnh vực phụ trách</p> <p>+ Thực hiện các công việc khác của phòng thí nghiệm khi có yêu cầu của trường phòng thí nghiệm</p>	
1, Thí nghiệm Hóa nước cho xây dựng	<p>Lò Thị Ngọc</p> <p>Lường Thị Tuyết Mai</p> <p>Trần Văn Công</p> <p>Phạm Hữu Tuấn</p> <p>Trần Văn Công</p> <p>Lê Văn Dương</p>	Nhân viên thí nghiệm	<p>- Chức năng:</p> <p>Phụ trách công tác thí nghiệm, thử nghiệm cho các lĩnh vực:</p> <p>1, Thí nghiệm các chỉ tiêu phân tích hóa nước cho xây dựng</p> <p>+ Chịu trách nhiệm lập các quy trình thí nghiệm, chuẩn bị các dụng cụ, máy móc phục vụ công tác thí nghiệm, thực hiện thí nghiệm, phân tích đánh giá kết quả, xuất kết quả theo biểu mẫu quy định tại tiêu chuẩn, trình lãnh đạo phê duyệt kết quả, trả kết quả cho người tiếp nhận mẫu hoặc trong một số trường hợp thì phải trả kết quả cho khách hàng, quản lý, lưu trữ hồ sơ, kết quả thí nghiệm, lưu trữ mẫu thí nghiệm cần lưu (khi có yêu cầu của Lãnh đạo phòng)</p> <p>+ Tư vấn, đề xuất với trường phòng về các điều kiện để thực hiện thí nghiệm một cách khách quan, trung thực</p> <p>+ Hỗ trợ các bộ phận khác khi có yêu cầu của trường phòng</p> <p>+ Tham mưu, tư vấn cho lãnh đạo các trong việc xây dựng các hướng dẫn thí nghiệm trong lĩnh vực phụ trách</p> <p>+ Thực hiện các công việc khác của phòng thí nghiệm khi có yêu cầu của trường phòng thí nghiệm</p>	
1, Thí nghiệm cơ lý gạch xây	Lò Thị Ngọc	Thí nghiệm	<p>- Chức năng:</p> <p>Phụ trách công tác thí nghiệm, thử</p>	

<p>2, Thí nghiệm cơ lý gạch Bloc bê tông 3, Thí nghiệm cơ lý gạch bê tông tự chèn</p>	<p>Lường Thị Tuyết Mai Trần Văn Công Phạm Hữu Tuấn Trần Văn Công Lê Văn Dương</p>	<p>viên</p>	<p>thực hiện cho các lĩnh vực:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1, Thí nghiệm cơ lý gạch xây</li> <li>2, Thí nghiệm cơ lý gạch Bloc bê tông</li> <li>3, Thí nghiệm cơ lý gạch bê tông tự chèn</li> </ol> <p>+ Chịu trách nhiệm lập các quy trình thí nghiệm, chuẩn bị các dụng cụ, máy móc phục vụ công tác thí nghiệm, thực hiện thí nghiệm, phân tích đánh giá kết quả, xuất kết quả theo biểu mẫu quy định tại tiêu chuẩn, trình lãnh đạo phê duyệt kết quả, trả kết quả cho người tiếp nhận mẫu hoặc trong một số trường hợp thì phải trả kết quả cho khách hàng, quản lý, lưu trữ hồ sơ, kết quả thí nghiệm, lưu trữ mẫu thí nghiệm cần lưu (khi có yêu cầu của Lãnh đạo phòng)</p> <p>+ Tư vấn, đề xuất với trường phòng về các điều kiện để thực hiện thí nghiệm một cách khách quan, trung thực</p> <p>+ Hỗ trợ các bộ phận khác khi có yêu cầu của trường phòng</p> <p>+ Tham mưu, tư vấn cho lãnh đạo các trọng việc xây dựng các hướng dẫn thí nghiệm trong lĩnh vực phụ trách</p> <p>+ Trong một số trường hợp thì phải trực tiếp tiếp nhận yêu cầu của khách hàng, mã hóa mẫu thí nghiệm, vào sổ lưu trữ thông tin, lưu mẫu thí nghiệm tại hiện trường (nếu có yêu cầu của Lãnh đạo phòng)</p>
<p>Thông kê, theo dõi, xây dựng, cập nhật, thay đổi, giám sát hệ thống quản lý chất lượng phòng thí nghiệm ISO17025:20115</p>	<p>Phạm Hữu Tuấn Nguyễn Anh Tuấn</p>	<p>Quản lý hệ thống chất lượng</p>	<p>Ông Nguyễn Anh Tuấn, Phạm Hữu Tuấn, được giao trách nhiệm tham khảo các phòng ban, trực tiếp xây dựng các quy trình quản lý hoạt động của Phòng thí nghiệm, hỗ trợ lãnh đạo theo dõi, giám sát, bổ sung, cập nhật và thay đổi các quy trình, biểu mẫu để phù hợp với yêu cầu của phòng thí nghiệm theo từng giai đoạn</p>

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI  
XÂY DỰNG LC  
Giám Đốc**



**Hà Thị Hiên**

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Cán bộ thực hiện thí nghiệm
<b>I</b>	<b>CƠ LÝ XI MĂNG</b>		
1	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:03	Nguyễn Anh Tuấn Phạm Hữu Tuấn Trần Văn Công Lò Thị Ngọc Lương Thi Tuyết Mai Lê Văn Dương
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:11	
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015 - TCVN 8875:2012	
4	Xác định độ giãn nở Autoclave và Lechatelier	TCVN 8877:2021; TCVN 6017:2015	
5	Độ tách nước và độ tách vữa của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:1993	
<b>II</b>	<b>HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG</b>		
6	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:22	Nguyễn Anh Tuấn Phạm Hữu Tuấn Trần Văn Công Lò Thị Ngọc Lương Thi Tuyết Mai Lê Văn Dương
7	Xác định hàm lượng bọt khí	TCVN 3111:22	
8	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:22	
9	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:22	
10	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:22	
11	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:22	
12	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120:22	
13	Xác định cường độ lăng trụ và modun đàn hồi khi nén	TCVN 5762:22	
14	Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:12	
15	Xác định hàm lượng hạt và có kích thước nhỏ hơn 75 $\mu$ m (cát nghiền)	TCVN 9205:2012	
16	Xác định hàm lượng sét (cát nghiền)	TCVN 344:1985	
17	Xác định cường độ kéo khi ép chèn của vật liệu liên kết chất kết dính	TCVN 8862:2011	
<b>III</b>	<b>THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG</b>		
18	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:03	Nguyễn Anh Tuấn Phạm Hữu Tuấn Trần Văn Công Lò Thị Ngọc Lương Thi Tuyết Mai Lê Văn Dương
19	Xác định độ lưu động của vữa tươi (phương pháp bàn dẫn)	TCVN 3121-3:03	
20	Xác định cường độ uốn và nén của vữa	TCVN 3121-11:03	
<b>IV</b>	<b>VẬT LIỆU CÁT, ĐÁ DẪM (SỎI), CẤP PHỐI</b>		
21	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:06	Nguyễn Anh Tuấn Phạm Hữu Tuấn Trần Văn Công Lò Thị Ngọc
22	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:06	
23	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06	
24	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6; TCVN 10322: 14	
25	Xác định độ ẩm, độ hút nước	TCVN 7572-7:06; TCVN 10321:14	
26	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572:-8:06	
27	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06	
28	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06	



29	Xác định độ nén đập trong xi lanh và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06	Lường Thi Tuyết Mai Lê Văn Dương
30	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles)	TCVN 7572-12:06	
31	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06	
32	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:06	
33	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:06	
34	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:06	
35	Xác định hệ số đương lượng cát (ES)	ASTM D2419-91	
36	Phương pháp xác định góc dốc tự nhiên của cát	ASTM D1883-99	
<b>V</b>	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG</b>		
37	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:12	Nguyễn Anh Tuấn Phạm Hữu Tuấn Trần Văn Công Lò Thị Ngọc Lường Thi Tuyết Mai Lê Văn Dương
38	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:12	
39	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:12	
40	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:14	
41	Xác định độ chặt đầm nén tiêu chuẩn	TCVN 4201:12;	
42	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:12	
43	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) - Trong phòng thí nghiệm	TCVN 8821:11	
44	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 8726:2012	
<b>VI</b>	<b>KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG</b>		
45	Thử kéo	TCVN 197:2014	Nguyễn Anh Tuấn Phạm Hữu Tuấn Trần Văn Công Lò Thị Ngọc Lường Thi Tuyết Mai Lê Văn Dương
46	Thử uốn	TCVN 1651:08; TCVN 198:08	
47	Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử uốn	TCVN 5401:10	
48	Kiểm tra chất lượng hàn ống - Thử nén dẹt	TCVN 5402:10	
49	Thử nghiệm phá hủy mối hàn kim loại - Thử kéo ngang	TCVN 8310:10	
50	Thử nghiệm phá hủy mối hàn kim loại - Thử kéo dọc	TCVN 8311:10	
51	Thử kéo bu lông - đai ốc	TCVN 1916:95; TCVN 256:85; ASTM A370-02	
52	Thép B40 - Phương pháp thử nghiệm Kéo, nén, giãn dài, khối lượng tăng phù	TCVN 1824:1993; TCVN 4392: 1986	
<b>VII</b>	<b>BÊ TÔNG NHỰA</b>		
53	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:11	Nguyễn Anh Tuấn Phạm Hữu Tuấn Trần Văn Công
54	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy ly tâm	TCVN 8860-2:11	
55	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:11	
56	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:11	
57	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:11	
58	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:11	
59	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:11	



60	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:11
61	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:11
62	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:11
63	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:11
64	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:11
65	Bộ khoáng cho bê tông nhựa: Xác định thành phần hạt, lượng mất khi nung, hàm lượng nước, khối lượng riêng, khối lượng thể tích, khối lượng thể tích và độ rỗng dư, hệ số hao nước, hàm lượng chất hòa tan trong nước, độ trương nở thể tích, chỉ số hàm lượng nhựa.	22TCN 58:1984
66	Kiểm tra hình dáng bên ngoài;	22TCN 58:1984
<b>VIII</b>	<b>NHỰA BI TUM, NHỰA ĐƯỜNG LỎNG, NHỰ TƯƠNG AXÍT</b>	
67	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:05
68	Xác định độ kéo dài ở 25 <sup>0</sup> C	TCVN 7496:05
69	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:05
70	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:05; TCVN 8818-1:11
71	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163 <sup>0</sup> C trong 5 giờ	TCVN 7499:05
72	Xác định tỷ lệ độ kim lún nhựa đường sau khi đun nóng ở 163 <sup>0</sup> C trong 5 giờ so với độ kim lún ở 25 <sup>0</sup> C	22TCN 279:01
73	Xác định độ hòa tan của nhựa trong tricloretylen	TCVN 7500:05
74	Xác định khối lượng riêng ở 25 <sup>0</sup> C	TCVN 7501:05
75	Xác định độ nhớt động, nhớt tuyệt đối	TCVN 7502:05; TCVN 8818-5:11
76	Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:05
77	Xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-4:2011
78	<b>THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG</b>	
79	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	22TCN 02-71; TCVN 8729:12
80	Độ ẩm; khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:06; TCVN 8729:12
81	Xác định modul đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:11
82	Xác định modul đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:11
83	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:11
84	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:11
85	Đo điện trở nối đất	TCVN 9385:12
86	Xác định cường độ nén của bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:12

Lò Thị Ngọc  
Lường Thị Tuyết Mai  
Lê Văn Dương

Nguyễn Anh Tuấn  
Phạm Hữu Tuấn  
Trần Văn Công  
Lò Thị Ngọc  
Lường Thị Tuyết Mai  
Lê Văn Dương

Nguyễn Anh Tuấn  
Phạm Hữu Tuấn  
Trần Văn Công  
Lò Thị Ngọc  
Lường Thị Tuyết Mai  
Lê Văn Dương



87	Phương pháp không phá hủy kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:12	
88	Sức kháng trượt xác định bằng con lắc Anh	TCVN 10271	
89	Kiểm tra hàm lượng tưới /m <sup>2</sup>	TCVN 8863-2011	
<b>X</b>	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH</b>		
90	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:09	Nguyễn Anh Tuấn Phạm Hữu Tuấn Trần Văn Công Lò Thị Ngọc Lương Thi Tuyết Mai Lê Văn Dương
91	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:09	
92	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:09	
93	Xác định độ hút nước, thấm nước	TCVN 6355-4:09	
94	Xác định khối lượng thể tích	TCVN6355-5:09	
95	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:09	
96	Thử nghiệm cơ gạch Terrazzo	TCVN 7744:2013	
<b>XII</b>	<b>PHÂN TÍCH HÓA LÝ NƯỚC</b>		
97	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4506:12	Nguyễn Anh Tuấn Phạm Hữu Tuấn Trần Văn Công Lò Thị Ngọc Lương Thi Tuyết Mai Lê Văn Dương
98	Lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 4565:88	
99	Độ PH	TCVN 6492:11	
100	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:88	
101	Hàm lượng ion sunfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )	TCVN 6200:96	
102	Hàm lượng ion clorua	TCVN 6194:96	
103	Hàm lượng natri và Kali	TCVN 61933-3:00	
104	Kiểm tra váng dầu mỡ và màu sắc	TCVN 4506:212	

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lai Châu, ngày 03 tháng 02 năm 2026

**HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG**  
**Số: 02/2026/HĐ-LĐ**

Chúng tôi, một bên là Bà: **Hà Thị Hiền** Quốc tịch: Việt Nam

Chức vụ: Giám Đốc

Đại diện cho: **Công ty TNHH một thành viên Thương mại xây dựng LC**

Địa chỉ: Tổ 25 phường Đông Phong, Thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu

Điện thoại: 0981398619

Đăng ký kinh doanh số: 6200090523, đăng ký lần đầu ngày 24/11/2016 và  
đăng ký lần thay đổi thứ 3 ngày 14/9/2024 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lai Châu  
cấp

và một bên là ông: **Nguyễn Anh Tuấn**

Quốc tịch: Việt Nam

Sinh ngày 02/3/1982 tại Đông Quan, Đông Hưng Nhân Thái Bình

Nghề nghiệp: Đại học Thủy Lợi

Thường trú tại: Phường Tân Phong, TP Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

Căn cước công dân số: 034082015086

Cấp ngày 25 tháng 4 năm 2021 tại Cục Quản lý hành chính về TTXH

**Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều  
khoản sau đây:**

**Điều 1. Thời hạn và công việc hợp đồng:**

- Loại hợp đồng lao động: Hợp đồng ngắn hạn theo thời vụ
- Thời gian làm việc: Từ ngày 03 tháng 02 năm 2026
- Địa điểm làm việc: Phòng Thí nghiệm - Công ty TNHH một thành viên  
Thương mại xây dựng LC.
- Chức danh chuyên môn: Thí nghiệm viên. Trưởng phòng thí nghiệm
- Công việc phải làm: Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của vật liệu theo sự phân  
công trực tiếp của của Giám đốc công ty.

**Điều 2: Chế độ làm việc**



- Thời giờ làm việc: theo quy định hiện hành, (ngoài ra có thể làm thêm giờ theo yêu cầu của Giám đốc công ty, trên cơ sở quy định của Nhà nước và pháp luật)

- Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: Máy tính, máy in

### **Điều 3. Nghĩa vụ, quyền lợi của người lao động:**

#### **1. Quyền lợi:**

- Phương tiện đi lại làm việc: *Cá nhân tự túc.*

- Mức lương chính hoặc tiền công là: 4.500.000 đồng

*Bằng chữ: Bốn triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn*

- Hình thức trả lương: Chuyển qua tài khoản hoặc tiền mặt.

- Được trả vào các ngày *giữa* hoặc *cuối* tháng.

- Được trang bị bảo hộ lao động gồm: Mũ, quần áo, giày BH, gang tay (nếu phải đi trực tiếp đến hiện trường).

- Chế độ nghỉ ngơi (được nghỉ từ chiều thứ 7 và chủ nhật hàng tuần, lễ tết...): theo quy định hiện hành của cơ quan, nhà nước và pháp luật.

- Tiền thưởng: Theo quy định hiện hành của cơ quan

- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế: Theo quy định hiện hành của nhà nước.

- Chế độ nâng lương:

+ Sau 3 năm thực hiện hợp đồng căn cứ vào kết quả lao động và chế độ chính sách của nhà nước mức tiền lương trên được thỏa thuận lại một lần cho phù hợp.

#### **2. Nghĩa vụ:**

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.

- Chấp hành: Lệnh điều hành của giám đốc công ty; nội quy, quy chế làm việc của cơ quan.

- Bồi thường vi phạm và vật chất: trong quá trình làm việc, học tập, công tác nếu để xảy ra đến mức phải bồi thường, người lao động chịu trách nhiệm hoàn toàn theo quy định trước cơ quan, nhà nước và pháp luật.

### **Điều 4. Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động.**

#### **1. Nghĩa vụ:**

- Đảm bảo việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.

- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động.

#### **2. Quyền hạn:**

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bổ trí, điều chuyển, tạm ngừng việc...).

090523-  
CÔNG TY  
HMTV  
SÔNG MA  
Y DỰNG L  
HÀU - T.L.P

- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật lao động theo quy định của cơ quan và pháp luật (nếu có).

**Điều 5. Điều khoản thi hành.**

- Những thoả thuận khác:

+ Trong thời gian thực hiện hợp đồng ông Nguyễn Anh Tuấn có trách nhiệm nhận và thực hiện mọi công tác chuyên môn, nghiệp vụ, công việc theo chức năng, nhiệm vụ của phòng chuyên môn.

+ Chấp hành nghiêm túc các Nội quy, Quy chế làm việc của cơ quan, quy định của Nhà nước và pháp luật. Tuyệt đối không được có biểu hiện vi phạm tệ nạn xã hội và các tiêu cực khác.

- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau: 01 bản do người lao động giữ; 01 bản do Công ty giữ.

Hợp đồng này làm tại Công ty TNHH một thành viên Thương mại Xây dựng LC ngày 3 tháng 02 năm 2026.

**Người thực hiện hợp đồng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



**Nguyễn Anh Tuấn**

**Giám đốc**



**Hà Thị Hiền**



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Lai Châu, ngày 03 tháng 2 năm 2026*

**HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG**

Số: 01/2026/HĐ-LĐ

Chúng tôi, một bên là Bà: **Hà Thị Hiền**

Quốc tịch: Việt Nam

Chức vụ: Giám Đốc

Đại diện cho: **Công ty TNHH một thành viên Thương mại xây dựng LC**

Địa chỉ: Tổ 25 phường Đông Phong, tỉnh Lai Châu

Điện thoại: 0944 974608

Giấy chứng nhận ĐKKD số 6200090523 thay đổi lần thứ: 1 ngày 07/4/2021

Và một bên là Ông: **Phạm Hữu Tuấn**

Quốc tịch: Việt Nam

Sinh ngày 05 tháng 02 năm 1986 tại Yên Nam, Duy Tiên, Hà Nam

Nghề nghiệp: Đại học, chuyên ngành xây dựng DD&CN

Địa chỉ thường trú: Phường Đoàn Kết, Thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu

Số CMTND: Số 045128530 cấp ngày 03/8/2011 tại CA tỉnh Lai Châu

Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

**Điều 1. Thời hạn và công việc hợp đồng:**

- Loại hợp đồng lao động: Không xác định thời hạn
- Thời gian làm việc: Từ ngày 03 tháng 2 năm 2026
- Địa điểm làm việc: Phòng Thí nghiệm - Công ty TNHH một thành viên Thương mại xây dựng LC.
- Chức danh chuyên môn: Trưởng phòng thí nghiệm
- Công việc phải làm: Quản lý điều hành các công việc của Phòng thí nghiệm, báo cáo kết quả thực hiện hàng tháng, quý, năm trình giám đốc Công ty.

**Điều 2: Chế độ làm việc**

- Thời giờ làm việc: theo quy định hiện hành, (ngoài ra có thể làm thêm giờ theo yêu cầu của Giám đốc công ty, trên cơ sở quy định của Nhà nước và pháp luật)

- Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: Máy tính, máy in

**Điều 3. Nghĩa vụ, quyền lợi của người lao động:**

**1. Quyền lợi:**

- Phương tiện đi lại làm việc: *Cá nhân tự túc.*
- Mức lương chính hoặc tiền công là: 4.500.000 đồng

*Bằng chữ: Bốn triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn*

- Hình thức trả lương: Chuyển qua tài khoản hoặc tiền mặt.
  - Được trả vào các ngày *giữa* hoặc *cuối* tháng.
  - Được trang bị bảo hộ lao động gồm: Mũ, quần áo, giày BH, gang tay (nếu phải đi trực tiếp đến hiện trường).
  - Chế độ nghỉ ngơi (được nghỉ từ chiều thứ 7 và chủ nhật hàng tuần, lễ tết...): theo quy định hiện hành của cơ quan, nhà nước và pháp luật.
  - Tiền thưởng: Theo quy định hiện hành của cơ quan
  - Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế: Theo quy định hiện hành của nhà nước.
  - Chế độ nâng lương:
- + Sau 3 năm thực hiện hợp đồng căn cứ vào kết quả lao động và chế độ chính sách của nhà nước mức tiền lương trên được thỏa thuận lại một lần cho phù hợp.

## **2. Nghĩa vụ:**

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Chấp hành: Lệnh điều hành của giám đốc công ty; nội quy, quy chế làm việc của cơ quan.
- Bồi thường vi phạm và vật chất: trong quá trình làm việc, học tập, công tác nếu để xảy ra đến mức phải bồi thường, người lao động chịu trách nhiệm hoàn toàn theo quy định trước cơ quan, nhà nước và pháp luật.

## **Điều 4. Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động.**

### **1. Nghĩa vụ:**

- Đảm bảo việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động.

### **2. Quyền hạn:**

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bố trí, điều chuyển, tạm ngừng việc...).
- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật lao động theo quy định của cơ quan và pháp luật (nếu có).

## **Điều 5. Điều khoản thi hành.**

- Những thoả thuận khác:



+ Trong thời gian thực hiện hợp đồng ông Phạm Hữu Tuấn có trách nhiệm nhận và thực hiện mọi công tác chuyên môn, nghiệp vụ, công việc theo chức năng, nhiệm vụ của phòng chuyên môn.

+ Chấp hành nghiêm túc các Nội quy, Quy chế làm việc của cơ quan, quy định của Nhà nước và pháp luật. Tuyệt đối không được có biểu hiện vi phạm tệ nạn xã hội và các tiêu cực khác.

- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau: 01 bản do người lao động giữ; 01 bản do Công ty giữ.

Hợp đồng này làm tại Công ty TNHH một thành viên Thương mại Xây dựng LC ngày 03 tháng 2 năm 2026

**Người thực hiện hợp đồng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Phạm Hữu Tuấn**

**Giám đốc**



**Hà Thị Hiền**



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lai Châu, ngày 03 tháng 02 năm 2026

**HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG**  
Số: 03/2026/HĐ-LĐ

Chúng tôi, một bên là Bà: **Hà Thị Hiền** Quốc tịch: Việt Nam

Chức vụ: Giám Đốc

Đại diện cho: **Công ty TNHH một thành viên Thương mại xây dựng LC**

Địa chỉ: Tổ 25 phường Đông Phong, tỉnh Lai Châu

Điện thoại: 0981398619

Đăng ký kinh doanh số: 6200090523, đăng ký lần đầu ngày 24/11/2016 và đăng ký lần thay đổi thứ 3 ngày 14/9/2024 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lai Châu cấp

và một bên là bà: **Lương Thị Tuyết Mai**

Quốc tịch: Việt Nam

Sinh ngày 10 tháng 4 năm 1974 Tuần Giáo, Điện Biên

Nghề nghiệp: Trung học Phổ thông

Thường trú tại: Tổ 10 Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu.

Căn cước công dân số: 011174004805

Cấp ngày 27/10/2022, nơi cấp Quản lý hành chính về TTXH

**Thoả thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:**

**Điều 1. Thời hạn và công việc hợp đồng:**

- Loại hợp đồng lao động: Hợp đồng ngắn hạn theo thời vụ
- Thời gian làm việc: Từ ngày 03 tháng 02 năm 2026
- Địa điểm làm việc: Phòng Thí nghiệm - Công ty TNHH một thành viên Thương mại xây dựng LC.
- Chức danh chuyên môn: Thí nghiệm viên
- Công việc phải làm: Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của vật liệu theo sự phân công trực tiếp của Trưởng phòng Thí nghiệm và của Giám đốc công ty.

**Điều 2: Chế độ làm việc**



- Thời giờ làm việc: theo quy định hiện hành, (ngoài ra có thể làm thêm giờ theo yêu cầu của Giám đốc công ty, trên cơ sở quy định của Nhà nước và pháp luật)

- Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: Máy tính, máy in

### **Điều 3. Nghĩa vụ, quyền lợi của người lao động:**

#### **1. Quyền lợi:**

- Phương tiện đi lại làm việc: *Cá nhân tự túc.*

- Mức lương chính hoặc tiền công là: 4.500.000 đồng

*Bằng chữ: Bốn triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn*

- Hình thức trả lương: Chuyển qua tài khoản hoặc tiền mặt.

- Được trả vào các ngày *giữa* hoặc *cuối* tháng.

- Được trang bị bảo hộ lao động gồm: Mũ, quần áo, giày BH, gang tay (nếu phải đi trực tiếp đến hiện trường).

- Chế độ nghỉ ngơi (được nghỉ từ chiều thứ 7 và chủ nhật hàng tuần, lễ tết...): theo quy định hiện hành của cơ quan, nhà nước và pháp luật.

- Tiền thưởng: Theo quy định hiện hành của cơ quan

- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế: Theo quy định hiện hành của nhà nước.

- Chế độ nâng lương:

+ Sau 3 năm thực hiện hợp đồng căn cứ vào kết quả lao động và chế độ chính sách của nhà nước mức tiền lương trên được thỏa thuận lại một lần cho phù hợp.

#### **2. Nghĩa vụ:**

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.

- Chấp hành: Lệnh điều hành của giám đốc công ty; nội quy, quy chế làm việc của cơ quan.

- Bồi thường vi phạm và vật chất: trong quá trình làm việc, học tập, công tác nếu để xảy ra đến mức phải bồi thường, người lao động chịu trách nhiệm hoàn toàn theo quy định trước cơ quan, nhà nước và pháp luật.

### **Điều 4. Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động.**

#### **1. Nghĩa vụ:**

- Đảm bảo việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.

- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động.

#### **2. Quyền hạn:**

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bổ trí, điều chuyển, tạm ngừng việc...).



- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật lao động theo quy định của cơ quan và pháp luật (nếu có).

**Điều 5. Điều khoản thi hành.**

- Những thoả thuận khác:

+ Trong thời gian thực hiện hợp đồng bà Lường Thị Tuyết Mai có trách nhiệm nhận và thực hiện mọi công tác chuyên môn, nghiệp vụ, công việc theo chức năng, nhiệm vụ của phòng chuyên môn.

+ Chấp hành nghiêm túc các Nội quy, Quy chế làm việc của cơ quan, quy định của Nhà nước và pháp luật. Tuyệt đối không được có biểu hiện vi phạm tệ nạn xã hội và các tiêu cực khác.

- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau: 01 bản do người lao động giữ; 01 bản do Công ty giữ.

Hợp đồng này làm tại Công ty TNHH một thành viên Thương mại Xây dựng LC ngày 03 tháng 02 năm 2026

**Người thực hiện hợp đồng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Lường Thị Tuyết Mai**

**Giám đốc**



**Hà Thị Hiền**



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lai Châu, ngày 03 tháng 02 năm 2026

**HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG**

Số: 04/2026/HĐ-LĐ

Chúng tôi, một bên là Bà: **Hà Thị Hiên** Quốc tịch: Việt Nam

Chức vụ: Giám Đốc

Đại diện cho: **Công ty TNHH một thành viên Thương mại xây dựng LC**

Địa chỉ: Tổ 25 phường Đông Phong, tỉnh Lai Châu

Điện thoại: 0981398619

Đăng ký kinh doanh số: 6200090523, đăng ký lần đầu ngày 24/11/2016 và đăng ký lần thay đổi thứ 3 ngày 14/9/2024 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lai Châu cấp

và một bên là ông: **Lê Văn Dương**

Quốc tịch: Việt Nam

Sinh ngày 11/3/1983 tại Quảng Minh, Sầm Sơn, Thanh Hóa

Thường trú tại: Tổ 9 Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu.

Căn cước công dân số: 012083000752

Cấp ngày 25 tháng 4 năm 2021 tại Cục Quản lý hành chính về TTXH

**Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:**

**Điều 1. Thời hạn và công việc hợp đồng:**

- Loại hợp đồng lao động: Hợp đồng ngắn hạn theo thời vụ
- Thời gian làm việc: Từ ngày 03 tháng 02 năm 2026
- Địa điểm làm việc: Phòng Thí nghiệm - Công ty TNHH một thành viên Thương mại xây dựng LC.
- Chức danh chuyên môn: Thí nghiệm viên
- Công việc phải làm: Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của vật liệu theo sự phân công trực tiếp của Trưởng phòng Thí nghiệm và của Giám đốc công ty.

**Điều 2: Chế độ làm việc**

- Thời giờ làm việc: theo quy định hiện hành, (ngoài ra có thể làm thêm giờ theo yêu cầu của Giám đốc công ty, trên cơ sở quy định của Nhà nước và pháp luật)
- Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: Máy tính, máy in

**Điều 3. Nghĩa vụ, quyền lợi của người lao động:**

## 1. Quyền lợi:

- Phương tiện đi lại làm việc: *Cá nhân tự túc.*
- Mức lương chính hoặc tiền công là: 4.500.000 đồng

*Bằng chữ: Bốn triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn*

- Hình thức trả lương: Chuyển qua tài khoản hoặc tiền mặt.
- Được trả vào các ngày *giữa* hoặc *cuối* tháng.
- Được trang bị bảo hộ lao động gồm: Mũ, quần áo, giày BH, gang tay (nếu phải đi trực tiếp đến hiện trường).
- Chế độ nghỉ ngơi (được nghỉ từ chiều thứ 7 và chủ nhật hàng tuần, lễ tết...): theo quy định hiện hành của cơ quan, nhà nước và pháp luật.
- Tiền thưởng: Theo quy định hiện hành của cơ quan
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế: Theo quy định hiện hành của nhà nước.
- Chế độ nâng lương:
  - + Sau 3 năm thực hiện hợp đồng căn cứ vào kết quả lao động và chế độ chính sách của nhà nước mức tiền lương trên được thỏa thuận lại một lần cho phù hợp.

## 2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Chấp hành: Lệnh điều hành của giám đốc công ty; nội quy, quy chế làm việc của cơ quan.
- Bồi thường vi phạm và vật chất: trong quá trình làm việc, học tập, công tác nếu để xảy ra đến mức phải bồi thường, người lao động chịu trách nhiệm hoàn toàn theo quy định trước cơ quan, nhà nước và pháp luật.

## Điều 4. Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động.

### 1. Nghĩa vụ:

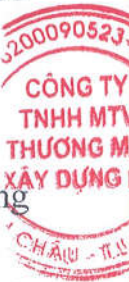
- Đảm bảo việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động.

### 2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bổ trí, điều chuyển, tạm ngừng việc...).
- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật lao động theo quy định của cơ quan và pháp luật (nếu có).

## Điều 5. Điều khoản thi hành.

- Những thoả thuận khác:



+ Trong thời gian thực hiện hợp đồng ông Lê Văn Dương có trách nhiệm nhận và thực hiện mọi công tác chuyên môn, nghiệp vụ, công việc theo chức năng, nhiệm vụ của phòng chuyên môn.

+ Chấp hành nghiêm túc các Nội quy, Quy chế làm việc của cơ quan, quy định của Nhà nước và pháp luật. Tuyệt đối không được có biểu hiện vi phạm tệ nạn xã hội và các tiêu cực khác.

- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau: 01 bản do người lao động giữ; 01 bản do Công ty giữ.

Hợp đồng này làm tại Công ty TNHH một thành viên Thương mại Xây dựng LC ngày 03 tháng 02 năm 2026.

**Người thực hiện hợp đồng**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Lê Văn Dương**

**Giám đốc**

The stamp is circular with a red border. Inside the border, the text reads: '6200090523-C.T.T.N.H.H.' at the top, 'CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG LC' in the center, and 'TP. LAI CHÂU - T. LAI CHÂU' at the bottom. There are small stars on either side of the bottom text.

**Hà Thị Hiền**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lai Châu, ngày 03 tháng 02 năm 2026

**HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG**  
Số: 05/2026/HĐ-LĐ

Chúng tôi, một bên là Bà: **Hà Thị Hiền** Quốc tịch: Việt Nam

Chức vụ: Giám Đốc

Đại diện cho: **Công ty TNHH một thành viên Thương mại xây dựng LC**

Địa chỉ: Tổ 25 phường Đông Phong, tỉnh Lai Châu

Điện thoại: 0981398619

Đăng ký kinh doanh số: 6200090523, đăng ký lần đầu ngày 24/11/2016 và đăng ký lần thay đổi thứ 3 ngày 14/9/2024 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lai Châu cấp

và một bên là ông: **Trần Văn Công**

Quốc tịch: Việt Nam

Sinh ngày 17 tháng 12 năm 1993 tại Hưng Nhân, Hưng Hà, Thái Bình

Nghề nghiệp: Đại học kiến trúc

Thường trú tại: Hưng Nhân, Thái Bình.

Mang CMND số: 151965388

Cấp ngày 06 tháng 3 năm 2008 tại Công an tỉnh Thái Bình

**Thoả thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:**

**Điều 1. Thời hạn và công việc hợp đồng:**

- Loại hợp đồng lao động: Hợp đồng ngắn hạn theo thời vụ
- Thời gian làm việc: Từ ngày 03 tháng 02 năm 2026
- Địa điểm làm việc: Phòng Thí nghiệm - Công ty TNHH một thành viên Thương mại xây dựng LC.
- Chức danh chuyên môn: Thí nghiệm viên
- Công việc phải làm: Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của vật liệu theo sự phân công trực tiếp của Trưởng phòng Thí nghiệm và của Giám đốc công ty.

**Điều 2: Chế độ làm việc**

- Thời giờ làm việc: theo quy định hiện hành, (ngoài ra có thể làm thêm giờ theo yêu cầu của Giám đốc công ty, trên cơ sở quy định của Nhà nước và pháp luật)

- Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: Máy tính, máy in

### **Điều 3. Nghĩa vụ, quyền lợi của người lao động:**

#### **1. Quyền lợi:**

- Phương tiện đi lại làm việc: *Cá nhân tự túc.*

- Mức lương chính hoặc tiền công là: 3.800.000 đồng

*Bằng chữ: Ba triệu, tám trăm nghìn đồng chẵn*

- Hình thức trả lương: Chuyển qua tài khoản hoặc tiền mặt.

- Được trả vào các ngày *giữa* hoặc *cuối* tháng.

- Được trang bị bảo hộ lao động gồm: Mũ, quần áo, giày BH, gang tay (nếu phải đi trực tiếp đến hiện trường).

- Chế độ nghỉ ngơi (được nghỉ từ chiều thứ 7 và chủ nhật hàng tuần, lễ tết...): theo quy định hiện hành của cơ quan, nhà nước và pháp luật.

- Tiền thưởng: Theo quy định hiện hành của cơ quan

- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế: Theo quy định hiện hành của nhà nước.

- Chế độ nâng lương:

+ Sau 3 năm thực hiện hợp đồng căn cứ vào kết quả lao động và chế độ chính sách của nhà nước mức tiền lương trên được thỏa thuận lại một lần cho phù hợp.

#### **2. Nghĩa vụ:**

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.

- Chấp hành: Lệnh điều hành của giám đốc công ty; nội quy, quy chế làm việc của cơ quan.

- Bồi thường vi phạm và vật chất: trong quá trình làm việc, học tập, công tác nếu để xảy ra đến mức phải bồi thường, người lao động chịu trách nhiệm hoàn toàn theo quy định trước cơ quan, nhà nước và pháp luật.

### **Điều 4. Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động.**

#### **1. Nghĩa vụ:**

- Đảm bảo việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.

- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động.

#### **2. Quyền hạn:**

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bổ trí, điều chuyển, tạm ngừng việc...).



- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật lao động theo quy định của cơ quan và pháp luật (nếu có).

**Điều 5. Điều khoản thi hành.**

- Những thoả thuận khác:

+ Trong thời gian thực hiện hợp đồng ông Trần Văn Công có trách nhiệm nhận và thực hiện mọi công tác chuyên môn, nghiệp vụ, công việc theo chức năng, nhiệm vụ của phòng chuyên môn.

+ Chấp hành nghiêm túc các Nội quy, Quy chế làm việc của cơ quan, quy định của Nhà nước và pháp luật. Tuyệt đối không được có biểu hiện vi phạm tệ nạn xã hội và các tiêu cực khác.

- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau: 01 bản do người lao động giữ; 01 bản do Công ty giữ.

Hợp đồng này làm tại Công ty TNHH một thành viên Thương mại Xây dựng LC ngày 03 tháng 02 năm 2026

**Người thực hiện hợp đồng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Trần Văn Công**

**Giám đốc**



**Hà Thị Hiền**



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lai Châu, ngày 03 tháng 02 năm 2026

**HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG**  
Số: 06/2026/HĐ-LĐ

Chúng tôi, một bên là Bà: **Hà Thị Hiền**

Quốc tịch: Việt Nam

Chức vụ: Giám Đốc

Đại diện cho: **Công ty TNHH một thành viên Thương mại xây dựng LC**

Địa chỉ: Tổ 25 phường Đông Phong, tỉnh Lai Châu

Điện thoại: 098

Đăng ký kinh doanh số: 6200090523, đăng ký lần đầu ngày 24/11/2016 và đăng ký lần thay đổi thứ 3 ngày 14/9/2024 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lai Châu cấp

và một bên là Bà: **Lò Thị Ngọc**

Quốc tịch: Việt Nam

Sinh ngày 22 tháng 8 năm 1982 tại Sơn Hải, Quỳnh Lưu, Nghệ An

Nghề nghiệp: Cao Đẳng

Thường trú tại: Tổ 5 phường Đông Phong, tỉnh Lai Châu.

Mang CCCD số: 011187007148

Cấp ngày 27 tháng 6 năm 2021 tại Cục trưởng cục cảnh sát QLHCVTXXH

**Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:**

**Điều 1. Thời hạn và công việc hợp đồng:**

- Loại hợp đồng lao động: Hợp đồng ngắn hạn theo thời vụ
- Thời gian làm việc: Từ ngày 03 tháng 02 năm 2026
- Địa điểm làm việc: Phòng Thí nghiệm - Công ty TNHH một thành viên Thương mại xây dựng LC.
- Chức danh chuyên môn: Thí nghiệm viên
- Công việc phải làm: Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của vật liệu theo sự phân công trực tiếp của Trưởng phòng Thí nghiệm và của Giám đốc công ty.

**Điều 2: Chế độ làm việc**



- Thời giờ làm việc: theo quy định hiện hành, (ngoài ra có thể làm thêm giờ theo yêu cầu của Giám đốc công ty, trên cơ sở quy định của Nhà nước và pháp luật)

- Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: Máy tính, máy in

### **Điều 3. Nghĩa vụ, quyền lợi của người lao động:**

#### **1. Quyền lợi:**

- Phương tiện đi lại làm việc: *Cá nhân tự túc.*
- Mức lương chính hoặc tiền công là: 3.800.000 đồng

*Bằng chữ: Ba triệu, tám trăm nghìn đồng chẵn*

- Hình thức trả lương: Chuyển qua tài khoản hoặc tiền mặt.
- Được trả vào các ngày *giữa* hoặc *cuối* tháng.
- Được trang bị bảo hộ lao động gồm: Mũ, quần áo, giày BH, gang tay (nếu phải đi trực tiếp đến hiện trường).
- Chế độ nghỉ ngơi (được nghỉ từ chiều thứ 7 và chủ nhật hàng tuần, lễ tết...): theo quy định hiện hành của cơ quan, nhà nước và pháp luật.
- Tiền thưởng: Theo quy định hiện hành của cơ quan
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế: Theo quy định hiện hành của nhà nước.
- Chế độ nâng lương:  
+ Sau 3 năm thực hiện hợp đồng căn cứ vào kết quả lao động và chế độ chính sách của nhà nước mức tiền lương trên được thỏa thuận lại một lần cho phù hợp.

#### **2. Nghĩa vụ:**

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Chấp hành: Lệnh điều hành của giám đốc công ty; nội quy, quy chế làm việc của cơ quan.
- Bồi thường vi phạm và vật chất: trong quá trình làm việc, học tập, công tác nếu để xảy ra đến mức phải bồi thường, người lao động chịu trách nhiệm hoàn toàn theo quy định trước cơ quan, nhà nước và pháp luật.

### **Điều 4. Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động.**

#### **1. Nghĩa vụ:**

- Đảm bảo việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động.

#### **2. Quyền hạn:**

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bổ trí, điều chuyển, tạm ngừng việc...).



- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật lao động theo quy định của cơ quan và pháp luật (nếu có).

**Điều 5. Điều khoản thi hành.**

- Những thoả thuận khác:

+ Trong thời gian thực hiện hợp đồng ông **Lò Thị Ngọc** có trách nhiệm nhận và thực hiện mọi công tác chuyên môn, nghiệp vụ, công việc theo chức năng, nhiệm vụ của phòng chuyên môn.

+ Chấp hành nghiêm túc các Nội quy, Quy chế làm việc của cơ quan, quy định của Nhà nước và pháp luật. Tuyệt đối không được có biểu hiện vi phạm tệ nạn xã hội và các tiêu cực khác.

- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau: 01 bản do người lao động giữ; 01 bản do Công ty giữ.

Hợp đồng này làm tại Công ty TNHH một thành viên Thương mại Xây dựng LC ngày 03 tháng 02 năm 2026

**Người thực hiện hợp đồng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Lò Thị Ngọc**

**Giám đốc**



**Hà Thị Hiên**

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT  
Cấp  
CHỨNG CHỈ



(Chữ ký của người được cấp)

Số: 27.03.24/VKHCN-QLPTN  
(Chứng chỉ có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp)

Cho ông/bà: *Nguyễn Anh Tuấn*  
Sinh ngày: 02/03/1982  
Nơi thường trú: *Lai Châu*  
Trình độ chuyên môn: *Kỹ sư - Công trình thủy lợi*  
Đã hoàn thành chương trình: *Bồi dưỡng nghiệp vụ Quản lý phòng thí nghiệm*  
Khóa: 03      Tổ chức: 05/03 ÷ 08/03/2024  
tại: *Thành phố Hà Nội*      Xếp loại: *Khá*

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2024



KI. VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG  
*Dinh Văn Tiến*

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT  
Cấp  
CHỨNG CHỈ



(Chữ ký của người được cấp)

Số: 54.01.24/VKHCN-TNV  
(Chứng chỉ có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp)

Cho ông/bà: *Nguyễn Anh Tuấn*  
Sinh ngày: 02/03/1982  
Nơi thường trú: *Lai Châu*  
Trình độ chuyên môn: *Kỹ sư - Công trình thủy lợi*  
Đã hoàn thành chương trình:  
*Đào tạo Thí nghiệm viên ngắn hạn*  
Chuyên ngành: *Phương pháp xác định tính chất cơ lý của đất trong phòng và hiện trường*  
Khóa: 01      Tổ chức: 04/01 ÷ 15/01/2024  
tại: *Thành phố Hà Nội*      Xếp loại: *Giỏi*

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2024



KI. VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG  
*Dinh Văn Tiến*



Science Technology Institute for Investment and Construction  
Vietnam Federation of Civil Engineering Associations



Chữ ký của người được cấp

Số hiệu chứng chỉ  
2913/VKHCN

Số vào sổ: 2913  
Ngày 30 tháng 01 năm 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP**  
**VIỆN TRƯỞNG**

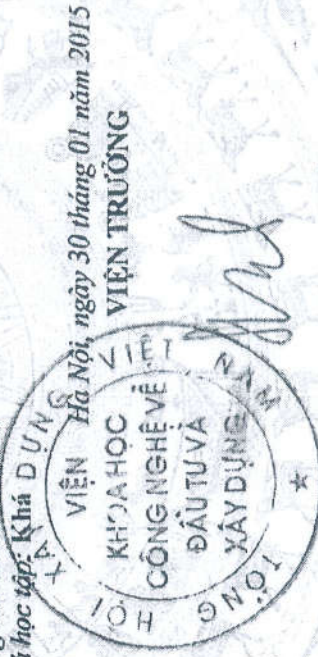
**VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VỀ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG**  
**TỔNG HỘI XÂY DỰNG VIỆT NAM**  
**CHỨNG NHẬN**

Ông : **PHẠM HỮU TUẤN**  
Ngày sinh : 07 - 02 - 1986  
Quê quán : Duy Tiên, Hà Nam.  
Đã tốt nghiệp khóa đào tạo về:

Quản lý phòng thí nghiệm

do Viện Khoa học Công nghệ về Đầu tư và Xây dựng -  
Tổng Hội Xây Dựng Việt Nam tổ chức.

Thời gian đào tạo: Từ 21/01/2015 đến 28/01/2015  
Số chứng chỉ: 2913/VKHCN  
Kết quả học tập: **Khá** DÙNG



VIỆN TRƯỞNG

*GS.TSKH. Phùng Văn Lưu*



VIỆN CƠ KHÍ NĂNG LƯỢNG VÀ MỎ- VINACOMIN  
(VINACOMIN- INSTITUTE OF ENERGY AND MINING MECHANICAL ENGINEERING)

# CHỨNG CHỈ

## *Certificate of Achievement*

*Chứng nhận*

*This is to certify that*

**Ông Phạm Hữu Tuấn**

**Đã tham dự khóa đào tạo**

*Has attended training course*

**NGHIỆP VỤ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PTN THEO ISO/IEC 17025:2017**  
*Quality Management in the Laboratory against ISO/IEC 17025:2017*

Số giấy chứng nhận/ *Certification No.:* IEMM 0102.04A-ĐT

Ngày cấp/ *Issued date:* 31/05/2021



KT. VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

*Nguyễn Thu Hiền*

Địa chỉ/ *Address:* 565 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội  
Tel: +84-24-3552 5553; Fax: +84-24-3854 3154  
Email: tvcontrol@gmail.com

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT

Cấp

CHỨNG CHỈ

Cho ông/bà: *Lê Văn Dương*

Sinh ngày: 11/03/1983

Nơi thường trú: *Lai Châu*

Trình độ chuyên môn:

Đã hoàn thành chương trình:

*Đào tạo Thí nghiệm viên ngắn hạn*

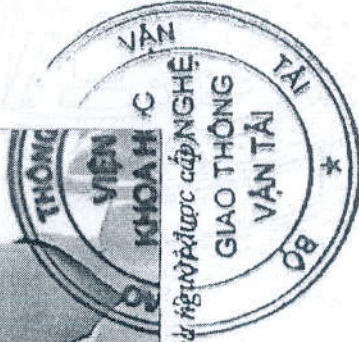
Chuyên ngành: *Xây dựng công trình giao thông*

Khóa: 28

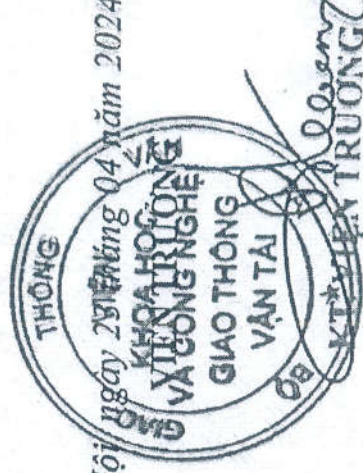
Tổ chức: 08/04 ÷ 20/04/2024

tại: *Thành phố Hà Nội*

Xếp loại: *Giỏi*



(Chữ ký của người được cấp)



Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2024

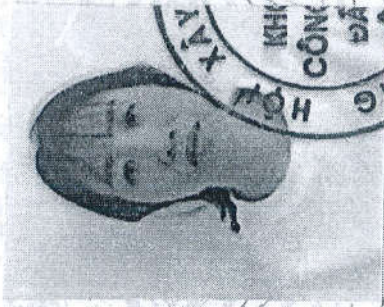
Số: 04.28.24/VKHCN-TNV

(Chứng chỉ có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp)

PHÓ VIỆN TRƯỞNG

*Dinh Văn Tiên*

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÈ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG  
SCIENCE - TECHNOLOGY INSTITUTE FOR  
INVESTMENT AND CONSTRUCTION



Ref. N°: 2025/GTI-124/VKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÈ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

CHỨNG NHẬN

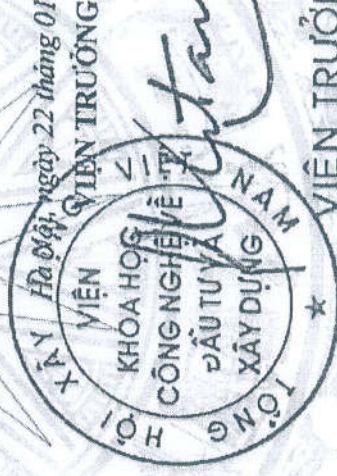
Họ : LÒ THỊ NGỌC  
Ngày sinh : 26/02/1987  
Quê quán : Điện Biên

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

Thí nghiệm Vật liệu công trình giao thông

Do Viện Khoa học Công nghệ về Đầu tư và Xây dựng tổ chức  
Thời gian đào tạo: Từ 11/01/2025 đến 18/01/2025  
Kết quả học tập: Đạt loại Giỏi

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2025



VIỆN TRƯỞNG

TS. Phùng Vũ Việt Anh

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT

Cấp

**CHỨNG CHỈ**

Cho ông/bà: *Lê Văn Dương*

Sinh ngày: 11/03/1983

Nơi thường trú: *Lai Châu*

Trình độ chuyên môn:

Đã hoàn thành chương trình:

*Đào tạo Thí nghiệm viên ngắn hạn*

Chuyên ngành: *Kiểm tra chất lượng bê tông bằng phương pháp không phá hủy*

Khóa: 97

Tổ chức: 06/11 ÷ 17/11/2023

tại: *Thành phố Hà Nội*

Xếp loại: *Khá*



(Chữ ký của người được cấp)

Số: 03.97.23/VKHEN-TNV

(Chứng chỉ có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp)



Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2023

KT. VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

*Dinh Văn Liên*

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT

Cấp

**CHỨNG CHỈ**

Cho ông/bà: *Lê Văn Dương*

Sinh ngày: 11/03/1983

Nơi thường trú: *Lai Châu*

Trình độ chuyên môn:

Đã hoàn thành chương trình:

*Đào tạo Thí nghiệm viên ngắn hạn*

Chuyên ngành: *Phương pháp xác định tính chất cơ lý của vật liệu kim loại và liên kết hàn*

Khóa: 92

Tổ chức: 01/06 ÷ 12/06/2023

tại: *Thành phố Hà Nội*

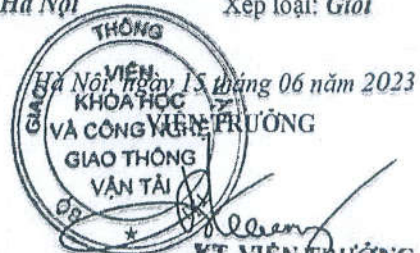
Xếp loại: *Giỏi*



(Chữ ký của người được cấp)

Số: 09.92.23/VKHEN-TNV

(Chứng chỉ có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp)



Hà Nội, ngày 15 tháng 06 năm 2023

KT. VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

*Dinh Văn Liên*

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT

Cấp

**CHỨNG CHỈ**



(Chữ ký của người được cấp) \*

Cho ông/bà *Trần Văn Công*

Ngày tháng năm sinh: 17/12/1993

Nơi thường trú: *Thái Bình*

Trình độ chuyên môn: *Kỹ sư Kỹ thuật XD CTGT*

Đã hoàn thành chương trình:

*Đào tạo Thí nghiệm viên ngắn hạn*

Chuyên ngành: *Xây dựng công trình giao thông*

Khoá: 110      Tổ chức: 14/11 ÷ 26/11/2016

Tại: *Thành phố Hà Nội*      Xếp loại: *Khá*

*Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2016*



*Đỗ Hữu Chàng*

Số 09.110.16/VKHCN-TNV

(Chứng chỉ có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp)

SCIENCE TECHNOLOGY INSTITUTE FOR INVESTMENT AND CONSTRUCTION  
VIETNAM FEDERATION OF CIVIL ENGINEERING ASSOCIATIONS



Chữ ký của người được cấp



Số hiệu chứng chỉ: 201511201/VKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP**

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VỀ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

TỔNG HỘI XÂY DỰNG VIỆT NAM

CHỨNG NHẬN

Ông : **TRẦN VĂN CÔNG**

Ngày sinh : 17 - 12 - 1993

Quê quán : Hưng Hà - Thái Bình

Đã tốt nghiệp khóa đào tạo về:

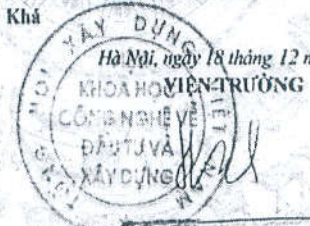
*Thử nghiệm tính chất cơ lý vật liệu xây dựng*

*Do Viện Khoa Học Công Nghệ về Đầu Tư và Xây Dựng -*

*Tổng Hội Xây Dựng Việt Nam tổ chức.*

*Thời gian đào tạo: Từ 09/12/2015 đến 16/12/2015*

*Kết quả học tập: Khá*



VIỆN TRƯỞNG

*GS TSKH. Phùng Văn Lưu*

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT

Cấp

**CHỨNG CHỈ**

Cho ông/bà: *Lê Văn Dương*

Sinh ngày: 11/03/1983

Nơi thường trú: *Lai Châu*

Trình độ chuyên môn:

Đã hoàn thành chương trình:

*Đào tạo Thí nghiệm viên ngắn hạn*

Chuyên ngành: *Kiểm tra chất lượng bê tông bằng phương pháp không phá hủy*

Khóa: 97

Tổ chức: 06/11 ÷ 17/11/2023

tại: *Thành phố Hà Nội*

Xếp loại: *Khá*



(Chữ ký của người được cấp)

Số: 03.97.23/VKHCN-TNV

(Chứng chỉ có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp)



KT. VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

*Dinh Văn Tiên*

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT

Cấp

**CHỨNG CHỈ**

Cho ông/bà: *Lê Văn Dương*

Sinh ngày: 11/03/1983

Nơi thường trú: *Lai Châu*

Trình độ chuyên môn:

Đã hoàn thành chương trình:

*Đào tạo Thí nghiệm viên ngắn hạn*

Chuyên ngành: *Phương pháp xác định tính chất cơ lý của vật liệu kim loại và liên kết hàn*

Khóa: 92

Tổ chức: 01/06 ÷ 12/06/2023

tại: *Thành phố Hà Nội*

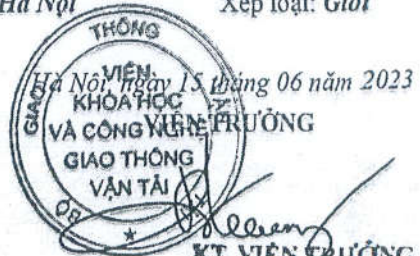
Xếp loại: *Giỏi*



(Chữ ký của người được cấp)

Số: 09.92.23/VKHCN-TNV

(Chứng chỉ có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp)



KT. VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

*Dinh Văn Tiên*

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT

Cấp  
**CHỨNG CHỈ**

Cho ông/bà: *Lê Văn Dương*

Sinh ngày: 11/03/1983

Nơi thường trú: *Lai Châu*

Trình độ chuyên môn:

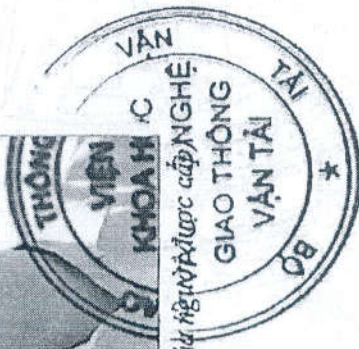
Đã hoàn thành chương trình:

*Đào tạo Thí nghiệm viên ngắn hạn*

Chuyên ngành: *Xây dựng công trình giao thông*

Khóa: 28      Tổ chức: 08/04 ÷ 20/04/2024

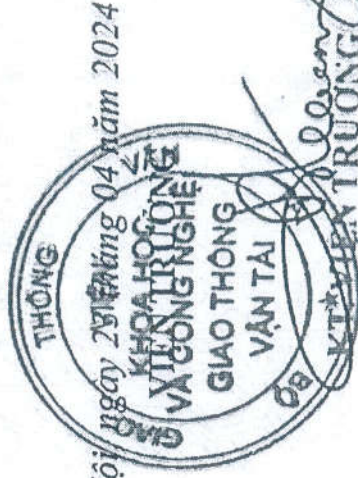
tại: *Thành phố Hà Nội*      Xếp loại: *Giỏi*



(Chữ ký của người được cấp)

Số: 04.28.24/VKHCN-TNV

((Chứng chỉ có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp))



Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2024

PHÓ VIỆN TRƯỞNG

*Dinh Văn Tiên*

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT

Cấp  
**CHỨNG CHỈ**

Cho ông/bà: *Lương Thị Tuyết Mai*

Sinh ngày: 10/04/1974

Nơi thường trú: *Lai Châu*

Trình độ chuyên môn:

Đã hoàn thành chương trình:

*Đào tạo Thử nghiệm viên ngắn hạn*

Chuyên ngành: *Phương pháp xác định tính chất cơ lý của bê tông và vật liệu xây dựng trong phòng và hiện trường*

Khóa: 01

Tổ chức: 04/01 ÷ 15/01/2024

tại: *Thành phố Hà Nội*

Xếp loại: *Giỏi*



Số: 32.01.24/VKHCN-TNV

(Chứng chỉ có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp)



KT. VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

*Dinh Văn Liên*

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT

Cấp  
**CHỨNG CHỈ**

Cho ông/bà: *Lương Thị Tuyết Mai*

Sinh ngày: 10/04/1974

Nơi thường trú: *Lai Châu*

Trình độ chuyên môn:

Đã hoàn thành chương trình:

*Đào tạo Thử nghiệm viên ngắn hạn*

Chuyên ngành: *Xây dựng công trình giao thông*

Khóa: 28

Tổ chức: 08/04 ÷ 20/04/2024

tại: *Thành phố Hà Nội*

Xếp loại: *Giỏi*



Số: 36.28.24/VKHCN-TNV

(Chứng chỉ có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp)



KT. VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

*Dinh Văn Liên*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG KINH TẾ**

*Số: 26/HDKT/2016 STS- Lai Châu*

- Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 02 tháng 12 năm 2016, chúng tôi gồm:

**BÊN A (BÊN MUA): CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI  
XÂY DỰNG LC**

Đại diện : Bà Nguyễn Thị Sen Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : Tổ 25 - phường Đông Phong - thành phố Lai Châu - tỉnh Lai Châu

Điện thoại : 0944 974 608

Tài khoản : 36210000277857 tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lai Châu.

Mã số thuế : 6200090523

**BÊN B (BÊN BÁN): CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KHOA HỌC KỸ THUẬT STS.**

Đại diện : Ông Phạm Hoàng Tùng Chức vụ : Giám đốc

Địa chỉ : 4A Lê Thánh Tông - P. Phan Chu Trinh - Q. Hoàn Kiếm - Hà Nội

VPGD : Số nhà 17 - ngách 10/11 - ngõ 36 - Hoàng Ngọc Phách - Hà Nội

Điện thoại : 04. 39424601/ 39424603 Fax : 04. 39424696/ 39331896

Tài khoản : 21110000018958 tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

Mã số thuế : 0101211543

*Sau khi thỏa thuận, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng kinh tế với những điều khoản sau:*

**ĐIỀU 1: TÊN HÀNG, SỐ LƯỢNG, QUY CÁCH VÀ GIÁ CẢ.**

Bên A đồng ý mua, Bên B đồng ý bán thiết bị với số lượng và chủng loại chi tiết theo phụ lục đính kèm. Phụ lục là một phần không thể tách rời của hợp đồng này.

**Tổng giá trị hợp đồng: 494.678.800 đồng.**

*(Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi bốn triệu, sáu trăm bảy mươi tám nghìn, tám trăm đồng)*

- Đơn giá trên đã bao gồm thuế GTGT 10%, là đơn giá cố định trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng.

**ĐIỀU 2: QUY CÁCH, CHẤT LƯỢNG.**

- Bên B đảm bảo các thiết bị Bên B cung cấp cho Bên A đúng tính năng kỹ thuật, hàng mới 100% nguyên đai bao bì theo tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật của nhà sản xuất, đảm bảo hoạt động tốt cho Bên A khi đưa vào sử dụng.



- Bên B cam kết bảo hành sản phẩm trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu thiết bị. Nếu trong thời gian bảo hành, bất kỳ hư hỏng liên quan đến hàng hóa được cung cấp trong hợp đồng này được xác định do lỗi của nhà sản xuất, Bên B sẽ chịu trách nhiệm thay thế sản phẩm mới cho Bên A.

### **ĐIỀU 3: THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM GIAO HÀNG**

- Thời gian giao hàng: hàng hóa được giao trong vòng 07-09 tuần kể từ ngày nhận tiền lần 1.

- Địa điểm giao hàng: Phòng thí nghiệm bên mua.

### **ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

- Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản.

- Phương thức thanh toán : Thanh toán 50% giá trị hợp đồng ngay sau khi ký hợp đồng.

Bên A thanh toán cho Bên B 50% giá trị hợp đồng trong vòng 03 ngày sau khi nhận được thông báo giao hàng

### **ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN:**

#### **1. Trách nhiệm của Bên A:**

- Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B theo Điều 3 của hợp đồng này.

- Bố trí mặt bằng để đặt thiết bị lớn cử cán bộ tiếp nhận hàng hóa để phối hợp với Bên B trong quá trình bàn giao và nghiệm thu thiết bị.

#### **2. Trách nhiệm của Bên B:**

- Giao hàng cho Bên A đúng chất lượng, số lượng và thời gian như Điều 1, Điều 2 và Điều 4 của hợp đồng.

- Hướng dẫn cán bộ kỹ thuật của Bên A sử dụng thành thạo thiết bị.

- Bảo hành 12 tháng miễn phí cho máy và phụ kiện kể từ ngày bàn giao thiết bị đối với lỗi của Nhà sản xuất.

### **ĐIỀU 6: CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

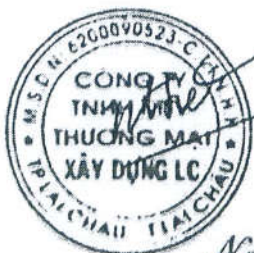
- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng này và không bên nào được huỷ hợp đồng nếu chưa có sự đồng ý của bên kia bằng văn bản.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có gì sửa đổi bổ sung, hai bên sẽ thảo luận và thống nhất với nhau trên tinh thần hợp tác để giải quyết. Trong trường hợp không đi đến thống nhất sẽ đưa ra Tòa án kinh tế nơi bên B đóng trụ sở để giải quyết. Mọi phán xét của Tòa án kinh tế là điều kiện bắt buộc thi hành đối với cả hai bên.

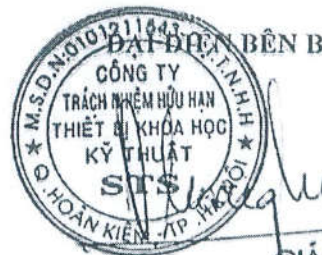
- Sau khi hai bên hoàn thành trách nhiệm của mình thì Hợp đồng coi như đã được thanh lý.

- Hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Thị Pin*



GIÁM ĐỐC  
*Phạm Hoàng Hùng*

10/12/2017

**PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG**

(Kèm theo hợp đồng số: 26./2016/HĐKT-STS-Lai Châu )

STT	Tên hàng hóa và thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị	SL	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
I	<b>Thí nghiệm xi măng</b>				
1	<b>Tủ sấy - Trung quốc</b> Loại chỉ thị kim Nhiệt độ : đến 300oC Model 101-2 Dung tích tủ: 136 lit Dùng cho khay mẫu ( D x R ) ; 400x400mm Kích thước lòng tủ ( Sâu x Rộng X Cao): 450 x550 x550mm	Chiếc	1	5.910.000	5.910.000
2	<b>Bàn dẫn mẫu - Trung quốc</b> <i>Hãng sản xuất - Trung Quốc</i> Model: ZT - 96 / ZT 15 ( Đúc mẫu 40 x 40 x 160 mm ) Tần số dẫn : 60 lần/ phút Biên độ dẫn: 15 mm ± 0.3mm Nguồn điện: 220V/50Hz, một pha	Chiếc	1	12.400.000	12.400.000
3	Khuôn mẫu 4,0x4,0x16,0	Bộ	1	500.000	500.000
4	<b>Giá định vị thử nén xi măng</b> Cho mẫu 40mm ( lấy từ mẫu uốn )	Bộ	1	2.400.000	2.400.000
5	<b>Giá định vị thử uốn xi măng ( 40 x 40 x 160 mm)</b>	Bộ	1	2.400.000	2.400.000
6	<b>Cân điện tử ADAM</b> Dải cân 600g x0,01g Hiệu chuẩn thiết bị	Chiếc	1	6.220.000	6.220.000
7	Ống dung 50, 100, 150ml ( Trung quốc )	Bộ	1	230.000	230.000
8	<b>Bộ dụng cụ Vicat</b> Nước sản xuất : Trung quốc Bao gồm: Thân chính gắn thước, thanh dẫn chuẩn, 3 kim chuẩn, khâu chuẩn, tấm kính Trọng lượng phần rơi tự do : 300g ± 1g kể cả kim Khoảng cách rơi tối đa : 70mm Kim tròn lớn D10 x L 50mm Kim tròn nhỏ D1,13 x L50mm Khâu côn : D80 x d 70 x L50 mm Tấm kính : 100 x 100 x 3 mm Trọng lượng : 3,8kg	Bộ	1	2.100.000	2.100.000
10	Sàng 0,09mm D200mm - Trung quốc	Chiếc	1	160.000	160.000
II	<b>Cốt liệu cho bê tông và vữa</b>				
1	Bộ sàng làm thành phần hạt (loại mắt tròn) KT lỗ khách tròn D300mm - TQ gồm 11 cái (70; 40; 20; 10; 5; 2,5;) đáy + nắp	chiếc	7	200.000	1.400.000
2	Bộ sàng làm thành phần hạt (loại mắt vuông) D300mm gồm 8 cái là ( 50; 37,5; 25; 19; 9,5; 4,75; 2,36; 0,425; 0,075) 1,25; 0,63; 0,315; 0,14, đáy + nắp	chiếc	14	200.000	2.800.000

11/1  
 0N  
 NH  
 BI  
 Y  
 11/10  
 11/10

STT	Tên hàng hóa và thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị	SL	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
	Xác định hàm lượng bitum trong bê tông nhựa theo pp chiết Khả năng chiết: 3 kg Tốc độ chiết: ~ 2800 v/p Nguồn điện: 380V/50Hz, 750W				
7	Bộ đàm Masshsl bằng tay - Việt nam	Bộ	1	5.200.000	5.200.000
8	Khuôn tạo mẫu Marshall - Việt nam	Bộ	6	480.000	2.880.000
	Cung cấp mỗi bộ bao gồm: thân khuôn, đế khuôn, cổ khuôn				
9	Nhiệt kế 300oC- Trung quốc	Chiếc	1	48.000	48.000
VI	Thí nghiệm kéo uốn thép, mối hàn				
I	Máy kiểm tra đa năng ( Uốn/kéo/nén)- chỉ thị kim Model: WE - 1000B Hãng sản xuất: JINGYUAN - Trung Quốc Lực kiểm tra lớn nhất: 1000kN Dải kiểm tra: - Từ 0 đến 200kN thang chia: 0.5kN - Từ 0 đến 500kN thang chia: 1kN - Từ 0 đến 1000kN thang chia: 2kN Độ chính xác gia tải: + 1% Trọng lượng- 3.000 kg + 220-240V - 50Hz - 1 pha <u>Bộ bao gồm</u> Phụ kiện tiêu chuẩn theo máy WE - 1000 B	Chiếc	1	230.000.000	230.000.000
	Bộ kẹp cho thép tấm 0-40 mm	Bộ	1		
	Bộ kẹp cho thép tròn các cỡ từ f14-f60	Bộ	1		
	Bộ phụ kiện cho kiểm tra uốn	Bộ	1		
	Bộ tấm ép	Bộ	1		
	Bu lông neo	Bộ	1		
	Quả gia tải B & C	Bộ	1		
	Dây 3 pha	Bộ	1		
	Dầu thủy lực	lít	15		
	Bộ dụng cụ tháo lắp	Bộ	1		
	Sách hướng dẫn sử dụng	Bộ	1		
	Hiệu chuẩn thiết bị	lần	1	bao gồm	
				Cộng giá:	449.708.000
				Thuế VAT 10%:	44.970.800
				Tổng cộng:	494.678.800



Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi bốn triệu, sáu trăm bảy mươi tám nghìn tám trăm đồng.



# CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KHOA HỌC KỸ THUẬT STS

Mã số thuế: 0101211543

Địa chỉ: 4A Lê Thánh Tông - P. Phan Chu Trinh - Q. Hoàn Kiếm - TP. Hà Nội, Việt Nam

Số TK: 211.10.00.001895.8 Tại Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN - chi nhánh Hà Nội

Điện thoại: 04. 39424601 - Fax: 04.39424696

## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao người mua

Mẫu số: 01/GTKT3/001

Ký hiệu: AA/15P

Số: 0000150

Ngày... tháng... năm 20...

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị:

Địa chỉ:

Mã số thuế:

Hình thức thanh toán:

Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
	Những mặt thiết bị khoa học kỹ thuật				
	để làm thành lập phòng thí nghiệm				
	ở một số trường đại học				
	Đợt bán				
	(Hàng hóa, dịch vụ, vật tư)				
	(Liên Châu)				

Cộng tiền hàng:

Thuế suất GTGT: %

Tiền thuế GTGT:

Tổng cộng tiền thanh toán:

Số tiền viết bằng chữ:

Người mua hàng  
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng  
(Ký, ghi rõ họ, tên)



(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) *Phạm Hoàng Tuấn*

**DANH MỤC CÁC THIẾT BỊ, DỤNG CỤ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM**

TT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	SL	ĐVT	Xuất xứ
1	Máy kéo nén vạn năng 1000KN – JINGYUAN-Chiết Giang-TQ;Model: WE-1000B; (Ngàm kẹp thủy lực) Bao gồm: Máy chính, 1 bộ thốt nén, bộ gối uôn BT và thép, tủy ô thủy lực. –Dài đo: 200KN/0,5KN; 500KN/1KN; 1000KN/2KN – Kéo thép tròn từ D6 – D45 và thép dẹt dày từ 0 – 40mm; - Hành trình piston 150mm. – Điện áp 3pha/380V	1	bộ	Trung Quốc
2	Máy nén bê tông 2000 KN - Dài đo: 800KN/2,5; 2000KN/5KN- Dễ sử dụng, phù hợp tiêu chuẩn Việt nam- Hoạt động bằng động cơ điện, nén tự động, tự động lưu giữ kết quả nén bằng đồng hồ hai kim.- Mẫu nén: mẫu lập phương và mẫu trụ- Điện nguồn: 220V/50Hz, 1 pha	1	ch	Trung Quốc
3	Bộ gá uôn mẫu BT 2 điểm- T.TECH	1	bộ	T-TECH; Việt nam
4	Khuôn trụ đk150 x 300 -T.TECH	3	ch	T-TECH; Việt nam
5	Vòng đo lực 30 kN	1	cái	T-TECH; Việt nam
6	Khuôn lập phương 150x150x150-VN	3	ch	T-TECH; Việt nam
7	Vòng đo lực 50 kN	1	ch	T-TECH; Việt nam
8	Bàn rung mẫu bê tông 600x900 - T.TECH	1	ch	T-TECH; Việt nam
9	Khuôn bê tông 200x200x200 -VN;	3	ch	T-TECH; Việt nam
10	Khuôn đúc mẫu bê tông hình trụ D150x cao150 cho máy thấm - T.TECH;	6	ch	T-TECH; Việt nam
11	Côn thử độ sụt bê tông N1 bằng INOX - Côn chuẩn D101,6 x D203,2 x H303 Bao gồm: Côn chuẩn, phễu hứng, khay tôn, thanh đầm, ca xúc mẫu.	1	bộ	T-TECH; Việt nam
12	Bộ ép chế mẫu bê tông hình trụ - T.TECH	1	bộ	T-TECH; Việt nam
13	Nhớt kế VEBÉ, Tiêu chuẩn BS -T.TECH Gọn nhẹ, chính xác, dễ sử dụng; Nguồn điện: 220V/50Hz	1	bộ	T-TECH; Việt nam
14	Búa thử độ cứng bê tông : C380 matter italy , Thích hợp cấu kiện bê tông có độ cứng: 10-70N/mm <sup>2</sup> Khối lượng: 2Kg	1	bộ	ITALIA
15	Máy siêu âm bê tông C369N. Máy siêu âm bê tông, loại cầm tay nhỏ, cường độ của bê tông.Phím On/Off, phím tăng giảm Máy sử dụng 4 pin loại 1,5V. Báo hiệu pin yếu Khoảng đo: 0...1999,9µgiây Độ chính xác: 0,1µgiây Biên độ xung: 800V đỉnh Máy cung cấp với hai đầu dò 55kHz, hai cáp nối 3,5m, thanh chuẩn máy, mỡ tiếp xúc, 4 pin và hộp đựng.Kích thước 170 x 90 x 50mm, nặng 900g.	1	bộ	ITALIA
16	Bộ gá uôn mẫu XM 40x40x160 - T.TECH	1	bộ	T-TECH; Việt nam
17	Bộ gá nén mẫu XM 40x40 - T.TECH	1	bộ	T-TECH; Việt nam
18	Bộ gá uôn mẫu gạch xây - T.TECH	1	bộ	T-TECH; Việt nam
19	Dụng cụ VICA - T.TECH Bao gồm: Thân chính gắn thước, thanh dẫn chuẩn, 3 kim chuẩn, khâu chuẩn, tấm kính	1	bộ	T-TECH; Việt nam
20	Máy xác định độ mài mòn bê tông - T.TECH	1	ch	T-TECH; Việt nam



21	Bộ tấm ép mẫu gạch tự chèn - T.TECH	1	bộ	T-TECH; Việt nam
22	Bộ xi lanh nén đập đá D75-T.TECH	1	bộ	T-TECH; Việt nam
23	Bộ xi lanh nén đập đá D150-T.TECH	1	bộ	T-TECH; Việt nam
24	Phễu xác định độ xốp của đá - T.TECH	1	ch	T-TECH; Việt nam
25	Phễu xác định độ xốp của cát - T.TECH	1	ch	T-TECH; Việt nam
26	Hộc đong 1 lít-T.TECH	1	ch	T-TECH; Việt nam
27	Hộc đong 2 lít-T.TECH	1	ch	T-TECH; Việt nam
28	Hộc đong 3 lít-T.TECH	1	ch	T-TECH; Việt nam
29	Hộc đong 5 lít-T.TECH	1	ch	T-TECH; Việt nam
30	Hộc đong 10 lít-T.TECH	1	ch	T-TECH; Việt nam
31	Bộ xác định đương lượng cát (không kèm máy lắc) - T.TECH	1	bộ	T-TECH; Việt nam
32	Thiết bị xác định hàm lượng sét của đá (Bình rửa đá) - T.TECH;	1	ch	T-TECH; Việt nam
33	Thiết bị xác định hàm lượng sét của cát (Bình rửa cát) - T.TECH;	1	ch	T-TECH; Việt nam
34	Bảng màu chuẩn - T-TECH	5	ch	
35	Sàng cát tiêu chuẩn D200mm - TQ bao gồm: 10; 5; 2,5; 1,25; 0,63; 0,315; 0,14mm, đáy và nắp	9	ch	Trung Quốc
36	Bộ sàng đá đk200mm bao gồm: 75; 60; 50; 40; 30; 25; 20; 15; 10; 5; 3; đáy+nắp - TQ	12	ch	Trung Quốc
37	Bộ sàng đá cấp phối đk200mm gồm: 37,5; 25; 12,5; 4,75; 2,0; 0,425; 0,075; đáy+nắp - TQ	8	ch	Trung Quốc
38	Máy thử độ bền nén CBR / Marshall Khuôn CBR đĩa phân cách, giấy lọc, cung lực,	1	bộ	T-TECH; Việt nam
39	Bộ giới hạn dẻo của đất, tấm kính, bình xịt, cốc dao, hộp đựng	1	bộ	T-TECH; Việt nam
40	Thiết bị giới hạn chảy Casagrande. Dụng cụ khía rãnh, dao trộn, báo trộn, hộp đựng	1	bộ	T-TECH; Việt nam
41	Cối Procto cải tiến	1	Chiếc	T-TECH; Việt nam
42	Chày Procto cải tiến	1	Chiếc	T-TECH; Việt nam
43	Cối Procto tiêu chuẩn	1	Chiếc	T-TECH; Việt nam
44	Chày Procto tiêu chuẩn	1	Chiếc	T-TECH; Việt nam
45	Bộ đo E bằng tấm ép tĩnh . Tấm ép 34cm kích thủy lực đồng hồ thiên phân kế	1	bộ	T-TECH; Việt nam
46	Bộ cần benkenman, kiểu dáng châu âu, 3 đoạn rút	1	bộ	T-TECH; Việt nam
47	Bộ dao vòng lấy mẫu đất / chày, thanh dẫn, 3 dao	1	bộ	T-TECH; Việt nam
48	Phễu rót cát hiện trường	1	bộ	T-TECH; Việt nam
49	Thước 3m đo độ vồng	1	bộ	T-TECH; Việt nam
50	Máy khoan bê tông D100, D150, D75 mm	1	bộ	T-TECH; Việt nam
51	Thiết bị giãn dài nhựa / tốc độ kéo 50,8mm/phút kéo dài 120 mm	1	bộ	T-TECH; Việt nam
52	Khuôn mẫu chuẩn số 8 bằng đồng	1	bộ	T-TECH; Việt nam
53	Thiết bị kim lún / Đồng hồ chỉ thị 50mmx0,01mm, cốc, 02 kim, bình giữ nhiệt	1	bộ	T-TECH; Việt nam
54	Thiết bị tổn thất khi nung / giá quay, hộp mẫu	1	bộ	T-TECH; Việt nam
55	Thiết bị hóa mềm / cốc thủy tinh, giá đỡ, bi 02	1	bộ	T-TECH; Việt nam

	viên			
56	Bếp gia nhiệt, bếp cát, bếp ga	1	bộ	T-TECH; Việt nam
57	Bình hút chân không thủy tinh	1	Chiếc	T-TECH; Việt nam
58	Cốc đong thủy tinh có vòi 250 ml	1	Chiếc	T-TECH; Việt nam
59	Cốc đong thủy tinh có vòi 500 ml	1	Chiếc	T-TECH; Việt nam
60	Cốc đong thủy tinh có vòi 1000 ml	1	Chiếc	T-TECH; Việt nam
61	Pi Pét 5ml	1	Chiếc	T-TECH; Việt nam
62	Pi Pét 10ml	1	Chiếc	T-TECH; Việt nam
63	Pi Pét 15ml	1	Chiếc	T-TECH; Việt nam
64	Pi Pét 25ml	1	Chiếc	T-TECH; Việt nam
65	Pi Pét 50ml	1	Chiếc	T-TECH; Việt nam
66	Thiết bị đo hàm lượng bột khí bê tông - TQ; HC-7	1	ch	Trung Quốc
67	Máy chiết nhựa lý tâm	1	ch	Trung Quốc
68	Thùng hấp mẫu xi măng - T.TECH Dung tích: 20 lít; Kích thước thùng: 220x250x380; Điện nguồn: 220V/50Hz, 1,5KW	1	ch	T-TECH; Việt nam
69	Khuôn uốn xi măng 40x40x160 kép 3 -TQ;	3	bộ	Trung Quốc
70	Máy trộn vữa xi măng tiêu chuẩn - TQ Model: JJ-5 (ZT-96) Dung tích: 5 lít; Điện áp nguồn: 380V/50Hz	1	ch	Trung Quốc
71	Máy dẫn vữa xi măng tiêu chuẩn -TQ; Biên độ rung: 15 +/- 0,3mm; Trọng lượng rung: 20kg Nguồn điện: 220V/50Hz	1	ch	Trung Quốc
72	Khuôn xi măng Le Chaterlier - TQ	6	ch	Trung Quốc
73	Bình tỷ trọng xi măng - TQ	6	ch	Trung Quốc
74	Sàng độ mịn xi măng 0,09mm D200 - TQ	1	ch	Trung Quốc
75	Tủ dưỡng hồ mẫu xi măng - TQ; Model: SHBY-40B (HBY-40B) Nhiệt độ và độ ẩm tiêu chuẩn; Nguồn điện: 220V/50Hz	1	ch	Trung Quốc
76	Bàn dẫn vữa xi măng - T.TECH; kèm khâu chuẩn và thước kẹp	1	bộ	T-TECH; Việt nam
77	Phễu xác định khả năng giữ độ lưa động của vữa - T.TECH	1	bộ	T-TECH; Việt nam
78	Thiết bị thí nghiệm tỷ diện xi măng (Blaine); Model DBT-127	1	bộ	Trung Quốc
79	Máy thử độ mài mòn Los Angeles-T.TECH; với bộ đếm có thể cài đặt số vòng quay tùy ý và hiển thị số điện tử. Tốc độ quay: 30 - 33vòng/phút;kèm 12 viên bi thép tiêu chuẩn, và 1 khay hứng mẫu	1	ch	T-TECH; Việt nam
80	Dụng cụ hấp phụ nước của cát - T.TECH	1	bộ	T-TECH; Việt nam
81	Bộ kim sắt xác định độ phong hóa - VN	1	bộ	T-TECH; Việt nam
82	Thước xác định hạt dài, hạt dẹt - T.TECH	1	ch	T-TECH; Việt nam
83	Dụng cụ xác định góc nghỉ tự nhiên của cát - T.TECH	1	bộ	T-TECH; Việt nam
84	Kích ép cọc 300 tấn - T.TECH kèm bơm thủy lực bằng tay, đồng hồ chỉ thị áp, cáp mềm dài 5m; đồng hồ 50mm	1	ch	T-TECH; Việt nam
85	Nhiệt kế thủy tinh 0 - 100 C - TQ	1	ch	Trung Quốc
86	ống đong 50 ml	1	ch	Trung Quốc
87	ống đong 100 ml	1	ch	Trung Quốc

88	ống đong 250 ml	1	ch	Trung Quốc
89	ống đong 500 ml,	1	ch	Trung Quốc
90	ống đong 1000 ml	1	ch	Trung Quốc
91	Bình tam giác 50ml; -TQ	1	ch	Trung Quốc
92	Bình tam giác 100ml; -TQ	1	ch	Trung Quốc
93	Bình tam giác 250ml; -TQ	1	ch	Trung Quốc
94	Bình tam giác 500ml; -TQ	1	ch	Trung Quốc
95	Bình tam giác 1000ml;-TQ	1	ch	Trung Quốc
96	Khay trộn mẫu 300x220x50mm	6	ch	Trung Quốc
97	Khay trộn mẫu 550x550x50- T.TECH	3	ch	Trung Quốc
98	Bình hút âm D240 - TQ	1	ch	Trung Quốc
99	Bộ cối chày bằng sứ - TQ	1	bộ	Trung Quốc
100	Chày cao su - T.TECH	1	ch	Trung Quốc
101	Bơm chân không - TQ	1	ch	Trung Quốc
102	Bình hút chân không 8 lít - TQ	1	ch	Trung Quốc
103	ống cao su	1	m	Trung Quốc
104	Đồng hồ chi thị áp - TQ	1	ch	Trung Quốc
105	Bàn cân thủy tinh tiêu chuẩn - T.TECH có bàn nâng di động, kiểu dáng hiện đại, tời quay tay nâng hạ.	1	ch	T-TECH;
106	Rọ cân trong nước - T.TECH	1	ch	T-TECH;
107	Kính lúp	1	Chiếc	Việt nam
108	Cân điện tử 6000g x 0.2g - Nhật (G7)	1	ch	Nhật
109	Cân điện tử 15kg x 0.5g - OHAUS (Mỹ); Model: BC15	1	ch	Mỹ
110	Cân điện tử 30kg x 1g - OHAUS (Mỹ); Model: BC30	1	ch	Mỹ
111	Tủ sấy 300°C, model 101-1; 70 lít - TQ	1	ch	Trung Quốc
112	Lò nung 1000độ C Model 4-10	1	bộ	Trung Quốc
113	Máy bơm chân không 650 mhg model; 2XZ-1	1	bộ	Trung Quốc
114	Ống cao su	1	bộ	Trung Quốc
115	Đồng hồ chi thị áp - TQ	1	bộ	Trung Quốc
116	Bộ đầm Marshall bằng tay	1	bộ	Trung Quốc
117	Bộ dao vong lấy đất	1	bộ	Trung Quốc
118	Bộ dao vong lấy đất	1	bộ	Trung Quốc
119	Các thiết bị văn phòng: Máy tính, máy in và các thiết bị khác ...			

TT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	SL	ĐVT	Xuất xứ
----	----------------------------------	----	-----	---------

1	Máy kéo nén vạn năng 1000KN – JINGYUAN-Chiết Giang-TQ; Model: WE-1000B; (Ngàm kẹp thủy lực) Bao gồm: Máy chính, 1 bộ thớt nén, bộ gối uốn BT và thép, tui ô thủy lực. –Dài đo: 200KN/0,5KN; 500KN/1KN; 1000KN/2KN – Kéo thép tròn từ D6 – D45 và thép dẹt dày từ 0 – 40mm; - Hành trình piston 150mm. – Điện áp 3pha/380V	1	bộ	Trung Quốc
2	Máy nén bê tông 3000 KN - Dài đo: 800KN/2,5; 2000KN/5KN- Dễ sử dụng, phù hợp tiêu chuẩn Việt nam- Hoạt động bằng động cơ điện, nén tự động, tự động lưu giữ kết quả nén bằng đồng hồ hai kim.- Mẫu nén: mẫu lập phương và mẫu trụ- Điện nguồn: 220V/50Hz, 1 pha	1	ch	Trung Quốc
3	Bộ gá uốn mẫu BT 2 điểm- T.TECH	1	bộ	T-TECH; Việt nam
4	Khuôn trụ đk150 x 300 -T.TECH	3	ch	T-TECH; Việt nam
5	Vòng đo lực 30 kN	1	cái	T-TECH; Việt nam
6	Khuôn lập phương 150x150x150-VN	3	ch	T-TECH; Việt nam
7	Vòng đo lực 50 kN	1	ch	T-TECH; Việt nam
8	Bàn rung mẫu bê tông 600x900 - T.TECH	1	ch	T-TECH; Việt nam
9	Khuôn bê tông 200x200x200 -VN;	3	ch	T-TECH; Việt nam
10	Máy xác định độ thấm bê tông-Trung quốc; Model: HS-4; Áp lực làm việc 4MPa, nguồn 380V, 120W; kiểm tra 6 mẫu đồng thời, mẫu cao 150mm (chưa kèm bộ gá mẫu)	1	ch	Trung Quốc
11	Khuôn đúc mẫu bê tông hình trụ D150x cao 150 cho máy thấm - T.TECH;	6	ch	T-TECH; Việt nam
12	Bộ gá mẫu thấm bê tông hình trụ, theo tiêu chuẩn Việt nam, kiểu dáng Châu Âu - T.TECH	6	bộ	T-TECH; Việt nam
13	Côn thử độ sụt bê tông N1 bằng INOX - Côn chuẩn D101,6 x D203,2 x H303 Bao gồm: Côn chuẩn, phễu hứng, khay tôn, thanh đầm, ca xúc mẫu.	1	bộ	T-TECH; Việt nam
14	Bộ ép chế mẫu bê tông hình trụ - T.TECH	1	bộ	T-TECH; Việt nam
15	Nhớt ké VEBÉ, Tiêu chuẩn BS -T.TECH Gọn nhẹ, chính xác, dễ sử dụng; Nguồn điện: 220V/50Hz	1	bộ	T-TECH; Việt nam
16	Búa thử độ cứng bê tông : C380 matter italy , Thích hợp cấu kiện bê tông có độ cứng: 10-70N/mm <sup>2</sup> Khối lượng: 2Kg	1	bộ	ITALIA
17	Máy siêu âm bê tông C369N. Máy siêu âm bê tông, loại cầm tay nhỏ. cường độ của bê tông.Phím On/Off, phím tăng giảm Máy sử dụng 4 pin loại 1,5V. Báo hiệu pin yếu Khoảng đo: 0...1999,9μgiây Độ chính xác: 0,1μgiây Biên độ xung: 800V đỉnh Máy cung cấp với hai đầu dò 55kHz, hai cáp nối 3,5m, thanh chuẩn máy, mỡ tiếp xúc, 4 pin và hộp đựng.Kích thước 170 x 90 x 50mm, nặng 900g.	1	bộ	ITALIA

18	Máy nén, uốn xi măng - T.TECH - Khả năng nén/vạch chia: 100KN/0,2KN- Khả năng nén/vạch chia: 25KN/0,05KN; - 2 Đồng hồ chỉ thị đk 260mm, 2 kim; - Linh kiện ngoại nhập; - Điện nguồn: 220V/50Hz, 1 pha	1	ch	T-TECH; Việt nam
19	Bộ gá uốn mẫu XM 40x40x160 - T.TECH	1	bộ	T-TECH; Việt nam
20	Bộ gá nén mẫu XM 40x40 - T.TECH	1	bộ	T-TECH; Việt nam
21	Bộ gá uốn mẫu gạch xây - T.TECH	1	bộ	T-TECH; Việt nam
22	Dụng cụ VICA - T.TECH Bao gồm: Thân chính gắn thước, thanh dẫn chuẩn, 3 kim chuẩn, khâu chuẩn, tấm kính	1	bộ	T-TECH; Việt nam
23	Máy xác định độ mài mòn bê tông - T.TECH	1	ch	T-TECH; Việt nam
24	Bộ tấm ép mẫu gạch tự chèn - T.TECH	1	bộ	T-TECH; Việt nam
25	Bộ xi lanh nén dập đá D75-T.TECH	1	bộ	T-TECH; Việt nam
26	Bộ xi lanh nén dập đá D150-T.TECH	1	bộ	T-TECH; Việt nam
27	Phễu xác định độ xốp của đá - T.TECH	1	ch	T-TECH; Việt nam
28	Phễu xác định độ xốp của cát - T.TECH	1	ch	T-TECH; Việt nam
29	Hộc đong 1 lít-T.TECH	1	ch	T-TECH; Việt nam
30	Hộc đong 2 lít-T.TECH	1	ch	T-TECH; Việt nam
31	Hộc đong 3 lít-T.TECH	1	ch	T-TECH; Việt nam
32	Hộc đong 5 lít-T.TECH	1	ch	T-TECH; Việt nam
33	Hộc đong 10 lít-T.TECH	1	ch	T-TECH; Việt nam
34	Hộc đong 15 lít-T.TECH	1	ch	T-TECH; Việt nam
35	Hộc đong 20 lít-T.TECH	1	ch	T-TECH; Việt nam
36	Bộ xác định đương lượng cát (không kèm máy lắc) - T.TECH	1	bộ	T-TECH; Việt nam
37	Thiết bị xác định hàm lượng sét của đá (Bình rửa đá) - T.TECH;	1	ch	T-TECH; Việt nam
38	Thiết bị xác định hàm lượng sét của cát (Bình rửa cát) - T.TECH;	1	ch	T-TECH; Việt nam
39	Bảng màu chuẩn - T-TECH	5	ch	
40	Sàng cát tiêu chuẩn D200mm - TQ bao gồm: 10; 5; 2,5; 1,25; 0,63; 0,315; 0,14mm, đáy và nắp	9	ch	Trung Quốc
41	Bộ sàng đá đk200mm bao gồm: 75; 60; 50; 40; 30; 25; 20; 15; 10; 5; 3; đáy+nắp - TQ	12	ch	Trung Quốc
42	Bộ sàng đá cấp phối đk200mm gồm: 37,5; 25; 12,5; 4,75; 2,0; 0,425; 0,075; đáy+nắp - TQ	8	ch	Trung Quốc
43	Máy lấy sàng - TQ; Model: 8411, dùng cho sàng tiêu chuẩn D200mm Nguồn điện: 220V/50Hz	1	ch	Trung Quốc
44	Máy thử độ bền nén CBR / Marshall Khuôn CBR đĩa phân cách, giấy lọc, cung lực,	1	bộ	T-TECH; Việt nam
45	Bộ giới hạn dẻo của đất, tấm kính, bình xịt, cốc dao, hộp đựng	1	bộ	T-TECH; Việt nam
46	Thiết bị giới hạn chảy Casagrande. Dụng cụ khía rãnh, dao trộn, báo trộn, hộp đựng	1	bộ	T-TECH; Việt nam
47	Cối Procto cải tiến	1	Chiếc	T-TECH; Việt nam
48	Chày Procto cải tiến	1	Chiếc	T-TECH; Việt nam
49	Cối Procto tiêu chuẩn	1	Chiếc	T-TECH; Việt nam
50	Chày Procto tiêu chuẩn	1	Chiếc	T-TECH; Việt nam

51	Bộ đo E bằng tấm ép tinh . Tấm ép 34cm kích thủy lực đồng hồ thiên phân kế	1	bộ	T-TECH; Việt nam
52	Bộ cần benkenman, kiểu dáng châu âu, 3 đoạn rút	1	bộ	T-TECH; Việt nam
53	Bộ dao vòng lấy mẫu đất / chày, thanh dẫn, 3 dao	1	bộ	T-TECH; Việt nam
54	Phễu rót cát hiện trường	1	bộ	T-TECH; Việt nam
55	Thước 3m đo độ vồng	1	bộ	T-TECH; Việt nam
56	Máy khoan bê tông D100, D150, D75 mm	1	bộ	T-TECH; Việt nam
57	Máy nén đất Tam liên / quả cân, dao cắt, đá thấm	1	bộ	Trung Quốc
58	Máy cắt đất 2 tốc độ MĐ EDJ - J quả cân, dao cắt, đá thấm, đồng hồ	1	bộ	Trung Quốc
59	Mát kiểm tra vải địa kỹ thuật, cao su, MĐ LD-5 Dải kéo 5000N	1	bộ	T-TECH; Việt nam
60	Thiết bị giãn dài nhựa / tốc độ kéo 50,8mm/phút kéo dài 120 mm	1	bộ	T-TECH; Việt nam
61	Khuôn mẫu chuẩn số 8 bằng đồng	1	bộ	T-TECH; Việt nam
62	Thiết bị kim lún / Đồng hồ chỉ thị 50mmx0,01mm, cốc, 02 kim, bình giữ nhiệt	1	bộ	T-TECH; Việt nam
63	Thiết bị tổn thất khi nung / giá quay, hộp mẫu	1	bộ	T-TECH; Việt nam
64	Thiết bị hóa mềm / cốc thủy tinh, giá đỡ, bi 02 viên	1	bộ	T-TECH; Việt nam
65	Bếp gia nhiệt, bếp cát, bếp ga	1	bộ	T-TECH; Việt nam
66	Bình hút chân không thủy tinh	1	Chiếc	T-TECH; Việt nam
67	Cốc đong thủy tinh có vòi 250 ml	1	Chiếc	T-TECH; Việt nam
68	Cốc đong thủy tinh có vòi 500 ml	1	Chiếc	T-TECH; Việt nam
69	Cốc đong thủy tinh có vòi 1000 ml	1	Chiếc	T-TECH; Việt nam
70	Pi Pét 5ml	1	Chiếc	T-TECH; Việt nam
71	Pi Pét 10ml	1	Chiếc	T-TECH; Việt nam
72	Pi Pét 15ml	1	Chiếc	T-TECH; Việt nam
73	Pi Pét 25ml	1	Chiếc	T-TECH; Việt nam
74	Pi Pét 50ml	1	Chiếc	T-TECH; Việt nam
75	Thiết bị đo hàm lượng bột khí bê tông - TQ; HC-7	1	ch	Trung Quốc
76	Máy chiết nhựa lý tâm	1	ch	Trung Quốc
77	Thùng hấp mẫu xi măng - T.TECH Dung tích: 20 lít; Kích thước thùng: 220x250x380; Điện nguồn: 220V/50Hz, 1,5KW	1	ch	T-TECH; Việt nam
78	Khuôn uốn xi măng 40x40x160 kép 3 -TQ;	3	bộ	Trung Quốc
79	Máy trộn vữa xi măng tiêu chuẩn - TQ Model: JJ-5 (ZT-96) Dung tích: 5 lít; Điện áp nguồn: 380V/50Hz	1	ch	Trung Quốc
80	Máy dẫn vữa xi măng tiêu chuẩn -TQ; Biên độ rung: 15 +/- 0,3mm; Trọng lượng rung: 20kg Nguồn điện: 220V/50Hz	1	ch	Trung Quốc
81	Khuôn xi măng Le Chaterlier - TQ	6	ch	Trung Quốc
82	Bình tỷ trọng xi măng - TQ	6	ch	Trung Quốc
83	Sàng độ mịn xi măng 0,09mm D200 - TQ	1	ch	Trung Quốc
84	Tủ dưỡng hộ mẫu xi măng - TQ; Model: SHBY-40B (HBY-40B) Nhiệt độ và độ ẩm tiêu chuẩn; Nguồn điện: 220V/50Hz	1	ch	Trung Quốc
85	Bàn dẫn vữa xi măng - T.TECH; kèm khâu chuẩn và thước kẹp	1	bộ	T-TECH; Việt nam

86	Phễu xác định khả năng giữ độ lưa động của vữa - T.TECH	1	bộ	T-TECH; Việt nam
87	Thiết bị thí nghiệm tỷ diện xi măng (Blaine); Model DBT-127	1	bộ	Trung Quốc
88	Máy thử độ mài mòn Los Angeles-T.TECH; với bộ đếm có thể cài đặt số vòng quay tùy ý và hiển thị số điện tử. Tốc độ quay: 30 - 33vòng/phút;kèm 12 viên bi thép tiêu chuẩn, và 1 khay hứng mẫu	1	ch	T-TECH; Việt nam
89	Dụng cụ hấp phụ nước của cát - T.TECH	1	bộ	T-TECH; Việt nam
90	Bộ kim sắt xác định độ phong hóa - VN	1	bộ	T-TECH; Việt nam
91	Thuốc xác định hạt dài, hạt dẹt - T.TECH	1	ch	T-TECH; Việt nam
92	Dụng cụ xác định góc nghi tự nhiên của cát - T.TECH	1	bộ	T-TECH; Việt nam
93	Kịch ép cọc 300 tấn - T.TECH kèm bơm thủy lực bằng tay, đồng hồ chỉ thị áp, cấp mềm dài 5m; đồng hồ 50mm	1	ch	T-TECH; Việt nam
94	Nhiệt kế thủy tinh 0 - 100 C - TQ	1	ch	Trung Quốc
95	Ống đong 50 ml	1	ch	Trung Quốc
96	Ống đong 100 ml	1	ch	Trung Quốc
97	Ống đong 250 ml	1	ch	Trung Quốc
98	Ống đong 500 ml,	1	ch	Trung Quốc
99	Ống đong 1000 ml	1	ch	Trung Quốc
100	Bình tam giác 50ml; -TQ	1	ch	Trung Quốc
101	Bình tam giác 100ml; -TQ	1	ch	Trung Quốc
102	Bình tam giác 250ml; -TQ	1	ch	Trung Quốc
103	Bình tam giác 500ml; -TQ	1	ch	Trung Quốc
104	Bình tam giác 1000ml;-TQ	1	ch	Trung Quốc
105	Khay trộn mẫu 300x220x50mm	6	ch	Trung Quốc
106	Khay trộn mẫu 550x550x50- T.TECH	3	ch	Trung Quốc
107	Bình hút âm D240 - TQ	1	ch	Trung Quốc
108	Bộ cối chày bằng sứ - TQ	1	bộ	Trung Quốc
109	Chày cao su - T.TECH	1	ch	Trung Quốc
110	Bơm chân không - TQ	1	ch	Trung Quốc
111	Bình hút chân không 8 lít - TQ	1	ch	Trung Quốc
112	Ống cao su	1	m	Trung Quốc
113	Đồng hồ chỉ thị áp - TQ	1	ch	Trung Quốc
114	Bàn cân thủy tinh tiêu chuẩn - T.TECH có bàn nâng di động, kiểu dáng hiện đại, tời quay tay nâng hạ.	1	ch	T-TECH;
115	Rọ cân trong nước - T.TECH	1	ch	T-TECH;
116	Kính lúp	1	Chiếc	Việt nam
117	Cân điện tử 6000g x 0.2g - Nhật (G7)	1	ch	Nhật
118	Cân điện tử 15kg x 0.5g - OHAUS (Mỹ); Model: BC15	1	ch	Mỹ
119	Cân điện tử 30kg x1g - OHAUS (Mỹ); Model: BC30	1	ch	Mỹ
120	Tủ sấy 300°C, model 101-1; 70 lít - TQ	1	ch	Trung Quốc
121	Chạn thử Anh thí nghiệm độ chống trượt Modden BM-III	1	bộ	Trung Quốc
122	Bộ thí nghiệm CBR hiện trường	1	bộ	Trung Quốc



**QUYẾT ĐỊNH CỦA GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MTV  
THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG LC**

(V/v: Thành lập tổ soạn thảo Hệ thống QLCLISO/EIC -17025 Phòng thí nghiệm)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số: 6200090523, đăng ký lần đầu ngày 24/11/2016 và đăng ký lần thay đổi thứ 3 ngày 14/9/2024 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lai Châu cấp.
- Căn cứ quy chế hoạt động của trung tâm thí nghiệm.
- Xét đề xuất của Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng và kiểm định chất lượng công trình, về việc chuyển đổi áp dụng hệ thống quản lý chất lượng phòng thí nghiệm phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 17025:2005;

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Thành lập tổ soạn thảo Hệ thống quản lý chất lượng phòng thí nghiệm theo Quy trình ISO 17025:2005 phân công cho các đồng chí có tên sau đây nhận nhiệm vụ soạn thảo hệ thống quản lý chất lượng cho phòng thí nghiệm

TT	Họ và tên	Năm sinh	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Anh Tuấn	02/03/1982	Chủ nhiệm, chịu trách nhiệm chính về nội dung
2	Phạm Hữu Tuấn	7/2/1986	Nhân viên soạn thảo các quy trình
3	Lò Thị Ngọc	26/02/1988	Nhân viên soạn thảo các quy trình

**Điều 2:** Các ông/bà Trưởng phòng thí nghiệm cá nhân trước giám đốc công ty về hoạt động của mình theo quy định của công ty.

**Điều 3:** Quyết định này có quyết định từ ngày ký, cá nhân có tên tại điều 1, các bộ phận có liên quan có trách nhiệm thực hành quyết định này./.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Các đơn vị trực thuộc Công ty;
- Lưu văn phòng Công ty.

CÔNG TY TNHH MTV  
THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG LC



Hà Thị Hiền

Lai Châu, ngày 20 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH CỦA GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MTV  
THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG LC**

(V/v: Áp dụng Hệ thống QLCL Phòng thí nghiệm)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số: 6200090523, đăng ký lần đầu ngày 24/11/2016 và đăng ký lần thay đổi thứ 3 ngày 14/9/2024 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lai Châu cấp
- Căn cứ điều lệ hoạt và quy chế hoạt động của Công ty.
- Căn cứ quy chế hoạt động của trung tâm thí nghiệm.
- Xét đề xuất của Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng và kiểm định chất lượng công trình, về việc chuyển đổi áp dụng hệ thống quản lý chất lượng phòng thí nghiệm phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 17025:2005;

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Nay áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng phòng thí nghiệm theo Quy trình ISO 17025:2005 cho toàn bộ các hoạt động của phòng thí nghiệm theo các quy trình đã được phòng thí nghiệm xây dựng sửa đổi và trình ký.

**Điều 2:** Các ông/bà Trưởng phòng thí nghiệm, Phòng Hành chính, Phòng Kế toán, Phòng Vật tư, các phòng ban, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Các đơn vị trực thuộc Công ty;
- Lưu văn phòng Công ty.

**CÔNG TY TNHH MTV  
THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG LC**



Hà Thị Hiền



## CHƯƠNG I GIỚI THIỆU CHUNG

### 1.1. Mục đích của sổ tay chất lượng

Sổ tay chất lượng này trình bày cơ cấu tổ chức của **Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng**; các quy trình để thực hiện và quản lý mọi hoạt động nhằm đảm bảo chất lượng các phép đo, kiểm định, hiệu chuẩn và thử nghiệm do Trung tâm cung cấp.

Cơ cấu tổ chức và các quy trình này đảm bảo tất cả các phép đo, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm do Trung tâm thực hiện đều được lên kế hoạch và kiểm soát theo các thỏa thuận với VILAS (Hệ thống công nhận phòng thí nghiệm Việt Nam).

Hệ thống chất lượng của Trung tâm trình bày trong STCL tuân thủ theo ISO/IEC 17025:2017 “Yêu cầu chung về năng lực của phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn”.

### 1.2. Phạm vi áp dụng

Tất cả cán bộ, nhân viên của Phòng thí nghiệm bắt buộc phải thực hiện nhiệm vụ của mình theo các quy định được trình bày trong STCL.

Cán bộ quản lý chất lượng, cán bộ quản lý kỹ thuật, Trưởng phòng thí nghiệm chịu trách nhiệm về việc chuẩn bị, duy trì, soát xét STCL; việc lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các biện pháp đảm bảo chất lượng của phòng thí nghiệm.

### 1.3. Tài liệu viện dẫn

ISO 17000, Đánh giá sự phù hợp - Thuật ngữ chung và định nghĩa.

TCVN 6165:2009, Từ vựng quốc tế về đo lường học - Khái niệm, thuật ngữ chung và cơ bản (VIM).

TCVN ISO 9000:2005, Hệ thống quản lý chất lượng - Cơ sở và từ vựng.

ISO/IEC 17025:2005: Yêu cầu chung về Năng lực phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn.

## CHƯƠNG II THUẬT NGỮ VÀ ĐỊNH NGHĨA

### 2.1. Thuật ngữ, định nghĩa

#### 2.1.1. Hệ thống quản lý chất lượng (Quality management system):

Hệ thống quản lý để định hướng và kiểm soát một tổ chức về chất lượng.

#### 2.1.2. Sổ tay chất lượng (Quality manual):

Tài liệu quy định hệ thống quản lý chất lượng của một tổ chức.

Ghi chú: Sổ tay chất lượng có thể khác nhau về chi tiết và khuôn khổ (format) để thích hợp với quy mô và sự phức tạp của mỗi tổ chức.

#### 2.1.3. Phép đo (Measurement):

Quá trình thực nghiệm để thu được một hay một số giá trị đại lượng có thể quy cho đại lượng một cách hợp lý.

##### Chú thích:

- Phép đo không áp dụng cho các tính chất danh nghĩa;
- Phép đo bao hàm việc so sánh các đại lượng và việc đếm các thực thể;
- Phép đo bao hàm sự mô tả đại lượng tương ứng với việc sử dụng dự kiến của kết quả đo, thủ tục đo, và hệ thống đo đã được kiểm định, hiệu chuẩn và vận hành theo thủ tục quy định, bao gồm các điều kiện đo.

#### 2.1.4. Phương pháp đo (Measurement method):

Sự mô tả tổng quát việc tổ chức hợp lý các thao tác thực hiện trong phép đo.

#### 2.1.5. Thủ tục đo (Measurement procedure):

Sự mô tả chi tiết phép đo theo một hoặc một số nguyên lý đo và theo phương pháp đã cho trên cơ sở một mô hình đo và bao gồm mọi tính toán để nhận được kết quả đo.

Chú thích: Thủ tục đo thường được lập thành tài liệu đủ chi tiết cho phép người vận hành thực hiện phép đo;

#### 2.1.6. Độ không đảm bảo của phép đo (Uncertainty of measurement):

Thông số không âm đặc trưng cho sự phân tán của các giá trị đại lượng quy cho đại lượng đo trên cơ sở thông tin đã sử dụng.

- Thông số có thể là độ lệch chuẩn (hoặc bội của nó), hoặc là 1/2 của khoảng với mức tin cậy đã định.

- Nói chung độ không đảm bảo của phép đo gồm nhiều thành phần có thể đánh giá bằng phân bố thống kê các kết quả của một dãy phép đo và có thể được đặc trưng bằng độ lệch chuẩn thực nghiệm. Các thành phần khác cũng có thể được đặc trưng bằng độ lệch chuẩn, được đánh giá từ các phân bố xác suất mô phỏng trên cơ sở thực nghiệm hoặc các thông tin khác.

- Kết quả đo được hiểu là ước lượng tốt nhất về giá trị của đại lượng đo và tất cả các thành phần của độ không đảm bảo đo, bao gồm cả các thành phần do các ảnh hưởng hệ thống như các thành phần gắn với sự hiệu chỉnh và gắn với các chuẩn quy chiếu gây ra, đều góp phần vào độ phân tán.

#### 2.1.7. **Phép thử (Test):**

Thao tác kỹ thuật bao gồm việc xác định một hay nhiều các đặc tính hoặc tính năng sử dụng của sản phẩm, vật liệu, thiết bị, cấu trúc, hiện tượng vật lý quá trình hoặc dịch vụ cụ thể theo một quy trình xác định.

Chú thích: Kết quả phép thử thường được ghi chép bằng một tài liệu thường được gọi là "Giấy chứng nhận thử nghiệm" hoặc "Biên bản thử nghiệm".

#### 2.1.8. **Phương pháp thử (Test method):**

Quy trình kỹ thuật xác định để thực hiện việc thử nghiệm.

#### 2.1.9. **Hiệu chuẩn (Calibration):**

Hoạt động, trong những điều kiện quy định, bước thứ nhất là thiết lập mối liên hệ giữa các giá trị đại lượng có độ không đảm bảo đo do chuẩn đo lường cung cấp và các số chỉ tương ứng với độ không đảm bảo đo kèm theo và bước thứ hai là sử dụng thông tin này thiết lập mối liên hệ để nhận được kết quả đo từ số chỉ.

#### Chú thích:

- Kết quả hiệu chuẩn cho phép hoặc xác định giá trị của đại lượng đo theo số chỉ hoặc xác định sự hiệu chỉnh đối với số chỉ.

- Hiệu chuẩn cũng có thể xác định các tính chất đo lường khác như tác động của đại lượng ảnh hưởng đến phương tiện đo.

- Kết quả hiệu chuẩn có thể được ghi trong một tài liệu đôi khi được gọi là giấy chứng nhận hiệu chuẩn hoặc thông báo hiệu chuẩn.

#### 2.1.10. **Kiểm định (Verification):**

Việc cung cấp bằng chứng khách quan rằng đối tượng đã cho đáp ứng được các yêu cầu quy định.

#### 2.1.11. **Chuẩn đo lường (Measurement standard)**

Vật đo, phương tiện đo, mẫu chuẩn hoặc hệ thống đo để định nghĩa, thể hiện, duy trì hoặc tái tạo đơn vị hoặc một hay nhiều giá trị của đại lượng để dùng làm mốc so sánh.

#### Chú thích:

- Tập hợp các vật đo tương tự hoặc các phương tiện đo sử dụng kết hợp với nhau để tạo thành một chuẩn được gọi là chuẩn nhóm.

- Tập hợp các chuẩn với những giá trị được chọn một cách riêng biệt hoặc phối hợp với nhau để cung cấp một dãy giá trị của các giá trị cùng loại được gọi là bộ chuẩn.

#### 2.1.12. **Chuẩn (đo lường) quốc tế (International (measurement) standard)**

Chuẩn được một hiệp định quốc tế công nhận để làm cơ sở ấn định giá trị cho các chuẩn khác của đại lượng có liên quan trên phạm vi quốc tế.

#### 2.1.13. **Chuẩn (đo lường) quốc gia (National (measurement) standard)**

Chuẩn được một quyết định có tính chất quốc gia công nhận để làm cơ sở ấn định giá trị cho các chuẩn khác có liên quan trong một nước.

**2.1.14. Chuẩn đầu (Primary standard)**

Chuẩn được chỉ định hay được thừa nhận rộng rãi là có chất lượng về mặt đo lường cao nhất và giá trị của nó được chấp nhận không dựa vào các chuẩn khác của cùng đại lượng.

Chú thích:

Khái niệm chuẩn đầu có giá trị như nhau đối với đại lượng cơ bản và đại lượng dẫn xuất.

**2.1.15. Chuẩn thứ (Secondary standard)**

Chuẩn mà giá trị của nó được ấn định bằng cách so sánh với chuẩn đầu cùng đại lượng.

**2.1.16. Chuẩn chính (Reference standard)**

Chuẩn thường có chất lượng cao nhất về mặt đo lường có thể có ở một địa phương hoặc một tổ chức xác định mà các phép đo ở đó đều được dẫn xuất ở chuẩn này.

**2.1.17. Chuẩn công tác (Working standard)**

Chuẩn được dùng thường xuyên để hiệu chuẩn hoặc kiểm tra vật đo, phương tiện đo hoặc mẫu đo.

Chú thích:

- Chuẩn công tác thường xuyên được hiệu chuẩn so với chuẩn chính.
- Chuẩn công tác được sử dụng thường xuyên để đảm bảo cho các phép đo đang được thực hiện một cách đúng đắn được gọi là chuẩn kiểm tra.

**2.1.18. Liên kết chuẩn đo lường (Metrological traceability):**

Tính chất của kết quả đo nhờ đó kết quả có thể liên hệ tới mốc quy chiếu thông qua một chuỗi không gián đoạn các phép hiệu chuẩn được lập thành tài liệu, mỗi phép hiệu chuẩn đóng góp vào độ không đảm bảo đo.

Chú thích:

Chuỗi so sánh không gián đoạn được gọi là chuỗi liên kết chuẩn.

**2.1.19. Mẫu chuẩn (Reference material - RM):**

Vật liệu đủ đồng nhất và ổn định với mốc quy chiếu về các tính chất xác định, được thiết lập phù hợp với việc sử dụng đã định trong phép đo hoặc trong việc kiểm tra các tính chất danh nghĩa.

**2.1.20. Mẫu chuẩn được chứng nhận (Certified reference material - CRM):**

Mẫu chuẩn có kèm theo giấy chứng nhận, trong đó một hay nhiều giá trị về tính chất của nó được chứng nhận theo một thủ tục nhằm thiết lập sự liên kết với việc thể hiện chính xác đơn vị mà theo đó các giá trị về tính chất được biểu thị ra và mỗi giá trị được chứng nhận có kèm theo độ không đảm bảo tương ứng với mức tin cậy quy định.

Chú thích:

- Các mẫu chuẩn đã được chứng nhận thường được chuẩn bị theo lô, các giá trị về tính chất được xác định bằng các phép đo trên mẫu đại diện cho lô với giới hạn không đảm bảo đã định.
- Các tính chất được chứng nhận của mỗi chuẩn đôi khi được thực hiện một cách thuận lợi và tin cậy khi mẫu chuẩn được đưa vào một thiết bị chế tạo đặc biệt, như một chất có điểm ba đã

biết trong một bình điếm ba, một thấu kính có mật độ quang học đã biết trong một bộ lọc truyền qua, một mặt cầu có kích thước hạt thống nhất đặt trên mặt kính mang vật kính hiển vi. Những thiết bị như thế cũng có thể được coi là mẫu chuẩn đã chứng nhận.

- Một số mẫu chuẩn và mẫu chuẩn đã chứng nhận có tính chất không thể xác định được bằng các phương pháp đo vật lý và hoá học một cách chính xác vì nó không thể có tương quan với một cấu trúc hoá học đã thiết lập hoặc vì các nguyên nhân khác. Những mẫu chuẩn đó bao gồm các mẫu chuẩn sinh học như vacxin với đơn vị quốc tế do WHO ấn định.

#### 2.1.21. Thử nghiệm thành thạo (Proficiency testing):

Việc xác định chất lượng thực hiện công việc hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm của phòng thí nghiệm bằng phương tiện so sánh liên phòng.

### 2.2. Các chữ viết tắt

STCL	Sổ tay chất lượng
Công ty	
PTNVL	<b>Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng</b>
PTN	Phòng thí nghiệm
HTQL	Hệ thống quản lý
HTCL	Hệ thống chất lượng
CB-NV	Cán bộ, nhân viên
QM	Cán bộ quản lý chất lượng
TM	Cán bộ quản lý kỹ thuật
QT	Quy trình
HD	Hướng dẫn
PP	Phương pháp
BM	Biểu mẫu
TB	Thiết bị
QĐ	Quyết định
TCVN	Tiêu chuẩn quốc gia
QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

**CHƯƠNG III**  
**CHÍNH SÁCH VÀ MỤC TIÊU CHẤT LƯỢNG**

**3.1. Chính sách chất lượng**

Sứ mệnh mang đến thành công cho *khách hàng, đối tác, cán bộ nhân viên và cổ đông* là tiền đề để **PHÒNG THÍ NGHIỆM** kiên định với các giá trị:

**CHUYÊN NGHIỆP – KHÁCH QUAN**

**KHOA HỌC – TIN CẬY**

**TRÁCH NHIỆM – SÁNG TẠO**

Để hiện thực hóa các giá trị này, **PHÒNG THÍ NGHIỆM** cam kết:

1. Tạo một nền tảng văn hóa tích cực, trách nhiệm, sáng tạo – áp dụng khoa học công nghệ mới, đổi mới và cải tiến liên tục để sử dụng và tái đầu tư nguồn lực nhằm xây dựng năng lực được thừa nhận quốc gia và một phần quốc tế;
2. Liên tục nâng cao năng lực nhân sự, bao gồm chuyên gia, thí nghiệm viên, kỹ thuật viên, chăm sóc khách hàng và đội ngũ hỗ trợ;
3. Tạo lập và phát triển các mối quan hệ tương hỗ với các đối tác trong và ngoài nước và với đội ngũ chuyên gia cộng tác viên;
4. Tuân thủ luật định và chế định liên quan;
5. Nhận thức rõ tầm quan trọng của tính công bằng và những xung đột tiềm ẩn về lợi ích khi thực hiện các hoạt động chứng nhận hệ thống quản lý và sản phẩm, từ đó đảm bảo rằng tất cả các hoạt động chứng nhận được thực hiện một cách độc lập, công bằng và không xung đột lợi ích;
6. Xây dựng, duy trì và cải tiến liên tục các hệ thống quản lý năng lực đánh giá sự phù hợp theo ISO/IEC 17025.

**GIÁM ĐỐC**



*Hà Thị Hiền*

### 3.2. Mục tiêu chất lượng

- Đảm bảo 100 % thiết bị đo lường thử nghiệm có ảnh hưởng đến chất lượng kết quả đo, thử nghiệm đều được hiệu chuẩn trước khi thực hiện các phép đo, thử nghiệm.
  - Đảm bảo độ bền vững của sản phẩm theo tiêu chuẩn, quy phạm nhà nước và quốc tế.
  - Đảm bảo mọi thành viên trong Phòng thí nghiệm đều thấu hiểu chính sách chất lượng, lấy ISO/IEC 17025:2017 là chuẩn mực bắt buộc áp dụng để duy trì và nâng cao chất lượng kết quả đo, thử nghiệm.
  - Tìm hiểu kỹ yêu cầu của khách hàng, đảm bảo kết quả đo thử nghiệm do Phòng thí nghiệm cung cấp luôn luôn đáp ứng tiêu chí: chính xác, tin cậy và kịp thời.
  - Tổ chức giáo dục và đào tạo cho mọi CB-NV của Phòng thí nghiệm nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, tạo phong cách chuyên nghiệp.
  - Chất lượng sản phẩm, dịch vụ tốt nhất, giá cả hợp lý, thỏa mãn tối đa yêu cầu của khách hàng.
- Mục tiêu chất lượng của các năm tiếp theo sẽ được xem xét và xác định cụ thể tại cuộc họp xem xét của lãnh đạo đối với HTQL của Phòng thí nghiệm.

**CHƯƠNG IV**  
**GIỚI THIỆU CHUNG VỀ**

**1. Thông tin về tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng**

- Tên tổ chức: Công ty TNHH MTV xây dựng thương mại LC
- Người đại diện Ông: Hà Thị Hiền Chức vụ: Giám Đốc
- Địa chỉ: Tổ 25 Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu.
- Điện thoại: 0981398619 Email:
- Mã số thuế: 6200090523 Website: <https://xaydunglc.com>
- Đăng ký kinh doanh số: 6200090523, đăng ký lần đầu ngày 24/11/2016 và đăng ký lần thay đổi thứ 3 ngày 14/9/2024 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lai Châu cấp

**2. Thông tin Phòng thí nghiệm vật liệu và kiểm định chất lượng công trình:**

- Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu và kiểm định chất lượng công trình.
- Địa chỉ: Tổ 5 Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu.
- Điện thoại: 0981398619.
- Trưởng phòng: Nguyễn Anh Tuấn

## CHƯƠNG V CÁC YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ

### 5.1 Tổ chức

#### 5.1.1 Mục đích

- Giới thiệu cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của PTNVL của Công ty.
- Định rõ trách nhiệm của mọi thành viên chủ chốt liên quan tới các hoạt động đo/ kiểm định/ hiệu chuẩn/ thử nghiệm của PTNVL, các hoạt động của các phòng ban khác.
- Công bố chính sách bảo mật của PTNVL.

#### 5.1.2 Nội dung

##### 5.1.2.1. Tư cách pháp nhân của Phòng thí nghiệm.

Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng trực thuộc Công ty cổ phần đầu tư phát triển GMC và tư cách pháp nhân của Phòng thí nghiệm lấy tư cách pháp nhân của Công ty.

##### 5.1.2.2. Chức năng và nhiệm vụ của Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được thành lập theo quyết định Số: ngày / /2025 có chức năng và nhiệm vụ sau:

##### Chức năng:

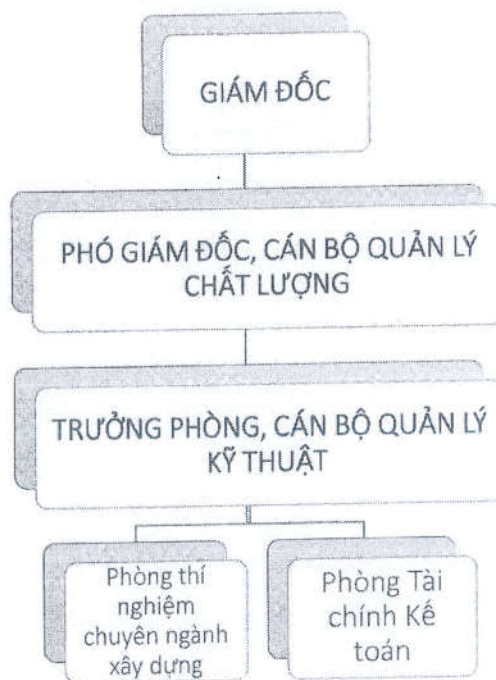
Phòng Thí nghiệm chịu trách nhiệm thực hiện các hợp đồng/yêu cầu thử nghiệm trong các lĩnh vực đã được xây dựng và phê duyệt năng lực.

##### Nhiệm vụ:

- Tham mưu giúp Giám đốc trong việc thực hiện công tác thí nghiệm kiểm định sản phẩm, hàng hóa theo đúng quy định của Nhà nước, thiết kế của công trình và Hợp đồng thí nghiệm do Công ty ký kết;
- Quản lý, tổ chức khai thác, sử dụng có hiệu quả máy móc thiết bị thí nghiệm phục vụ hoạt động thí nghiệm của Công ty;
- Tham gia hỗ trợ Công ty trong việc tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về các sản phẩm, dịch vụ của Phòng thí nghiệm tới Khách hàng.
- Xây dựng kế hoạch tháng, quý, năm cho công tác thí nghiệm, kiểm định và hoạt động của Phòng báo cáo Lãnh đạo Công ty phê duyệt;
- Lập các báo cáo định kỳ hàng tuần, tháng theo quy định của Công ty và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Lãnh đạo Công ty.
- Xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung, sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị, các ứng dụng khoa học công nghệ, các tài liệu tiêu chuẩn trong Phòng;
- Quản lý, vận hành Phòng thực hiện các phép thử đã được Nhà nước công nhận và thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm theo đúng các tiêu chuẩn hiện hành của Nhà nước; theo thiết kế của từng công trình;

- Quản lý việc cấp kết quả thí nghiệm đảm bảo tính trung thực, chính xác, khách quan tuân thủ quy định hiện hành của Nhà nước;
- Quản lý, sử dụng các máy móc thiết bị trong Phòng luôn đảm bảo trong thời gian hiệu chuẩn của Nhà nước; phát huy tối đa hiệu quả máy móc thiết bị trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Tổ chức xử lý, sắp xếp, lưu trữ, bảo quản, quản lý mẫu, hồ sơ, tài liệu; xây dựng hệ thống tra cứu thích hợp, sử dụng hiệu quả nguồn tài liệu;
- Lập các loại Sổ sách theo dõi phục vụ công tác thí nghiệm;
- Triển khai và kiểm tra việc thực hiện các quy định chung của Công ty cũng như quy định riêng đối với Phòng.

### 5.1.3 Sơ đồ tổ chức của Phòng thí nghiệm



#### 5.1.3.1 Giám đốc

- Là người đứng đầu và chịu trách nhiệm về toàn bộ các hoạt động của Công ty trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật.
- Chịu trách nhiệm xây dựng chính sách chất lượng và mục tiêu chất lượng của Công ty và đảm bảo chính sách này được hiểu, thực thi và duy trì ở tất cả các cấp của Công ty.
- Quy định nhiệm vụ chức trách cho các Phó giám đốc, các Trưởng phòng, ban và các cán bộ dưới quyền bằng văn bản. Quy định chức năng nhiệm vụ cho các bộ phận chuyên môn trong Công ty. Quản lý và sử dụng các cán bộ dưới quyền phục vụ cho hoạt động của Công ty.
- Tổ chức và điều hành các hoạt động nghiệp vụ của Công ty.
- Thiết lập, điều chỉnh các qui định, nội qui để quản lý, điều hành các hoạt động của Công ty.

- Phê duyệt cơ cấu tổ chức, trách nhiệm, quyền hạn của các bộ phận và cá nhân trong Công ty.
- Đảm bảo các nguồn lực cần thiết cho các hoạt động của Công ty.
- Phê chuẩn các quyết định khen thưởng, kỷ luật
- Chủ trì các cuộc họp giao ban.
- Ký các hợp đồng cung cấp dịch vụ, hợp đồng thuê chuyên gia theo qui định.
- Phê duyệt danh mục các chuyên gia bên ngoài, các đơn đặt hàng tới các nhà cung ứng.
- Quyết định xử lý các tình huống nghiêm trọng ảnh hưởng đến chất lượng, các khiếu nại của khách hàng phát sinh trong quá trình thực hiện các hợp đồng.
- Phê duyệt Chương trình đánh giá nội bộ và tham gia khi cần thiết.
- Ủy quyền một số công việc cho các cán bộ khác theo qui định.
- Thực hiện các công việc khác do cấp trên phân công.
- Tuân thủ các qui định của Hệ thống chất lượng.
- Có thể ủy quyền cho Phó giám đốc khi giải quyết công việc hoặc khi vắng mặt nhưng phải chịu trách nhiệm về kết quả công việc đã ủy quyền.
- Đảm bảo cung cấp các nguồn lực cần thiết.
- Phê duyệt các sổ tay, quy trình và quy định hướng dẫn.
- Ra quyết định thành lập Tổ xử lý kháng nghị và các tổ kỹ thuật.
- Phê duyệt các báo cáo, quyết định liên quan đến quá trình cấp, duy trì, đình chỉ hoặc thu hồi chứng nhận.
- Chủ trì cuộc họp xem xét của lãnh đạo.
- Chuẩn bị báo cáo và tham dự các cuộc họp của Hội đồng chứng nhận

#### 5.1.3.2 Phó giám đốc (Khi chưa có Phó giám đốc thì Giám đốc sẽ đảm nhận thay nhiệm vụ của vị trí này)

- Chịu trách nhiệm đảm bảo Hệ thống quản lý chất lượng của Công ty được xây dựng, áp dụng, duy trì và liên tục hoàn thiện một cách có hiệu quả, phù hợp với Chính sách chất lượng đề ra, phù hợp với các quy định của quốc gia và quốc tế có liên quan.
- Chịu trách nhiệm về việc quản lý, ban hành các sổ tay, quy trình, hướng dẫn và biểu mẫu của hệ thống quản lý chất lượng.
- Giám sát việc cung cấp và sử dụng nguồn lực cho hoạt động của Hệ thống.
- Phối hợp với các Trưởng phòng, ban liên quan để xem xét các quy trình hướng dẫn trước khi trình Giám đốc phê duyệt, xây dựng tiêu chuẩn năng lực cho từng vị trí công việc, xác định nhu cầu và lập chương trình đào tạo.
- Chịu trách nhiệm lập kế hoạch đánh giá nội bộ, điều hành công tác đánh giá nội bộ.
- Giám sát việc thực hiện các hành động khắc phục và phòng ngừa trong quá trình thực hiện và duy trì hệ thống quản lý chất lượng, xem xét các đề xuất cải tiến hệ thống.
- Bộ phận giải quyết khiếu nại của khách hàng trong việc xem xét và xử lý các kháng nghị, khiếu nại và tranh chấp.
- Liên lạc với Tổ chức công nhận để thực hiện các công tác liên quan.
- Chuẩn bị báo cáo về tình hình hoạt động của Hệ thống chất lượng để trình cuộc họp xem xét của lãnh đạo.
- Đại diện lãnh đạo có thẩm quyền sau:
  - ✓ Có các thẩm quyền của một thành viên trong ban lãnh đạo;
  - ✓ Đề nghị triệu tập và tham gia vào các cuộc họp bàn về Hệ thống quản lý;
  - ✓ Đề trình lên Giám đốc các biện pháp có liên quan đến Hệ thống quản lý

#### 5.1.3.3 Cán bộ quản lý chất lượng

Cán bộ Quản lý chất lượng (QM), ngoài các nhiệm vụ được GD uỷ quyền, có các nhiệm vụ sau đây đối với HTQLCL:

- Đảm bảo thiết lập, duy trì các quá trình cần thiết của hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017; báo cáo cho lãnh đạo về hoạt động của HTQL và mọi nhu cầu cải tiến; đảm bảo thúc đẩy toàn bộ các đơn vị trong Trung tâm nhận thức và thực hiện HTQL;
- Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình đánh giá chất lượng nội bộ và họp xem xét của lãnh đạo theo quy định trong HTQL của Trung tâm.

#### 5.1.3.4 Cán bộ quản lý kỹ thuật.

Cán bộ Quản lý kỹ thuật (TM), có các nhiệm vụ sau:

- Tham mưu cho lãnh đạo các vấn đề kỹ thuật về công tác thí nghiệm; về nguồn lực để thực hiện, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng;
- Chỉ đạo, giám sát, kiểm tra và cải tiến việc thực hiện các quy định kỹ thuật về công tác thí nghiệm.

#### 5.1.3.5 Trưởng phòng thí nghiệm

- Trực tiếp chỉ đạo tổ chức phòng do mình phụ trách hoàn thành các công việc được giao theo đúng quy trình của Hệ thống chất lượng.
- Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện đúng định kỳ việc hiệu chuẩn, bảo trì, bảo quản, sửa chữa...các trang thiết bị đo lường, thử nghiệm.
- Hướng dẫn, giám sát việc thực hiện đúng phương pháp đã chấp nhận trong quá trình tiến hành công tác thí nghiệm.
- Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các chương trình kiểm tra và đánh giá kết quả các phép hiệu chuẩn, thử nghiệm.
- Xử lý số liệu các chỉ tiêu thí nghiệm và phân tích; ký các Biên bản thí nghiệm, Giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn.

#### 5.1.3.6 Phó phòng thí nghiệm

Thực thi các nhiệm vụ và quyền hạn theo sự phân công và uỷ quyền của Trưởng phòng.

#### 5.1.3.7 Cán bộ kỹ thuật Phòng thí nghiệm

- Thực hiện các phép thí nghiệm được phân công.
- Kiểm tra và tiếp nhận các mẫu thí nghiệm được phân công.
- Thực hiện việc thí nghiệm theo quy trình, phương pháp đã được chấp nhận và theo các tài liệu hướng dẫn công việc.
- Báo cáo người có trách nhiệm mọi bất thường trong quá trình thí nghiệm.
- Bảo mật các kết quả, số liệu đã thu được theo yêu cầu của khách hàng.
- Chịu sự kiểm tra, giám sát của người phụ trách trực tiếp.

- Thường xuyên học tập, trau dồi kiến thức nghiệp vụ, kỹ năng chuyên môn để đáp ứng tốt nhiệm vụ được phân công.

## 5.2 Hệ thống quản lý

### 5.2.1. Mục đích

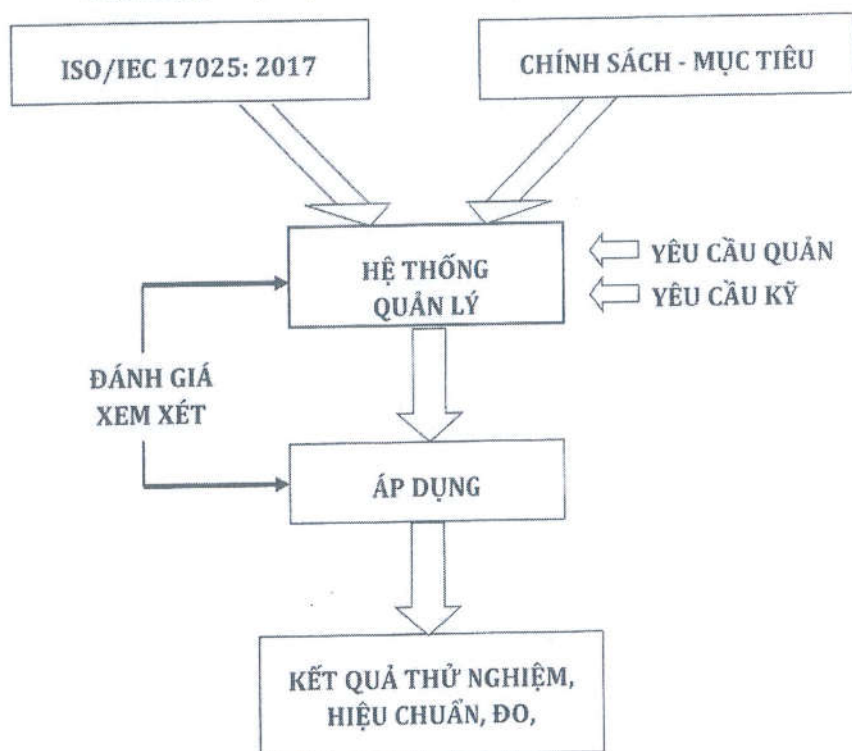
- Được xây dựng theo yêu cầu của ISO/IEC 17025: 2017, đáp ứng yêu cầu hoạt động của PTN và thoả mãn yêu cầu của khách hàng.
- Được xây dựng phù hợp với nhiệm vụ và hoạt động thực tế của PTN.

### 5.2.2. Nội dung

#### 5.2.2.1. Hệ thống quản lý

Hệ thống quản lý của PTN được lập thành văn bản, được phổ biến, thấu hiểu và áp dụng nhằm mục đích:

- Hệ thống quản lý của PTN là công cụ để hướng dẫn và tổ chức các hoạt động của PTN nhằm đạt được chính sách và mục tiêu chất lượng đề ra.
- Hệ thống quản lý của PTN nhằm giám sát chất lượng các hoạt động của Phòng, đảm bảo nâng cao chất lượng kết quả đo, phân tích, tạo niềm tin đối với khách hàng.
- Hệ thống quản lý được mô tả trên sơ đồ dưới đây:



#### 5.2.2.2 Cấu trúc của hệ thống tài liệu chất lượng

Hệ thống tài liệu chất lượng của PTN gồm:

- Sổ tay chất lượng.

- Các quy trình.
- Các phương pháp kiểm định/hiệu chuẩn/đo/thử nghiệm.
- Các hướng dẫn công việc.
- Các biểu mẫu.

Hệ thống tài liệu chất lượng được bố trí theo sơ đồ hình tháp:



### 5.2.2.3 Mô tả cấu trúc của hệ thống tài liệu chất lượng

#### a. Sổ tay chất lượng của PTN:

- Sổ tay chất lượng của PTN được ký hiệu: STCL
- Sổ tay chất lượng do QM phê duyệt. Sổ tay chất lượng được thể hiện dưới dạng tờ rời, lưu trữ trong tập tài liệu đục lỗ của phòng. Sổ tay chất lượng gồm 6 chương với các nội dung:
  - + Cơ cấu tổ chức, trách nhiệm và mối quan hệ giữa các bộ phận, vị trí chủ chốt trong PTN và GD Công ty.
  - + Chính sách của PTN đối với các yêu cầu cụ thể của ISO 17025:2017 để thực hiện chính sách và mục tiêu chung.

#### b. Các Quy trình:

Để cụ thể hoá việc thực hiện Sổ tay chất lượng và thực hiện chính sách chất lượng và mục tiêu chất lượng của PTN, PTN có trách nhiệm xây dựng và thực hiện các quy trình liên quan đã viện dẫn trong từng mục của STCL.

#### c. Các hướng dẫn và phương pháp

- Hướng dẫn: Các hướng dẫn thực hiện quy trình, hướng dẫn công việc, hướng dẫn thao tác thiết bị, hướng dẫn kiểm định/hiệu chuẩn/đo/thử nghiệm...
- Phương pháp: Bao gồm toàn bộ các phương pháp có trong danh mục chính thức áp dụng của PTN

#### d. Hồ sơ, biểu mẫu: Các biểu mẫu thuộc hệ thống chất lượng được áp dụng.

### 5.3 Kiểm soát tài liệu

#### 5.3.1 Mục đích

Nhằm đảm bảo tất cả các tài liệu sử dụng trong Công ty phải được kiểm soát.

#### 5.3.2 Nội dung

##### 5.3.2.1. Phân loại tài liệu kiểm soát

- Tài liệu nội bộ: là những tài liệu do Công ty biên soạn, được cấp có thẩm quyền phê duyệt để sử dụng trong HTCL. Tài liệu nội bộ bao gồm: STCL; các quy trình; các hướng dẫn; phương pháp nội bộ; sổ ghi chép; biểu mẫu trắng v.v...
- Tài liệu có nguồn gốc từ bên ngoài: là những tài liệu công bố của các Tổ chức trong nước hoặc quốc tế được phép sử dụng trong HTCL của Công ty. Tài liệu có nguồn gốc từ bên ngoài có thể bao gồm QCVN; TCVN; ĐLVN; Tiêu chuẩn quốc tế; sách tra cứu kỹ thuật; tài liệu VILAS v.v...

##### 5.3.2.2. Nội dung kiểm soát

###### a. Kiểm soát việc xét duyệt và ban hành tài liệu nội bộ:

- Mọi tài liệu cho các nhân viên trong Công ty sử dụng như một phần của hệ thống chất lượng phải được người có thẩm quyền xem xét và phê duyệt trước khi sử dụng.
- Việc sửa đổi tài liệu phải được giao cho người có trách nhiệm; việc phê duyệt phần sửa đổi cũng được tiến hành như phê duyệt tài liệu gốc.

###### b. Kiểm soát tài liệu có nguồn gốc bên ngoài:

- Tài liệu bên ngoài trước khi sử dụng phải được sự đồng ý của Trưởng phòng và phải được lập thành danh mục để kiểm soát

###### c. Kiểm soát việc phân phối tài liệu:

- Tài liệu được phổ biến và sẵn sàng cho người sử dụng;
- Tài liệu phân phối phải là những tài liệu mới nhất;
- Phải có danh mục phân phối tài liệu.

###### d. Kiểm soát lưu giữ tài liệu:

- Phải có bản gốc để lưu trữ nơi an toàn, nhưng được kiểm soát, dễ cập nhật và sao chép. Những tài liệu cũ, lạc hậu phải được thu hồi, lưu giữ riêng và có dấu hiệu nhận biết rõ ràng.

Việc kiểm soát tài liệu được thực hiện theo quy trình QT.01

### 5.5 Hợp đồng phụ

#### 5.5.1. Mục đích

Nhằm đảm bảo thỏa mãn khách hàng cho những phép thử mà PTN phải thuê nhà thầu phụ.

#### 5.5.2. Nội dung

PTN phải thông báo cho khách hàng bằng văn bản về thỏa thuận có sử dụng hợp đồng phụ và chỉ thực hiện khi có được sự đồng ý của khách hàng bằng văn bản, email hoặc điện thoại.

PTN chịu trách nhiệm đối với khách hàng về công việc của nhà thầu phụ ngoại trừ trường hợp khách hàng hoặc cơ quan pháp chế có thẩm quyền chỉ định nhà thầu phụ cần được sử dụng.

Hợp đồng phụ được thực hiện theo quy trình QT.07

## 5.6 Mua Dịch vụ và Vật dụng thí nghiệm

### 5.6.1. Mục đích

Đảm bảo việc lựa chọn việc mua dịch vụ và vật dụng thí nghiệm ảnh hưởng đến chất lượng các phép đo, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm của PTN được kiểm soát.

### 5.6.2. Nội dung

PTN thực hiện kiểm soát tất cả các hàng hóa, dịch vụ cần sử dụng cho hoạt động có ảnh hưởng đến chất lượng kết quả đo/kiểm định/hiệu chuẩn/ thử nghiệm. Việc kiểm soát được thực hiện từ khâu lựa chọn nhà cung ứng, phê duyệt nhu cầu mua sắm/ thuê dịch vụ và kiểm tra hàng hóa/ dịch vụ được cung cấp trước khi đưa vào sử dụng.

PTN chỉ lựa chọn các nhà cung ứng được đánh giá là phù hợp. Ưu tiên, lựa chọn các nhà cung ứng được công nhận/chứng nhận bởi cơ quan công nhận quốc gia hoặc quốc tế.

PTN chỉ sử dụng các dịch vụ cung cấp hỗ trợ từ bên ngoài gồm dịch vụ cung cấp vật tư, thiết bị, vật liệu thử, kiểm định, hiệu chuẩn... có chất lượng thích hợp.

Hồ sơ liên quan đến việc mua dịch vụ và vật dụng thí nghiệm được lập và lưu trữ tại PTN.

Quá trình mua dịch vụ và vật dụng thí nghiệm thực hiện theo quy trình QT.05

## 5.7 Dịch vụ đối với khách hàng

### 5.7.1. Mục đích

- Tạo điều kiện cho khách hàng hoặc đại diện của khách hàng hợp tác để làm rõ các yêu cầu của mình; khi cần thiết có thể quan sát hoạt động của PTN có liên quan đến công việc được thực hiện nhưng phải đảm bảo tính bảo mật đối với khách hàng khác.

- Dùng các thông tin phản hồi để cải tiến hệ thống chất lượng, các hoạt động đo/kiểm định/hiệu chuẩn/ thử nghiệm và phục vụ đối với khách hàng.

### 5.7.2. Nội dung

- Khách hàng được phép tìm hiểu năng lực của PTN. PTN phải tạo điều kiện cho khách hàng hoặc đại diện của khách hàng tham quan PTN để hiểu thêm về năng lực đo/hiệu chuẩn/ thử nghiệm của PTN.

- Phòng sẵn sàng thảo luận với khách hàng khi xem xét yêu cầu thí nghiệm để làm rõ mọi yêu cầu của khách hàng và giữ liên lạc với khách hàng để kịp thời thông báo các thay đổi, chậm trễ hoặc có sự sai lệch lớn khi thực hiện các phép đo, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm.

- PTN sẵn sàng tiếp nhận các ý kiến phản ánh của khách hàng và giải quyết nhanh chóng.

- Đáp ứng các yêu cầu của khách hàng về việc kiểm tra xác nhận như: việc chuẩn bị, đóng gói và gửi trả mẫu đo/kiểm định/hiệu chuẩn/thử nghiệm và bảo mật các thông tin của khách hàng.

- Khi khách hàng nếu thấy cần quan sát thiết bị, thao tác đo, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tại PTN phải được sự đồng ý và theo đúng hướng dẫn của người có trách nhiệm.

Các dịch vụ đối với khách hàng được thực hiện theo quy trình QT.08

## 5.8 Phàn nàn

### 5.8.1. Mục đích

Mọi phàn nàn, khiếu nại của khách hàng gửi đến đều phải được Công ty xem xét và có biện pháp giải quyết kịp thời, thoả đáng và mang lại sự thoả mãn cho khách hàng.

### 5.8.2. Nội dung

#### 5.8.2.1. Thu thập các khiếu nại

- Công ty lập phiếu tiếp nhận và giải quyết phàn nàn của khách hàng.

- Nếu khiếu nại bằng điện thoại, email người nhận khiếu nại ghi thông tin cần thiết vào phiếu tiếp nhận và giải quyết phàn nàn của khách hàng; với khiếu nại bằng văn bản, người nhận khiếu nại lưu văn bản vào hồ sơ khiếu nại.

#### 5.8.2.2. Xử lý khiếu nại

- Trưởng phòng, QM cùng xem xét, tìm biện pháp giải quyết các ý kiến khiếu nại của khách hàng.

- Nếu khiếu nại không hợp lý thì trả lời ngay cho khách hàng bằng văn bản, email, điện thoại.

- Nếu khiếu nại hợp lý phải tiến hành nghiên cứu, phân tích nguyên nhân và đề ra biện pháp giải quyết.

- Sau khi giải pháp đã thực hiện thoả mãn khách hàng thì trả lời khách hàng bằng văn bản, email, fax, điện thoại.

#### 5.8.2.3. Lưu hồ sơ

Toàn bộ quá trình tiếp nhận, giải quyết khiếu nại được lưu trong hồ sơ khiếu nại.

Quá trình giải quyết khiếu nại, phàn nàn của khách hàng thực hiện theo quy trình QT.03

## 5.9 Kiểm soát công việc đo/kiểm định/hiệu chuẩn/thử nghiệm không phù hợp

### 5.9.1 Mục đích

Nhằm kịp thời phát hiện việc đo/kiểm định/hiệu chuẩn/ thử nghiệm không phù hợp với các thủ tục của PTN hoặc yêu cầu đã thoả thuận với khách hàng.

### 5.9.2 Nội dung

Tạm dừng công việc và thông báo về việc đo/kiểm định/hiệu chuẩn/thử nghiệm không phù hợp cho khách hàng khi cần thiết.

Thu hồi lại các kết quả đo/kiểm định/hiệu chuẩn/thử nghiệm có liên quan đến kết quả đo/kiểm định/hiệu chuẩn/thử nghiệm không phù hợp.

Thực hiện đánh giá mức độ công việc không phù hợp.

Xác định khả năng và mức độ cho phép tiếp tục công việc.

Thực hiện ngay hành động khắc phục và đưa ra quyết định về khả năng chấp nhận công việc không phù hợp.

Khi việc đánh giá chỉ ra rằng công việc không phù hợp có thể lại xảy ra hoặc có nghi ngờ về sự phù hợp của các hoạt động so với các chính sách và các thủ tục của PTN phải thực hiện ngay thủ tục hành động khắc phục.

Việc kiểm soát công việc không phù hợp được thực hiện theo quy trình QT.10

#### 5.10 Cải tiến

Công ty thường xuyên cải tiến tính hiệu quả của Hệ thống quản lý của Công ty thông qua áp dụng Chính sách chất lượng, các thủ tục quản lý, các hướng dẫn sử dụng phép thử, các kết quả đánh giá chất lượng nội bộ và đánh giá của tổ chức công nhận, phân tích các dữ liệu, các hành động khắc phục và hành động phòng ngừa, xem xét của lãnh đạo.

#### 5.11 Hành động khắc phục

##### 5.11.1. Mục đích

Nhằm xác định chính xác các nguyên nhân của sự không phù hợp và thực hiện các hành động khắc phục cần thiết để loại bỏ nguyên nhân để nâng cao tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống quản lý.

##### 5.11.2. Nội dung

Hành động khắc phục: là hành động được tiến hành để loại bỏ nguyên nhân của sự không phù hợp đã được phát hiện. Hành động khắc phục được tiến hành ngăn ngừa sự tái diễn.

Quá trình thực hiện hành động khắc phục:

- Phân tích nguyên nhân.
- Lựa chọn và thực hiện hành động khắc phục.
- Theo dõi hành động khắc phục.
- Thực hiện đánh giá bổ sung để xác nhận hiệu quả của hành động khắc phục.

Việc kiểm soát hành động khắc phục được thực hiện theo quy trình QT.02

#### 5.12 Hành động phòng ngừa

##### 5.12.1. Mục đích

Hành động phòng ngừa là hành động được tiến hành nhằm loại bỏ nguyên nhân của sự không phù hợp tiềm ẩn (có khả năng xảy ra) để ngăn chặn không cho xảy ra.

##### 5.12.2. Nội dung

Công ty thường xuyên nghiên cứu, xác định các nguồn gốc tiềm tàng có thể dẫn đến sự không phù hợp trong hoạt động kỹ thuật và của hệ thống chất lượng, đồng thời phải xác định những cải tiến cần thiết nhằm nâng cao năng lực đo/kiểm định/hiệu chuẩn/thử nghiệm và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng. Khi xác định được nguyên nhân sẽ thực hiện hành động phòng ngừa cần thiết.

Việc kiểm soát hành động phòng ngừa được thực hiện theo quy trình QT.02

### 5.13 Kiểm soát hồ sơ

#### 5.13.1. Mục đích

Toàn bộ hồ sơ của Công ty phải được lưu giữ và quản lý nhằm:

- Đảm bảo an toàn hồ sơ không bị mất mát và nhầm lẫn.
- Đảm bảo tất cả các số liệu và bằng chứng kỹ thuật liên quan đến các phép đo, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm do PTN tiến hành được lưu giữ đầy đủ.
- Đảm bảo tất cả các số liệu của các phòng ban đều được lưu giữ đầy đủ.
- Đảm bảo tính truy hồi từ nguồn gốc.

#### 5.13.2. Nội dung

Để thực hiện được các mục đích nêu trên, Công ty phải tuân thủ theo Quy trình kiểm soát tài liệu hồ sơ QT.01

### 5.14 Đánh giá nội bộ

#### 5.14.1. Mục đích

Đảm bảo hệ thống quản lý luôn luôn có hiệu lực, được cải tiến, phù hợp với Hệ thống quản lý của Công ty.

#### 5.14.2. Nội dung

Thực hiện đánh giá nội bộ các hoạt động của Công ty tuân thủ một kế hoạch và thủ tục đã xác định nhằm kiểm tra xác nhận xem các hoạt động của Công ty còn tiếp tục tuân thủ các yêu cầu của hệ thống quản lý. Công ty phải tiến hành đánh giá nội bộ ít nhất mỗi năm 01 lần, theo các nội dung:

- Lập kế hoạch và tổ chức đánh giá theo kế hoạch và theo yêu cầu của lãnh đạo. Các nội dung đánh giá bao gồm tất cả các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005, ISO 9001:2008.
- Việc đánh giá nội bộ được thực hiện bởi những người đã qua đào tạo và có trình độ chuyên môn.
- Tiến hành thực hiện hành động khắc phục sau khi đánh giá nội bộ.
- Tiến hành kiểm tra xác nhận các hoạt động sau khi đánh giá nội bộ và ghi lại việc thực hiện, hiệu lực của hành động khắc phục đã thực hiện.
- Toàn bộ hồ sơ về hoạt động được đánh giá, các phát hiện khi đánh giá và các hành động khắc phục phát sinh từ lần đánh giá đó phải được lưu giữ.

Việc tổ chức và đánh giá nội bộ được thực hiện theo quy trình QT.02

### 5.15 Xem xét của Lãnh đạo

#### 5.15.1. Mục đích

Nhằm đảm bảo hệ thống quản lý của Công ty và các hoạt động đo/kiểm định/hiệu chuẩn/thử nghiệm đang tiếp tục phù hợp, có hiệu lực và để đưa ra những thay đổi hoặc cải tiến cần thiết.

Làm cơ sở cho việc hoạch định của Công ty về mục đích, mục tiêu và kế hoạch hành động trong năm tới.

#### 5.15.2. Nội dung

Hệ thống quản lý của Công ty và các hoạt động đo/kiểm định/hiệu chuẩn/thử nghiệm được lãnh đạo Công ty định kỳ xem xét 12 tháng một lần theo kế hoạch, thủ tục đã xác định và tuân theo các nội dung sau:

- Sự thích hợp của chính sách và các quy trình;
- Các báo cáo của người quản lý và giám sát;
- Kết quả của đánh giá nội bộ vừa qua;
- Hành động khắc phục và phòng ngừa;
- Các cuộc đánh giá của các tổ chức bên ngoài;
- Kết quả so sánh liên phòng hoặc thử nghiệm thành thạo;
- Các thay đổi về khối lượng, loại hình công việc;
- Thông tin phản hồi từ khách hàng;
- Các phân nàn;
- Các yếu tố liên quan khác như: các hoạt động kiểm soát chất lượng, nguồn lực và đào tạo nhân viên.

Xem xét của lãnh đạo còn bao gồm cả việc xem xét các vấn đề có liên quan tại cuộc họp thường kỳ của lãnh đạo.

Mọi phát hiện từ cuộc xem xét của lãnh đạo, các hoạt động phát sinh từ cuộc xem xét đó đều được ghi lại và các hoạt động đó được lãnh đạo đảm bảo thực hiện theo tiến độ, thời gian thích hợp và được thoả thuận.

Việc xem xét của lãnh đạo được thực hiện theo quy trình QT.02

## CHƯƠNG VI

### CÁC YÊU CẦU KỸ THUẬT

#### 6.1 Yêu cầu chung

PTN luôn đảm bảo các yếu tố quyết định mức độ chính xác và độ tin cậy của các phép đo, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm do PTN tiến hành. Các yếu tố này bao gồm: con người, tiện nghi và môi trường, phương pháp đo, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm và hiệu lực của phương pháp, thiết bị, tính liên kết chuẩn đo lường, xác định/lấy mẫu và quản lý mẫu thử.

#### 6.2 Tiện nghi và môi trường

##### 6.2.1. Mục đích

Thực hiện những quy định nhằm đảm bảo tiện nghi, môi trường đo, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm của PTN thực hiện chính xác việc đo, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tại chỗ hoặc di động tại hiện trường.

##### 6.2.2. Nội dung

##### 6.2.2.1. Mô tả mặt bằng PTN

- Tổng diện tích của PTN: khoảng 250 ~ 350 m<sup>2</sup>.
- Sơ đồ bố trí mặt bằng PTN: (xem phụ lục 2: PL02-STCL)

##### 6.2.2.2. Môi trường đo, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm

Các yêu cầu dưới đây quy định môi trường đo, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm thông thường và duy trì bảo quản mẫu, trang thiết bị đo, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm:

Phòng làm việc	Đại lượng ảnh hưởng		
	Nhiệt độ	Độ ẩm	Phương tiện kiểm soát
Khu vực Giao - nhận mẫu	Môi trường	Môi trường	
Khu vực thử nghiệm cơ lý	(23 ± 5) °C	(65±15) % RH	Máy đo độ ẩm, nhiệt độ
Khu vực thử nghiệm hóa	(23 ± 5) °C	(65±15) % RH	Máy đo độ ẩm, nhiệt độ

Các yêu cầu khác trong phương pháp yêu cầu, PTN phải thiết lập và tạo môi trường đo, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phù hợp với phương pháp.

##### 6.2.2.3. Kiểm soát môi trường

Phương tiện đo dùng để kiểm soát môi trường là: Nhiệt kế, ẩm kế treo tường. QM chỉ định cán bộ kỹ thuật chịu trách nhiệm ghi chép giá trị các đại lượng ảnh hưởng (nhiệt độ, độ ẩm tương đối của PTN) mỗi ngày 02 lần vào buổi sáng và buổi chiều.

Kết quả ghi chép được lưu trong sổ theo dõi điều kiện môi trường.

##### 6.2.2.4. Các điều kiện khác

Nguồn điện của các phòng thí nghiệm được lấy từ nguồn chung thông qua hệ thống đóng ngắt tự động phòng khi có sự cố chạm, chập nguồn điện.

PTN phải có hệ thống cửa cùng hệ thống đèn chiếu sáng luôn đảm bảo ánh sáng để làm việc.

PTN được sắp xếp gọn gàng và luôn luôn phải đảm bảo vệ sinh công nghiệp.

Tiện nghi và điều kiện môi trường được kiểm soát theo quy trình QT.11

### 6.3 Nhân sự

a. Trung tâm đảm bảo việc tuyển chọn nhân viên đủ phẩm chất và năng lực đáp ứng được nhu cầu công việc của đơn vị.

b. Bố trí công việc phù hợp với năng lực của từng nhân viên và phân công trách nhiệm rõ ràng cho mọi nhân viên trong Phòng thí nghiệm.

c. Bổ nhiệm cán bộ đủ năng lực và uy tín vào các vị trí phụ trách công tác chuyên môn trong Phòng thí nghiệm.

d. Tất cả cán bộ, nhân viên trong Trung tâm phải luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Cán bộ và nhân viên có nhiệm vụ và trách nhiệm chung như sau:

- Tiến hành công việc được phân công theo đúng các qui định đã được phê duyệt.

- Thực hiện công việc một cách trung thực và khách quan.

- Đảm bảo bảo mật thông tin theo quy định.

- Thường xuyên học tập để nâng cao trình độ và kỹ năng trong công việc.

e. Trung tâm luôn đảm bảo việc đào tạo cho nhân viên, đặc biệt là nhân viên mới tuyển dụng nhằm đảm bảo:

- Nhân viên được thường xuyên cập nhật kiến thức mới nhất liên quan đến công việc đang thực hiện.

- Nâng cao năng lực và trình độ của nhân viên để có thể thực hiện công việc được giao với kết quả cao nhất, phòng ngừa các sự không phù hợp xảy ra do trình độ nhân viên.

f. Phòng thí nghiệm khuyến khích việc các nhân viên tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn và các kiến thức bổ trợ.

g. Kết quả công tác và trình độ chuyên môn của tất cả các nhân viên được thẩm tra, đánh giá nhằm đảm bảo hoạt động của nhân viên luôn tuân thủ đúng các qui định đã đề ra và trình độ của nhân viên luôn đáp ứng được yêu cầu của công việc.

Việc quản lý nhân sự được thực hiện theo quy trình QT.04

### 6.4 Phương pháp đo/kiểm định/hiệu chuẩn/thử nghiệm

#### 6.4.1 Mục đích

Các phương pháp sử dụng đều được kiểm soát và đảm bảo tính cập nhật, phù hợp với năng lực của PTN.

PTN chỉ sử dụng các phương pháp đo thích hợp đối với các phép đo/kiểm định/hiệu chuẩn, thử nghiệm do PTN tiến hành bao gồm:

- Các phương pháp tiêu chuẩn hoá (tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn của nước phát triển...);
- Các phương pháp do PTN biên soạn dựa trên kinh nghiệm và các tài liệu kỹ thuật đã được xuất bản (sổ tay kỹ thuật, các thông báo kết quả nghiên cứu...), các hướng dẫn thao tác thiết bị; hướng dẫn phân tích, xử lý số liệu.

#### 6.4.2. Nội dung

Danh mục các phép đo/kiểm định/hiệu chuẩn/thử nghiệm do PTN tiến hành công bố kèm theo các phương pháp tương ứng được cho trong Phụ lục 2 (PL-03-STCL).

Việc lựa chọn và sử dụng phương pháp đo/kiểm định/hiệu chuẩn/thử nghiệm phải tuân thủ các quy định:

##### 6.4.2.1. Lựa chọn phương pháp

- Ưu tiên chọn lựa các phương pháp tiêu chuẩn phù hợp với năng lực của PTN. Phương pháp được chọn sử dụng phải là phương pháp mới nhất.
- Để đáp ứng yêu cầu của khách hàng, PTN có thể xây dựng và sử dụng các phương pháp nội bộ (do PTN biên soạn) hoặc các phương pháp do khách hàng yêu cầu.
- Khi khách hàng không xác định rõ phương pháp sử dụng thì PTN phải hướng dẫn lựa chọn các phương pháp thích hợp.
- Khách hàng được thông báo về phương pháp đo, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đang được sử dụng tại PTN.

##### 6.4.2.2. Phê duyệt phương pháp

Tất cả các phương pháp đo/hiệu chuẩn/ thử nghiệm không tiêu chuẩn hoặc do PTN biên soạn trước khi đưa vào sử dụng phải tiến hành “xác định giá trị sử dụng của phương pháp” và phải được phê duyệt.

Việc phê duyệt phương pháp phải căn cứ vào:

- Tính cập nhật của tài liệu kỹ thuật được sử dụng;
- Tính phù hợp với năng lực kỹ thuật của PTN;
- Tính đúng đắn của các kết quả đo/hiệu chuẩn/ thử nghiệm bằng phương pháp đã được kiểm soát.

##### 6.4.2.3. Lưu giữ, quản lý phương pháp đo/hiệu chuẩn/thử nghiệm của PTN

Các phương pháp đo, hiệu chuẩn, thử nghiệm của PTN là loại tài liệu kiểm soát và được lập thành danh mục theo quy định của quy trình QT.01

Tài liệu và văn bản gốc về phương pháp được lưu giữ tại tủ tài liệu của PTN do TM hoặc người được ủy quyền quản lý.

Việc lựa chọn và phê duyệt phương pháp thử nghiệm thực hiện theo Quy trình phê duyệt phương pháp đo/hiệu chuẩn/thử nghiệm QT.12

## 6.5 Thiết bị

### 6.5.1. Mục đích

- Đảm bảo trang thiết bị luôn luôn phù hợp với phương pháp đo, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm do PTN thực hiện.
- Đảm bảo việc vận chuyển thiết bị không làm ảnh hưởng đến tính chính xác trong trường hợp đo, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tại hiện trường.
- Được bảo quản tốt thông qua việc duy trì chế độ bảo trì, bảo dưỡng.
- Không sử dụng thiết bị sai hỏng.
- Luôn luôn được chỉ rõ tình trạng hiệu chuẩn, kiểm định, thử nghiệm.
- Bảo quản hồ sơ của từng trang thiết bị.

### 6.5.2. Nội dung

Thiết bị đo/kiểm định/hiệu chuẩn/thử nghiệm của PTN bao gồm thiết bị kiểm soát và thiết bị không kiểm soát.

#### 6.5.2.1. Danh mục thiết bị kiểm soát tại PTN

Thiết bị kiểm soát bao gồm tất cả thiết bị đo lường dùng đo, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm và các thiết bị kiểm soát các yếu tố có ảnh hưởng tới độ chính xác của kết quả các phép đo/kiểm định/hiệu chuẩn/thử nghiệm do các bộ phận đo/kiểm định/hiệu chuẩn/thử nghiệm của PTN tiến hành.

#### 6.5.2.2. Danh mục thiết bị không kiểm soát tại PTN

Thiết bị không kiểm soát bao gồm những thiết bị không làm ảnh hưởng đến độ chính xác của kết quả các phép đo/kiểm định/hiệu chuẩn/thử nghiệm mà PTN tiến hành.

Để đảm bảo đạt được những nội dung nêu trên PTN phải tuân theo Quy trình kiểm soát thiết bị QT.13

## 6.6 Tính liên kết chuẩn đo lường

### 6.6.1. Mục đích

Tất cả thiết bị kiểm soát của PTN bao gồm máy móc thiết bị chính, mẫu chuẩn sử dụng phải đảm bảo được dẫn xuất chuẩn từ chuẩn đến chuẩn quốc gia hoặc có chứng nhận hiệu chuẩn của nhà sản xuất còn hiệu lực.

Để đạt được mục đích đó, PTN phải:

- Thực hiện nghiêm chỉnh kế hoạch hiệu chuẩn, kiểm định định kỳ do PTN đề ra để đảm bảo các phép đo, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đều được liên kết với chuẩn quốc gia.
- Khi không được nối với chuẩn quốc gia phải có bằng chứng về sự phù hợp.
- Thực hiện việc kiểm tra sử dụng giữa các lần hiệu chuẩn/kiểm định.

## 6.6.2 Nội dung

### 6.6.2.1. Chương trình hiệu chuẩn

Hàng năm PTN tiến hành:

- Lập danh mục các thiết bị cần kiểm định, hiệu chuẩn và tiến hành thực hiện việc kiểm định, hiệu chuẩn theo kế hoạch.
- Lập kế hoạch kiểm tra giữa kỳ và thực hiện kế hoạch.

### 6.6.2.2. Hồ sơ liên kết chuẩn

Giấy chứng nhận kiểm định/ hiệu chuẩn là các bằng chứng thể hiện tính liên kết chuẩn là thành phần nhất thiết phải có trong hồ sơ của từng trang thiết bị.

### 6.6.2.4. Nhận biết tình trạng thiết bị kiểm soát

Với những thiết bị và phần mềm sau kiểm định, hiệu chuẩn được phép sử dụng được dán tem kiểm định, hiệu chuẩn của cơ quan kiểm định, hiệu chuẩn bên ngoài hoặc tem hiệu chuẩn nội bộ.

Với những thiết bị và phần mềm quá hạn kiểm định, hiệu chuẩn hoặc hư hỏng, PTN tuyệt đối không được sử dụng và dán nhãn cảnh báo cần thiết (“Không được sử dụng”, “thiết bị hỏng”...)

### 6.6.2.5. Trách nhiệm kiểm soát

Cán bộ quản lý kỹ thuật chịu trách nhiệm thực hiện và giám sát việc lập và lưu giữ hồ sơ trang thiết bị kiểm soát, thực hiện chương trình kiểm định, hiệu chuẩn bên ngoài, nội bộ, kiểm soát giữa kỳ và ghi nhãn nhận biết trang thiết bị.

## 6.7 Lấy mẫu

PTN sẽ tiến hành lấy mẫu tại cơ sở khi có các yêu cầu về hoạt động thử nghiệm của các phòng ban nội bộ PTN hoặc khách hàng bên ngoài.

Hoạt động lấy mẫu được tiến hành theo quy trình QT.15

## 6.8 Quản lý mẫu thử nghiệm

### 6.8.1 Mục đích

- Đảm bảo PTN có hệ thống tiếp nhận, quản lý mẫu đo/kiểm định/hiệu chuẩn/thử nghiệm, tránh mọi sự nhầm lẫn trong bất kỳ tình huống nào.
- Đảm bảo tính phù hợp của mẫu đo/kiểm định/hiệu chuẩn/thử nghiệm với năng lực của PTN.
- Đảm bảo công việc tiếp nhận, quản lý, lưu kho mẫu an toàn đúng yêu cầu.

### 6.8.2. Nội dung

#### 6.8.2.1. Tiếp nhận mẫu

Việc tiếp nhận mẫu được thực hiện sau khi đã hoàn tất các thủ tục về xem xét yêu cầu thử nghiệm của khách hàng.

- Mẫu do khách hàng trực tiếp đem đến phải qua bước giao nhận mẫu theo quy định.

#### 6.8.2.2. Quản lý mẫu

- Bộ phận tiếp nhận mẫu/ người được phân công phải có trách nhiệm mã hoá cho từng mẫu thử và đặt vào khu vực nhận mẫu đã quy định.

- Phải phân định rõ ràng giữa khu vực mẫu thử nghiệm và mẫu lưu;

- Phải đảm bảo các điều kiện bảo quản mẫu đo/kiểm định/hiệu chuẩn/thử nghiệm;

Việc tiếp nhận và quản lý mẫu đo/kiểm định/hiệu chuẩn/thử nghiệm phải tuân theo quy trình QT.15

### 6.9 Đảm bảo chất lượng đo thử nghiệm

#### 6.9.1. Mục đích

Đảm bảo và duy trì chất lượng các phép đo, hiệu chuẩn, thử nghiệm của các bộ phận thử nghiệm của PTN nhằm thoả mãn các yêu cầu của khách hàng.

#### 6.9.2. Nội dung

Để luôn duy trì và đảm bảo chất lượng kết quả đo/hiệu chuẩn/thử nghiệm PTN sẽ tiến hành hoạt động các nội dung, thông qua:

- Sẵn sàng thực hiện các chương trình so sánh liên phòng và thử nghiệm thành thạo do VILAS tổ chức.

- Thực hiện lại các phép đo/hiệu chuẩn/thử nghiệm sử dụng cùng một phương pháp hoặc các phương pháp khác nhau.

- Thực hiện thử nghiệm thành thạo nội bộ.

Việc đảm bảo chất lượng đo/hiệu chuẩn/ thử nghiệm được thực hiện theo “Quy trình đảm bảo kết quả đo thử nghiệm QT.16”; Quy trình thử nghiệm thành thạo, so sánh liên phòng QT.18.”

### 6.10 Báo cáo kết quả đo, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm

Nhằm thống nhất trình bày các biên bản, các giấy chứng nhận kết quả đo/kiểm định/hiệu chuẩn/ thử nghiệm do PTN phát hành; biên bản và giấy chứng nhận phải bao gồm các thông tin sau:

- Tiêu đề;

- Tên, địa chỉ của Công ty, vị trí nơi tiến hành đo/kiểm định/hiệu chuẩn/thử nghiệm nếu tiến hành thực hiện ngoài hiện trường;

- Các giấy chứng nhận, biên bản đo, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm được đánh số theo quy định;

- Tên và địa chỉ của khách hàng;

- Phương pháp đo/kiểm định/hiệu chuẩn/ thử nghiệm;

- Mô tả chuẩn và xác định rõ ràng mẫu đo/hiệu chuẩn/thử nghiệm;

- Ngày thực hiện phép đo/kiểm định/hiệu chuẩn/thử nghiệm;
- Các kết quả đo/kiểm định/hiệu chuẩn/thử nghiệm cùng với đơn vị đo lường;
- Tên, chức vụ, chữ ký của người có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đo/kiểm định/hiệu chuẩn/ thử nghiệm;
- Công bố về tính hiệu lực của các kết quả liên quan đến mẫu đã được đo/kiểm định/hiệu chuẩn/thử nghiệm;

Tất cả những sửa đổi, bổ sung nội dung giấy chứng nhận, biên bản sau khi đã ban hành (đã cung cấp cho khách hàng) chỉ được thực hiện dưới dạng của một tài liệu bổ sung và được chỉ ra rằng "Bổ sung cho giấy chứng nhận đo/kiểm định/hiệu chuẩn/thử nghiệm hoặc biên bản thử nghiệm, số serial... hoặc hình thức nhận dạng tương đương".

Việc báo cáo kết quả được thực hiện theo quy trình quản lý số liệu gốc và kết quả thử nghiệm QT.17

Lai Châu, ngày 20 tháng 02 năm 2026

**V.V/ LẬP DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU, TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY TRÌNH QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

- Căn cứ quy định Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 8 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026;
- Căn cứ yêu cầu tổ chức của Công ty TNHH một thành viên Thương mại Xây dựng LC;
- Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Danh mục các tài liệu và tiêu chuẩn kỹ thuật phục vụ công tác thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình chuyên ngành xây dựng của Công ty TNHH một thành viên Thương mại Xây dựng LC

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Ghi chú
<b>I</b>	<b>CƠ LÝ XI MĂNG</b>		
1	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:03	
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:11	
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015 - TCVN 8875:2012	
4	Xác định độ giãn nở Autoclave và Lechatelier	TCVN 8877:2021; TCVN 6017:2015	
5	Độ tách nước và độ tách vữa của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:1993	
<b>II</b>	<b>HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG</b>		
6	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:22	
7	Xác định hàm lượng bột khí	TCVN 3111:22	
8	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:22	
9	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:22	
10	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:22	
11	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:22	
12	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120:22	
13	Xác định cường độ lắng trụ và modun đàn hồi khi nén	TCVN 5762:22	
14	Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:12	
15	Xác định hàm lượng hạt và có kích thước nhỏ hơn 75 $\mu$ m (cát nghiền)	TCVN 9205:2012	
16	Xác định hàm lượng sét (cát nghiền)	TCVN 344:1985	
17	Xác định cường độ kéo khi ép chế của vật liệu liên kết chất kết dính	TCVN 8862:2011	
<b>III</b>	<b>THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG</b>		
18	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:03	
19	Xác định độ lưu động của vữa tươi (phương pháp bàn dẫn)	TCVN 3121-3:03	
20	Xác định cường độ uốn và nén của vữa	TCVN 3121-11:03	
<b>IV</b>	<b>VẬT LIỆU CÁT, ĐÁ DẼM (SỎI), CÁP PHỐI</b>		
21	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:06	

22	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:06	
23	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06	
24	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6; TCVN 10322: 14	
25	Xác định độ ẩm, độ hút nước	TCVN 7572-7:06; TCVN 10321:14	
26	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572:-8:06	
27	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06	
28	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06	
29	Xác định độ nén đập trong xi lanh và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06	
30	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles)	TCVN 7572-12:06	
31	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06	
32	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:06	
33	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:06	
34	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:06	
35	Xác định hệ số đương lượng cát (ES)	ASTM D2419-91	
36	Phương pháp xác định góc dốc tự nhiên của cát	ASTM D1883-99	
<b>V THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG</b>			
37	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:12	
38	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:12	
39	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:12	
40	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:14	
41	Xác định độ chặt đầm nén tiêu chuẩn	TCVN 4201:12;	
42	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:12	
43	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) - Trong phòng thí nghiệm	TCVN 8821:11	
44	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 8726:2012	
<b>VI KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG</b>			
45	Thử kéo	TCVN 197:2014	
46	Thử uốn	TCVN 1651:08; TCVN 198:08	
47	Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử uốn	TCVN 5401:10	
48	Kiểm tra chất lượng hàn ống - Thử nén dẹt	TCVN 5402:10	
49	Thử nghiệm phá hủy mối hàn kim loại - Thử kéo ngang	TCVN 8310:10	
50	Thử nghiệm phá hủy mối hàn kim loại - Thử kéo dọc	TCVN 8311:10	
51	Thử kéo bu lông - đai ốc	TCVN 1916:95; TCVN 256:85; ASTM A370:02	
52	Thép B40 - Phương pháp thử nghiệm Kéo, nén, giãn dài, khối lượng tăng phù	TCVN 1824:1993; TCVN 4392: 1986	
<b>VII BÊ TÔNG NHỰA</b>			
53	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:11	
54	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy ly tâm	TCVN 8860-2:11	
55	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:11	
56	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:11	



57	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:11	
58	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:11	
59	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:11	
60	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:11	
61	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:11	
62	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:11	
63	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:11	
64	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:11	
65	Bộ khoáng cho bê tông nhựa: Xác định thành phần hạt, lượng mất khi nung, hàm lượng nước, khối lượng riêng, khối lượng thể tích, khối lượng thể tích và độ rỗng dư, hệ số hao nước, hàm lượng chất hòa tan trong nước, độ trương nở thể tích, chỉ số hàm lượng nhựa.	22TCN 58:1984	
66	Kiểm tra hình dáng bên ngoài;	22TCN 58:1984	
<b>VIII</b>	<b>NHỰA BI TUM, NHỰA ĐƯỜNG LỎNG, NHỰ TƯƠNG AXÍT</b>		
67	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:05	
68	Xác định độ kéo dài ở 25 <sup>0</sup> C	TCVN 7496:05	
69	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:05	
70	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:05; TCVN 8818-1:11	
71	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163 <sup>0</sup> C trong 5 giờ	TCVN 7499:05	
72	Xác định tỷ lệ độ kim lún nhựa đường sau khi đun nóng ở 163 <sup>0</sup> C trong 5 giờ so với độ kim lún ở 25 <sup>0</sup> C	22TCN 279:01	
73	Xác định độ hòa tan của nhựa trong tricloretylen	TCVN 7500:05	
74	Xác định khối lượng riêng ở 25 <sup>0</sup> C	TCVN 7501:05	
75	Xác định độ nhớt động, nhớt tuyệt đối	TCVN 7502:05; TCVN 8818-5:11	
76	Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:05	
77	Xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-4:2011	
78	<b>THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG</b>		
79	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	22TCN 02-71; TCVN 8729:12	
80	Độ ẩm; khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:06; TCVN 8729:12	
81	Xác định modul đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:11	
82	Xác định modul đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:11	
83	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:11	
84	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:11	
85	Đo điện trở nổi đất	TCVN 9385:12	
86	Xác định cường độ nén của bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:12	
87	Phương pháp không phá hủy kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:12	
88	Sức kháng trượt xác định bằng con lắc Anh	TCVN 10271	
89	Kiểm tra hàm lượng tưới /m <sup>2</sup>	TCVN 8863-2011	
<b>X</b>	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH</b>		
90	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:09	
91	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:09	
92	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:09	

090523  
 ÔNG TY  
 HH MTV  
 CÔNG M  
 DỰNG L  
 U - T.L.P

93	Xác định độ hút nước, thấm nước	TCVN 6355-4:09	
94	Xác định khối lượng thể tích	TCVN6355-5:09	
95	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:09	
96	Thử nghiệm cơ gạch Terrazzo	TCVN 7744:2013	
<b>XII</b>	<b>PHÂN TÍCH HÓA LÝ NƯỚC</b>		
97	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4506:12	
98	Lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 4565:88	
99	Độ PH	TCVN 6492:11	
100	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:88	
101	Hàm lượng ion sunfat ( $SO_4^{2-}$ )	TCVN 6200:96	
102	Hàm lượng ion clorua	TCVN 6194:96	
103	Hàm lượng natri và Kali	TCVN 61933-3:00	
104	Kiểm tra vẩn dầu mỡ và màu sắc	TCVN 4506:212	

Phòng được phép thực hiện các phép thử trên theo tiêu chuẩn nước ngoài tương đương khác như: (ASTM,AASHTO, TCN, BS, JIS...)

**GIÁM ĐỐC**



**Hà Thị Hiền**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ

Hôm nay, ngày 1 tháng 1 năm 2026; Tại :Tổ 5, Phường Tân Phong , Tỉnh Lai Châu.

**Chúng tôi gồm:**

**1.Đại diện bên cho thuê (Bên A):**

- Bà: **Lò Thị Ngọc** Sinh ngày: 26/2/1987
- Nơi đăng ký HK: Tổ 5, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu
- CMND số: 011187007148 Cấp ngày 09/05/2021 Tại: CQLHCVTTXH
- Số điện thoại: 0976330592
- Số tài khoản: 3620469104 Ngân hàng BIDV Lai Châu

**2. Bên thuê (Bên B): Công ty TNHH MTV xây dựng thương mại LC**

- Đại Diện: bà Hà Thị Hiền
- Địa chỉ: Số 318 Đường Bé Văn Đàn, Phường Đoàn Kết, Tỉnh Lai Châu.
- ĐT: 0981398619
- Phòng thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình LAX XD
- Địa chỉ: Tổ 05, phường Tân Phong, TP Lai Châu, tỉnh Lai Châu

**Sau khi bàn bạc trên tinh thần dân chủ, hai bên cùng có lợi, cùng thống nhất như sau:**

Bên A đồng ý cho bên B thuê nhà tại địa chỉ: Mặt đường Nguyễn Chí Thanh – tổ 5 P. Tân Phong, Tỉnh Lai Châu.

**Giá thuê: 2.000.000/tháng**

Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản. Thanh toán 12 tháng/lần = **24.000.000 đồng** vào ngày đầu tiên của quý.

Thời gian thuê là 5 năm, sau khi kết thúc hợp đồng mà bên thuê muốn tiếp tục thuê thì hai bên thỏa thuận lại.

Tiền điện và nước đã bao gồm trong tiền thuê nhà.

Hợp đồng có giá trị kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2025 đến hết ngày 1 tháng 06 năm 2030

### TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

**\* Trách nhiệm của bên A:**

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi để bên B thực hiện theo hợp đồng.

**\* Trách nhiệm của bên B:**

- Thanh toán đầy đủ các khoản tiền theo đúng thỏa thuận. Nếu quá 15 ngày mà bên B không thanh toán đầy đủ thì hợp đồng tự động hết giá trị.



- Bảo quản các trang thiết bị và cơ sở vật chất của bên A trang bị cho ban đầu (làm hỏng phải sửa, mất phải đền).
- Không được tự ý sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất khi chưa được sự đồng ý của bên A.
- Giữ gìn vệ sinh xung quanh khu vực thuê, tự chịu trách nhiệm với công việc kinh doanh của mình
- Phải đăng ký tạm trú tạm vắng với cơ quan sở tại và đóng phí môi trường, phí vệ sinh theo quy định.
- Bên B phải chấp hành mọi quy định của pháp luật Nhà nước và quy định của địa phương.
- Mọi hình thức sang nhượng, mua bán ngoài phạm vi hợp đồng đều không có giá trị.

### TRÁCH NHIỆM CHUNG

- Hai bên phải tạo điều kiện cho nhau thực hiện hợp đồng.
- Trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực nếu bên nào vi phạm các điều khoản đã thỏa thuận thì bên còn lại có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng, nếu sự vi phạm hợp đồng đó gây tổn thất cho bên bị vi phạm hợp đồng thì bên vi phạm hợp đồng phải bồi thường thiệt hại.
- Một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì phải báo trước cho bên kia ít nhất 30 ngày và hai bên phải có sự thống nhất.
- Bên nào vi phạm điều khoản chung thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- Trong trường hợp xảy ra tranh chấp, hai Bên cố gắng cùng nhau bàn bạc các biện pháp giải quyết trên tinh thần hòa giải, có thiện chí và hợp tác. Nếu vẫn không thống nhất cách giải quyết thì hai Bên sẽ đưa vụ việc ra Tòa án Kinh tế Phường Tân Phong, toàn bộ chi phí xét xử do Bên thua chịu.
- Hợp đồng được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một bản.

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



*Hà Thị Hiền*

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

*Nguyễn Thị Ngọc*



**II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

**1. Thửa đất:**

- a) Thửa đất số: 78, tờ bản đồ số: 43
- b) Địa chỉ: Phường Tân Phong, Thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu
- c) Diện tích: 105m<sup>2</sup> (bằng chữ: Một trăm linh năm mét vuông)
- d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
- đ) Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị
- e) Thời hạn sử dụng: Lâu dài
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

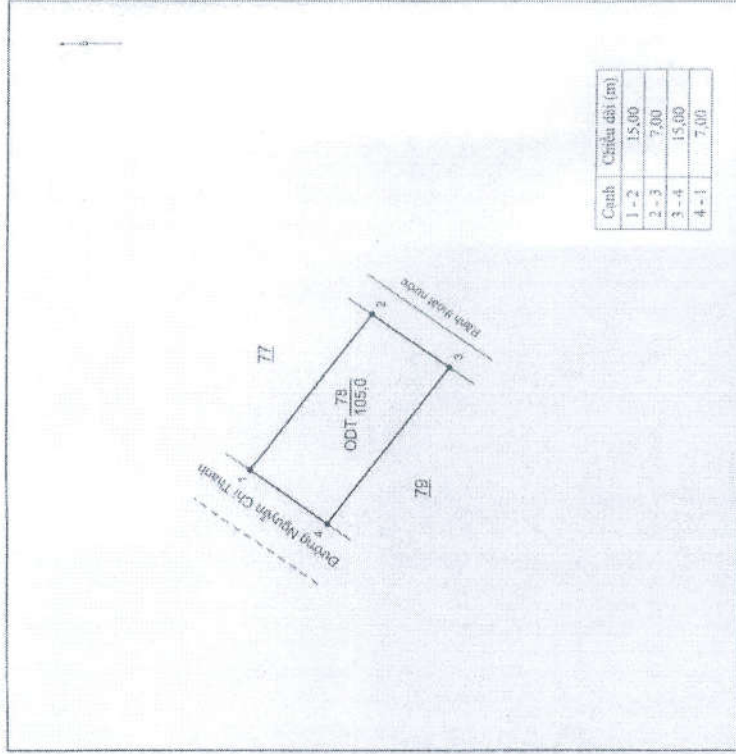
4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Gai chú: -

Cấp đổi từ GCNQSD đất số BX792124

**III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**



Lai Châu, ngày 28 tháng 3, năm 2022

**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LAI CHÂU**

**TU. GIÁM ĐỐC**

**GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI**

KT. GIÁM ĐỐC

KT. GIÁM ĐỐC



*Nguyễn Văn Châu*

Số vào sổ cấp GCN: CS03681

**IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận**

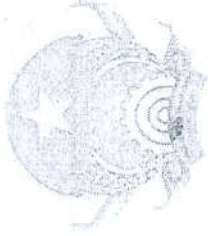
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Chuyển nhượng cho Bà Lò Thị Ngọc, Sinh năm: 1987, CCCD số: 011187007148, địa chỉ thường trú: Tô 9, thị trấn Mường Ảng, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên; theo hồ sơ số 003681.CN.001

Ngày 27/10/2022





**GIẤY CHỨNG NHẬN  
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**  
**QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

L. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất  
**Ông Lê Quang Tuất**  
Năm sinh: 1982, CCCD số: 036082015045  
Địa chỉ thường trú: Tổ 14, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.  
**Bà Trần Thị Ngọc**  
Năm sinh: 1985, CCCD số: 012185000957  
Địa chỉ thường trú: Tổ 14, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

CS 134151

Xác nhận của cơ quan  
có thẩm quyền

Ngày 05/04/2023

Người sử dụng đất: Đối địa chỉ thường trú là Tổ 9, thị trấn  
Mường Ảng, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên thành 10/5,  
phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu, theo  
hồ sơ số: 003681/DI.004

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý



Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bỏ  
sang bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư  
hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

Kiểm tra giấy chứng nhận này có bằng số 01

0338722003681

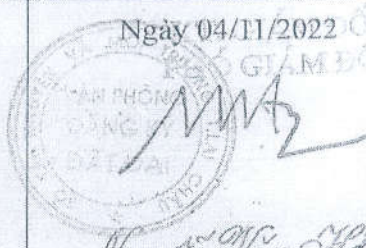


TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 78

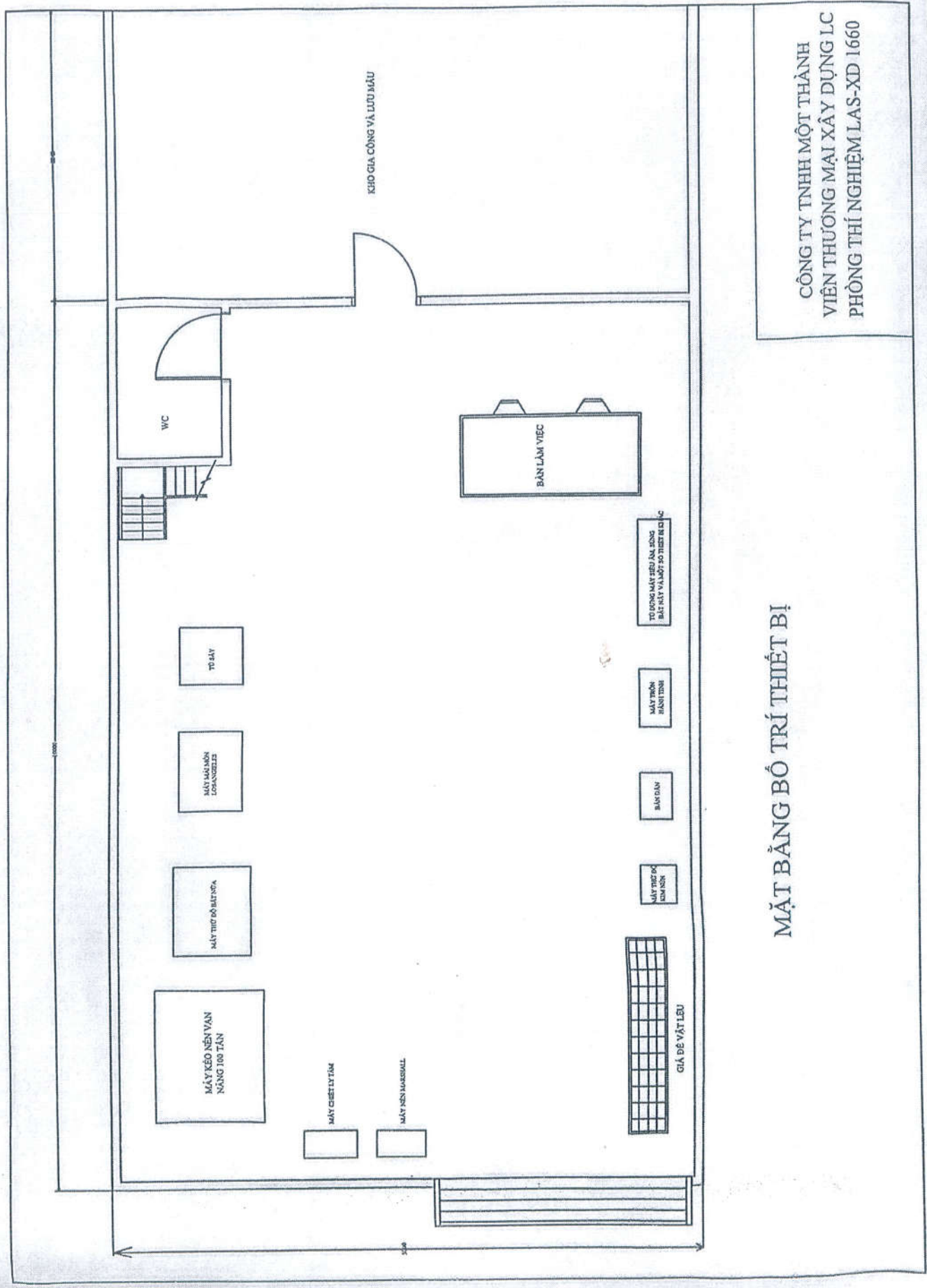
Tờ bản đồ số: 43

Số phát hành GCN: CS134151

Số vào sổ cấp giấy: CS03681

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
<p>Thế chấp bằng quyền sử dụng đất tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam-Chi nhánh Lai Châu, địa chỉ: Tổ 27, Phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu theo hồ sơ số 003681.TC.002</p>	<p>Ngày 04/11/2022</p>  <p>Nguyễn Văn Hải</p>
<p>Xoá nội dung đăng ký thế chấp ngày 04/11/2022 theo hồ sơ số 003681.XC.003</p>	<p>Ngày 30/3/2023</p>  <p>Đào Thế An</p>
<p>Thế chấp bằng quyền sử dụng đất tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lai Châu - PGD Đoàn Kết, địa chỉ: Số nhà 82, 84 đường Vừ A Dính, Phường Đoàn Kết, Thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu theo hồ sơ số 003681.TC.005</p>	<p>Ngày 14/4/2023</p>  <p>Nguyễn Văn Hải</p>

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý.



MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG LC PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1660

